

Tuần 1

Ngày soạn: 04.09.2021

Tiết: 3

BÀI MỞ ĐẦU. TẠI SAO CẦN HỌC ĐỊA LÍ?

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Hiểu được ý nghĩa và sự lý thú của việc học môn Địa lí.
- Nêu được vai trò của Địa lí trong cuộc sống.
- Hiểu được tầm quan trọng của việc nắm các khái niệm cơ bản, các kỹ năng địa lí trong học tập và sinh hoạt.

2. Về năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự học: khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm có hiệu quả.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sử dụng công cụ, phương tiện phục vụ bài học, biết phân tích và xử lí tình huống.

b. Năng lực đặc thù:

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: giải thích được một số hiện tượng địa lí.
- Năng lực tìm hiểu địa lí:
 - + Sử dụng kênh chữ sách giáo khoa (SGK) trang (tr) 115, 116.
 - + Sử dụng quả Địa cầu để giải thích được hiện tượng ngày đêm.
- Năng lực vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: vận dụng kiến thức địa lí để giải thích hiện tượng ngày và đêm.

3. Về phẩm chất: ý thức học tập nghiêm túc, say mê yêu thích tìm tòi những thông tin khoa học Địa lí.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên (GV)

- Giáo án, SGK, sách giáo viên (SGV)
- Quả Địa cầu, hình ảnh chuồn chuồn bay khi trời mưa.
- Bảng phụ ghi câu hỏi thảo luận nhóm và bảng nhóm cho HS trả lời.

2. Học sinh (HS): SGK, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động (5 phút)

a. Mục tiêu: Tạo tình huống giữa cái đã biết và chưa biết về môn Địa lí 6.

b. Nội dung: GV đặt các câu hỏi kích thích sự tư duy cho HS trả lời.

c. Sản phẩm: HS trả lời được các câu hỏi GV đặt ra.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ: *Em hãy cho biết ở lớp 5 các đã học được những kiến thức Địa lí nào?*

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.
- GV quan sát, đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3: Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

- Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:
 - + Địa lí Việt Nam: địa hình, khí hậu, đất đai, dân số, các hoạt động kinh tế...
 - + Địa lí thế giới: các châu lục: châu Á, châu Âu, châu Phi, châu Mỹ...
- HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

Bước 4. GV dẫn dắt vào nội dung bài mới: Vậy ở chương trình Lịch sử và Địa lí lớp 6 các em sẽ học được những nội dung kiến thức Địa lí gì? Tại sao cần phải học những kiến thức Địa lí đó? Để biết được điều này, lớp chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (30 phút)

2.1. Tìm hiểu sự lý thú của việc học môn Địa lí (10 phút)

a. Mục tiêu: HS hiểu được ý nghĩa và sự lý thú của việc học môn Địa lí.

b. Nội dung: HS sử dụng kênh chữ SGK và hình ảnh chuồn chuồn bay khi trời mưa, suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.



c. Sản phẩm: trả lời được các câu hỏi của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bài
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none">* GV gọi HS đọc nội dung mục I.* GV treo hình ảnh chuồn chuồn bay trong cơn mưa lên bảng và đặt câu hỏi cho HS:<ul style="list-style-type: none">- <i>Người dân vùng biển ra khơi vào lúc nào và trở về vào lúc nào?</i>- <i>Nêu các câu ca dao tục ngữ nhận biết hiện tượng trời mưa.</i>	<p>I. Sự lý thú của việc học môn Địa lí</p> <p>Nếu có kiến thức về địa lí, em sẽ giải thích được các hiện tượng địa lí trong đời sống hằng ngày.</p>

- Dựa vào đâu để giải thích được các hiện tượng vừa nêu?
- Bằng hiểu biết của bản thân em hãy giải thích câu ca dao:
*“Chuồn chuồn bay thấp thì mưa
 Bay cao thì nắng, bay vừa thì râm”*

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

- * HS quan sát hình ảnh và đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ để trả lời câu hỏi.
- * GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

- * Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

- Người dân vùng biển ra khơi vào chiều muộn và trở về vào sáng sớm.
- Ví dụ như:

*“Chuồn chuồn bay thấp thì mưa
 Bay cao thì nắng, bay vừa thì râm”*

- Dựa vào kiến thức địa lí để giải thích.
- HS giải thích: Do cánh của chuồn chuồn quá mỏng lại có các nan đặc biệt hút được độ ẩm của không khí. Vậy nên khi trời sắp mưa thì độ ẩm trong không khí tăng cao, không khí có nhiều hơi nước, đọng vào những bộ cánh mỏng của chuồn chuồn, làm tăng tải trọng, khiến chúng chỉ có thể bay là sát mặt đất.
- * HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

Bước 4. Đánh giá:

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.

2.2. Tìm hiểu về vai trò của Địa lí trong cuộc sống (10 phút)

a. Mục tiêu: HS nêu được vai trò của Địa lí trong cuộc sống.

b. Nội dung: HS sử dụng kênh chữ SGK và đoạn thông tin Em có biết, suy nghĩ để trả lời các câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm: trả lời được các câu hỏi của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bài
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * GV gọi HS đọc nội dung mục II. * GV yêu cầu HS dựa vào kênh chữ SGK để trả lời các câu hỏi sau: <ul style="list-style-type: none"> - <i>Tiu-li đã tránh được sóng thần nhờ có kiến thức và kỹ năng địa lí nào?</i> - <i>Nêu vai trò của Địa lí trong cuộc sống.</i> <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * HS dựa vào kênh chữ SGK và đoạn thông tin Em có biết, suy nghĩ để trả lời câu hỏi. * GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS. <p>Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình: <ul style="list-style-type: none"> - <i>Tiu-li đã tránh được sóng thần nhờ có kiến thức và kỹ năng địa lí: Ở phía xa, đại dương đột nhiên nổi lên một cơn sóng trông rất lớn. Nước biển đột nhiên rút xuống để lộ ra một khoảng trống lớn, những bong bóng nước lớn sủi lên...Đó là dấu hiệu của một trận sóng thần.</i> - HS đọc dòng 3-7 SGK trang 116 để nêu vai trò của Địa lí trong cuộc sống (Nội dung ghi bài). * HS các nhóm khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân. <p>Bước 4. Đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt. 	<p>II. Vai trò của Địa lí trong cuộc sống</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hướng học sinh tìm hiểu về các quá trình thay đổi của các sự vật, hiện tượng địa lí, làm sáng tỏ những tác động và sự thay đổi trong mối quan hệ giữa con người và môi trường... - Giúp học sinh phát triển nhiều năng như sử dụng bản đồ, xác định phương hướng. - Giúp học sinh trở thành những công dân toàn cầu, có hiểu biết và quan tâm đến môi trường sống xung quanh.

2.3. Tìm hiểu về tầm quan trọng của việc nắm các khái niệm và kỹ năng địa lí (10 phút)

a. Mục tiêu: HS hiểu được tầm quan trọng của việc nắm các khái niệm cơ bản, các kỹ năng địa lí trong học tập và sinh hoạt.

b. Nội dung: Sử dụng kênh chữ SGK, suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm: trả lời được các câu hỏi của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bài
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ: * GV yêu cầu HS đọc nội dung mục III, sau đó trả lời các câu hỏi sau: - Lấy 2 ví dụ về khái niệm và kỹ năng địa lí. - Trong cuốn sách này, các em sẽ tìm hiểu kiến thức và rèn luyện những kỹ năng gì? - Rút ra kết luận về tầm quan trọng của việc nắm các khái niệm và kỹ năng địa lí.</p> <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ: * HS dựa vào kênh chữ trong SGK, suy nghĩ để trả lời câu hỏi. * GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận: * Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình: - Khái niệm địa lí: động đất, sóng thần; kỹ năng địa lí: cách phòng tránh động đất, sóng thần. - Trong cuốn sách này, các em sẽ tiếp tục tìm hiểu, khám phá nhiều kiến thức và rèn luyện nhiều kỹ năng địa lí khác. Các em sẽ sử dụng các tư liệu và công cụ địa lí như bản đồ, biểu đồ, số liệu, sơ đồ, tranh ảnh, mô hình. Các em cũng sẽ được rèn luyện kỹ năng tự sưu tầm và lưu trữ tư liệu địa lí theo chủ đề học tập, theo mục đích của riêng mình. + HS đọc 2 đoạn cuối SGK tr116 để nêu tầm quan trọng của việc nắm các khái niệm và kỹ năng địa lí. (Nội dung ghi bài) - HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.</p> <p>Bước 4. Đánh giá: GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.</p>	<p>III. Tầm quan trọng của việc nắm các khái niệm và kỹ năng địa lí</p> <p>- Khi học Địa lí việc đặt ra và tìm cách trả lời những câu hỏi, cái gì ở đâu? khi nào như thế nào? vì sao? ...giúp các em có được trên tảng kiến thức nhất định để vận dụng vào thực tiễn. - Việc hiểu và biết cách vận dụng các kiến thức, kỹ năng địa lí vào cuộc sống là rất cần thiết và hữu ích.</p>

3. Hoạt động luyện tập (5 phút)

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn.

c. Sản phẩm: trả lời được câu hỏi mà GV giao.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi cho HS: *Dựa vào kiến thức đã học, em hãy nêu vai trò của Địa lí trong cuộc sống.*

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

* HS dựa vào kiến thức đã học, suy nghĩ, trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi.

* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

- Hướng học sinh tìm hiểu về các quá trình thay đổi của các sự vật, hiện tượng địa lí, làm sáng tỏ những tác động và sự thay đổi trong mối quan hệ giữa con người và môi trường...

- Giúp học sinh phát triển nhiều năng như sử dụng bản đồ, xác định phương hướng.

- Giúp học sinh trở thành những công dân toàn cầu, có hiểu biết và quan tâm đến môi trường sống xung quanh.

Bước 4. Đánh giá:

- GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

4. Hoạt động vận dụng (5 phút)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn.

c. Sản phẩm: trả lời được câu hỏi mà GV giao.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi cho HS: *Dựa vào Quả Địa cầu và kiến thức đã học, em hãy giải thích vì sao lại có ngày và đêm?*

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

* HS quan sát Quả Địa cầu, suy nghĩ, trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi.



Sanho
VN

* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

- Do Trái Đất có dạng hình cầu nên Mặt Trời bao giờ cũng chỉ chiếu sáng được một nửa. Nửa được chiếu sáng là ngày, nửa nằm trong bóng tối là đêm.
- Nhờ có sự vận động tự quay quanh trục của Trái Đất nên ở khắp nơi trên Trái Đất đều lần lượt có ngày và đêm.

Bước 4. Đánh giá:

- GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

CHƯƠNG 1. BẢN ĐỒ - PHƯƠNG TIỆN THỂ HIỆN BỀ MẶT TRÁI ĐẤT

BÀI 1. HỆ THỐNG KINH, VĨ TUYẾN VÀ TỌA ĐỘ ĐỊA LÍ

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Xác định được trên quả địa cầu: kinh tuyến gốc, Xích đạo, các bán cầu.
- Ghi được tọa độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ.
- Nhận biết được một số lưới kinh vĩ tuyến của bản đồ thế giới.

2. Về năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự học: khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm có hiệu quả.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sử dụng công cụ, phương tiện phục vụ bài học, biết phân tích và xử lí tình huống.

b. Năng lực đặc thù:

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Nhận thức được ý nghĩa của hệ thống kinh, vĩ tuyến.
- Năng lực tìm hiểu địa lí:
 - + Khai thác kênh hình và kênh chữ trong SGK từ tr118-121.
 - + Sử dụng quả Địa cầu, hình 1.1 SGK tr118 để xác định kinh tuyến gốc, Xích đạo, các bán cầu.
 - + Sử dụng lược đồ hình 1.2 SGK tr119 để xác định tọa độ địa lí của các điểm.
 - + Quan sát hình 1.3 SGK tr120 để nhận biết một số lưới kinh vĩ tuyến của bản đồ thế giới.
- Năng lực vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: xác định và ghi tọa độ địa lí trên đất liền bốn điểm cực Bắc, Nam, Đông, Tây của lãnh thổ nước ta.

3. Về phẩm chất: ý thức học tập nghiêm túc, say mê yêu thích tìm tòi những thông tin khoa học về hệ thống kinh vĩ tuyến và tọa độ địa lí.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên (GV)

- Giáo án, SGK, sách giáo viên (SGV), quả Địa cầu, tập bản đồ (TBD) Địa lí 6.
- Lược đồ hệ thống kinh vĩ tuyến trên quả địa cầu.
 - Bảng phụ ghi câu hỏi thảo luận nhóm và bảng nhóm cho HS trả lời.

2. Học sinh (HS): SGK, vở ghi, TBD Địa lí 6.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động (10 phút)

a. Mục tiêu: Tạo tình huống giữa cái đã biết và chưa biết nhằm tạo hứng thú học tập cho HS.

b. Nội dung: GV đặt các câu hỏi kích thích sự tư duy cho HS trả lời.

c. Sản phẩm: HS trả lời được các câu hỏi GV đặt ra.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ: Quan sát quả địa cầu và TĐĐ Địa lí 6 trang 10, 11 em hãy xác định các lục địa nằm ở nửa cầu Tây và nửa cầu Đông.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS quan sát quả địa cầu và TĐĐ Địa lí 6 trang 10, 11 để trả lời câu hỏi.

- GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

- Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

+ Các lục địa nằm ở nửa cầu Tây: Bắc Mỹ, Nam Mỹ.

+ Các lục địa nằm ở nửa cầu Đông: Á-Âu, Phi, Ô-xtrây-li-a.

- HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

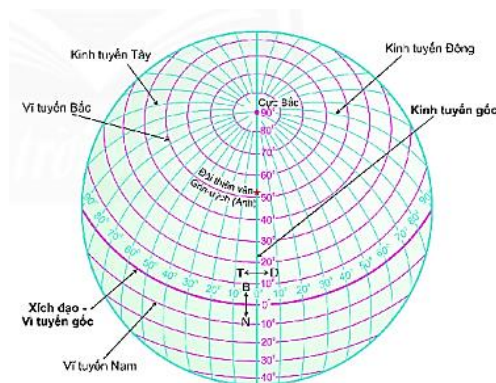
Bước 4. GV dẫn dắt vào nội dung bài mới: Vậy dựa vào đâu để người phân chia Trái Đất thành 2 nửa cầu Tây và Đông và làm thế nào để xác định được tọa độ địa lí của các điểm trên Trái Đất? Để biết được điều này, lớp chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (60 phút)

2.1. Tìm hiểu hệ thống kinh, vĩ tuyến (20 phút)

a. Mục tiêu: HS xác định được trên quả địa cầu: kinh tuyến gốc, Xích đạo, các bán cầu.

b. Nội dung: Quan sát quả Địa cầu, sơ đồ hình 1.1 kết hợp kênh chữ SGK tr 118, 119, suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.



Hình 1.1. Kinh tuyến và vĩ tuyến trên quả Địa Cầu.

c. Sản phẩm: trả lời được các câu hỏi của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bài
------------------------	------------------

Bước 1. Giao nhiệm vụ:

- * GV gọi HS đọc nội dung mục I SGK.
- * GV treo lược đồ hệ thống kinh vĩ tuyến trên quả địa cầu lên bảng.
- * GV yêu cầu HS quan sát hình 1.1, quả Địa cầu và thông tin trong bài, lần lượt trả lời các câu hỏi sau:
 - *Nêu khái niệm và lên xác định trên quả Địa cầu kinh tuyến, kinh tuyến gốc, kinh tuyến Đông, kinh tuyến Tây.*
 - *Nửa cầu Đông và Tây được xác định như thế nào?*
 - *Nêu khái niệm và lên xác định trên quả Địa cầu vĩ tuyến, vĩ tuyến gốc, vĩ tuyến Bắc, vĩ tuyến Nam.*
 - *Nửa cầu Bắc và Nam được xác định như thế nào?*
 - *Nêu ý nghĩa của hệ thống kinh vĩ tuyến.*

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

- * HS quan sát hình 1.1, quả Địa cầu và đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ để trả lời câu hỏi.
- * GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

- * Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:
 - HS đọc dòng 2-4 SGK tr118, dòng 1-4 SGK tr119 để nêu các khái niệm (Nội dung ghi bài).
 - HS lên xác định các kinh tuyến gốc, kinh tuyến đông, kinh tuyến tây; vĩ tuyến gốc, vĩ tuyến Bắc, vĩ tuyến Nam trên quả Địa cầu.
 - Kinh tuyến gốc và kinh tuyến 180^0 chia Trái Đất làm 2 nửa cầu Đông và Tây.
 - Vĩ tuyến gốc chia Trái Đất làm 2 nửa cầu Bắc và Nam.
 - Ý nghĩa: dựa vào hệ thống kinh, vĩ tuyến giúp ta xác định được vị trí của tất cả các địa điểm trên thế giới.
- * HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

Bước 4. Đánh giá:

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.

I. Hệ thống kinh, vĩ tuyến

- Kinh tuyến là các đường nối liền 2 điểm cực Bắc và Nam.
- Kinh tuyến gốc là kinh tuyến 0^0 đi qua đài thiên văn Grin-uyt (thủ đô Luân Đôn - nước Anh), Kinh tuyến nằm bên phải kinh tuyến gốc là kinh tuyến Đông. Kinh tuyến nằm bên trái kinh tuyến gốc là kinh tuyến Tây.
- Vĩ tuyến là các vòng tròn bao quanh quả Địa Cầu, song song với đường Xích đạo.
- Vĩ tuyến gốc là đường vĩ tuyến lớn nhất 0^0 (đường Xích Đạo) vĩ tuyến nằm từ xích đạo đến cực Bắc là vĩ tuyến Bắc. Vĩ tuyến nằm từ xích đạo đến cực Nam là vĩ tuyến Nam.

2.2. Tìm hiểu về tọa độ địa lí (25 phút)

a. **Mục tiêu:** HS ghi được tọa độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ.

b. **Nội dung:** Quan sát hình 1.2 kết hợp kênh chữ SGK tr119, thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi của GV.



Hình 1.2. Tọa độ địa lí của các điểm A, B, C, D.

c. **Sản phẩm:** trả lời được các câu hỏi của GV.

d. **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bài
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * GV gọi HS đọc nội dung mục II SGK. * GV chia lớp làm 8 nhóm, mỗi nhóm từ 4 đến 6 em, yêu cầu HS, yêu cầu HS quan sát hình 1.2 và thông tin trong bài, thảo luận nhóm cùng 1 chủ đề trong 5 phút để trả lời các câu hỏi sau: <ul style="list-style-type: none"> - Kinh độ, vĩ độ, tọa độ địa lí là gì? - Ghi tọa độ địa lí của điểm B, C, D. * GV hướng dẫn HS cách ghi tọa độ địa lí của điểm A trước khi giao nhiệm vụ: <div style="margin-left: 40px;"> $A \left\{ \begin{array}{l} 80^{\circ}T \\ 40^{\circ}B \end{array} \right.$ </div> <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * HS dựa vào hình 1.2, đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi. * GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS. 	<p>II. Tọa độ địa lí</p> <p>a. Khái niệm kinh độ, vĩ độ tọa độ địa lí</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kinh độ của một điểm là khoảng cách tính bằng số độ, từ kinh tuyến đi qua điểm đó đến kinh tuyến gốc. - Vĩ độ của một điểm là khoảng cách tính bằng số độ, từ vĩ tuyến đi qua điểm đó đến vĩ tuyến gốc (đường xích đạo) - Kinh độ và vĩ độ của một địa điểm được gọi chung là tọa độ địa lí của điểm đó <p>b. Cách viết tọa độ địa lí của một điểm</p>

<p>Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:</p> <p>* Sau khi nhóm HS có sản phẩm, GV cho các nhóm HS trình bày sản phẩm của mình, đại diện 1 nhóm lên thuyết trình câu trả lời trước lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc đoạn 1 và phần em có biết SGK 119 để nêu các khái niệm (Nội dung ghi bài) - HS viết tọa độ địa lí các điểm lên bảng: <div style="margin-left: 40px;"> <p>B { 40⁰Đ 20⁰B</p> <p>C { 20⁰Đ 40⁰N</p> <p>D { 40⁰T 20⁰N</p> </div> <ul style="list-style-type: none"> - HS các nhóm khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân. <p>Bước 4. Đánh giá:</p> <p>GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Kinh độ viết trước vĩ độ viết sau. - Kinh độ viết trên vĩ độ dưới.
--	---

2.3. Tìm hiểu về lưới kinh vĩ tuyến của bản đồ thế giới (15 phút)

a. Mục tiêu: HS nhận biết được một số lưới kinh vĩ tuyến của bản đồ thế giới.

b. Nội dung: Quan sát hình 1.3 kết hợp kênh chữ SGK tr120, suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm: trả lời được các câu hỏi của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

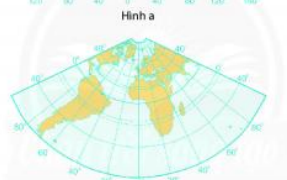
Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bài
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ:</p> <p>* GV cho HS đọc nội dung mục III SGK.</p>	<p>III. Lưới kinh vĩ tuyến của bản đồ thế giới</p>

* GV yêu cầu HS quan sát hình 1.3, và thông tin trong bài, lần lượt trả lời các câu hỏi sau:

- Hãy mô tả đặc điểm lưới kinh, vĩ tuyến của hình 1.3a.

- Hãy mô tả đặc điểm lưới kinh, vĩ tuyến của hình 1.3b.

- Hãy mô tả đặc điểm lưới kinh, vĩ tuyến của hình 1.3c.



Hình 1.3. Một số lưới kinh vĩ tuyến của bản đồ thế giới.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

vụ:

* HS dựa vào hình 1.3a, 1.3b và 1.3c, đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ để trả lời câu hỏi.

* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

- Hình 1.3a: HS đọc dòng 3, 4 SGK tr120 để mô tả (Nội dung ghi bài)

- Hình 1.3b: Kinh tuyến là những đường thẳng song song cách đều nhau. Vĩ tuyến là những đường tròn song song và cách đều nhau.

- Hình 1.3c: Kinh tuyến là những đường cong song song cách đều nhau. Vĩ tuyến cũng là những đường cong song song và cách đều nhau. Kinh tuyến gốc và vĩ tuyến gốc là những đường thẳng vuông góc với nhau.

* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

Bước 4. Đánh giá:

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.

Lưới kinh vĩ tuyến của bản đồ thế giới với phép chiếu đồ hình trụ: Kinh tuyến là những đường thẳng song song cách đều nhau. Vĩ tuyến cũng là những đường thẳng song song và cách đều nhau. Các kinh, vĩ tuyến vuông góc với nhau.

3. Hoạt động luyện tập (10 phút)

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn.

c. Sản phẩm: trả lời được câu hỏi mà GV giao.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ:

GV yêu cầu HS dựa vào hình 1.4 và kiến thức đã học, hãy trả lời các câu hỏi sau:

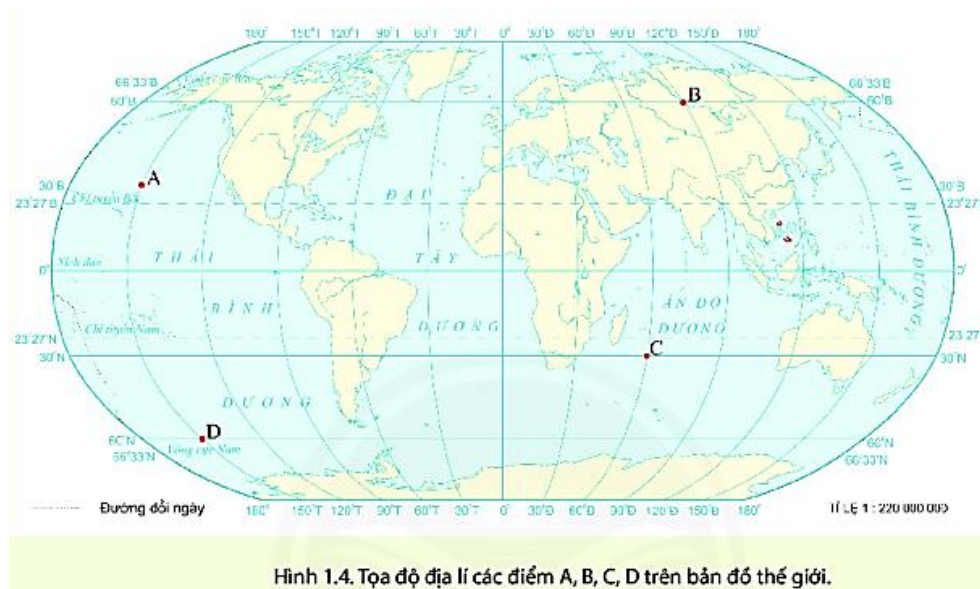
Câu 1. Mô tả đặc điểm lưới kinh vĩ tuyến của bản đồ hình 1.4

Câu 2. Tìm trên bản đồ các vĩ tuyến vòng cực Bắc và vòng cực Nam, chí tuyến Bắc và chí tuyến Nam.

Câu 3. Xác định tọa độ địa lí của các điểm A, B, C, D.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

* HS dựa vào hình 1.4, kiến thức đã học, suy nghĩ, trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi.



Hình 1.4. Tọa độ địa lí các điểm A, B, C, D trên bản đồ thế giới.

* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

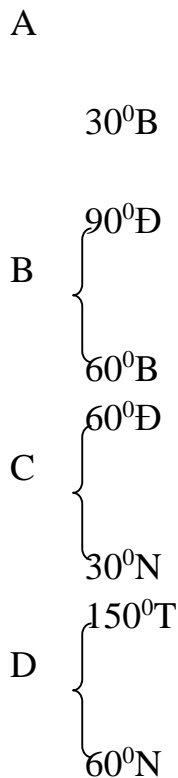
* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

Câu 1: Kinh tuyến là những đường cong song song cách đều nhau. Vĩ tuyến là những đường thẳng song song và cách đều nhau. Kinh tuyến gốc và các vĩ tuyến là đường thẳng vuông góc với nhau.

Câu 2: vòng cực Bắc: $66^{\circ}33'N$, vòng cực Nam: $66^{\circ}33'S$, chí tuyến Bắc: $23^{\circ}27'N$, chí tuyến Nam: $23^{\circ}27'S$.

Câu 3:

$\left. \begin{array}{l} \\ \\ \\ \end{array} \right\} 150^{\circ}T$



Bước 4. Đánh giá:

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

4. Hoạt động vận dụng (10 phút)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

b. Nội dung: GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm ở lớp và hoàn thành bài tập ở nhà.

c. Sản phẩm: bài tập nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

- **Bước 1. Giao nhiệm vụ:** GV đặt câu hỏi cho HS: *Quan sát TBĐ Địa lí 6 trang 14, 15 và kiến thức đã học hãy xác định và ghi tọa độ địa lí trên đất liền bốn điểm cực Bắc, Nam, Đông, Tây của lãnh thổ nước ta.*

Hoạt động này nếu còn thời gian GV hướng dẫn HS làm việc ở lớp, nếu không còn thời gian thì hướng dẫn học sinh làm việc ở nhà.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

* HS quan sát TBĐ Địa lí 6 và kiến thức đã học, suy nghĩ, trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi.

* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

Cực Bắc { 105°20'Đ

	22 ^o 23'B
Cực Nam	{ 104 ^o 40'Đ
	{ 8 ^o 34'B
Cực Đông	{ 109 ^o 24'Đ
	{ 12 ^o 40'B
Cực Tây	{ 102 ^o 09'Đ
	{ 22 ^o 22'B

Bước 4. Đánh giá:

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

Tuần 4 +5
Tiết 12+15

Ngày soạn: 15.09.2021

BÀI 2. KÍ HIỆU VÀ CHÚ GIẢI TRÊN MỘT SỐ BẢN ĐỒ THÔNG DỤNG

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Biết đọc các kí hiệu bản đồ và chú giải bản đồ hành chính, bản đồ địa hình.
- Biết phân loại và nhận dạng các loại kí hiệu bản đồ.

2. Về năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự học: khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm có hiệu quả.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sử dụng công cụ, phương tiện phục vụ bài học, biết phân tích và xử lí tình huống.

b. Năng lực đặc thù:

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: giải thích được tại sao khi sử dụng bản đồ trước tiên phải đọc bảng chú giải.
- Năng lực tìm hiểu địa lí:
 - + Khai thác kênh hình và kênh chữ trong sách giáo khoa (SGK) từ trang (tr) 173-177.
 - + Quan sát hình 2.1 SGK để nhận biết một số đối tượng địa lí và kí hiệu quy ước của chúng trên bản đồ.
 - + Sử dụng bản đồ hình 2.2, 2.3 SGK để xác định bảng chú giải, kí hiệu thể hiện các loại khoáng sản, ranh giới hành chính.
 - + Sử dụng kênh chữ mục Em có biết để phân loại các loại kí hiệu bản đồ.
- Năng lực vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: xác định kí hiệu và vị trí của sân bay Nội Bài.

3. Về phẩm chất: ý thức học tập nghiêm túc, say mê yêu thích tìm tòi những thông tin khoa học về bản đồ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên (GV)

- Giáo án, SGK, SGV, bản đồ tự nhiên thế giới, tập bản đồ Địa lí 6.
- Bảng phụ ghi câu hỏi thảo luận nhóm và bảng nhóm cho HS trả lời.

2. Học sinh (HS): SGK, vở ghi, TBĐ Địa lí 6.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động (5 phút)

a. Mục tiêu: Tạo tình huống giữa cái đã biết và chưa biết nhằm tạo hứng thú học tập cho HS.

b. Nội dung: GV đặt các câu hỏi kích thích sự tư duy cho HS trả lời.

c. Sản phẩm: HS trả lời được các câu hỏi GV đặt ra.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ: *Quan sát TBĐ Địa lí 6 trang 12, 13. Các nước và vùng lãnh thổ trên thế giới em hãy cho biết tên thủ đô của nước ta. Thủ đô nước ta được kí hiệu như thế nào trên bản đồ?*

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS quan sát TBĐ Địa lí 6 trang 12, 13 để trả lời câu hỏi.
- GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3: Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

- Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:
 - + Thủ đô của nước ta là Hà Nội.
 - + Thủ đô nước ta được kí hiệu bằng chấm tròn đen ở trong trắng ở ngoài.
- HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

Bước 4. GV dẫn dắt vào nội dung bài mới: Vậy kí hiệu bản đồ là gì? Dựa vào đâu để biết được kí hiệu bản đồ thể hiện cho đối tượng địa lí nào và kí hiệu bản đồ được phân loại ra sao? Để biết được điều này, lớp chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (30 phút)

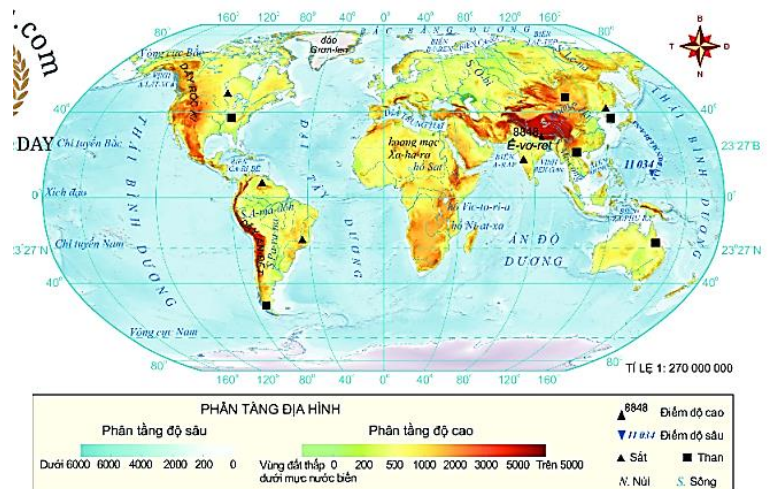
2.1. Tìm hiểu về kí hiệu bản đồ và chú giải (20 phút)

a. Mục tiêu: HS biết đọc các kí hiệu bản đồ và chú giải bản đồ hành chính, bản đồ địa hình.

b. Nội dung: Quan sát hình 2.1, hình 2.2, hình 2.3 kết hợp kênh chữ SGK tr122, 123, thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi của GV.



Hình 2.1. Một số đối tượng địa lí và kí hiệu quy ước của chúng trên bản đồ.



Hình 2.2. Bản đồ địa hình và sự phân bố một số mỏ sắt, mỏ than trên thế giới.

- c. Sản phẩm: trả lời được
- d. Tổ chức thực hiện:



các câu hỏi của GV.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bài
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * GV treo bản đồ tự nhiên thế giới lên bảng. * GV cho HS đọc nội dung mục I. * GV chia lớp làm 8 nhóm, yêu cầu HS quan sát các hình ảnh 2.1, 2.2, 2.3 SGK và thông tin trong bài, thảo luận nhóm trong 5 phút để trả lời các câu hỏi sau: <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 1, 2, 3, 4: <ul style="list-style-type: none"> + Kí hiệu bản đồ là gì? + Dựa vào hình 2.1, em hãy cho biết các kí hiệu a, b, c, d tương ứng với nội dung các hình nào (1, 2, 3, 4). + Quan sát hình 2.2 và hình 2.3 em hãy: Xác định các yếu tố sau: bảng chú giải, kí hiệu. - Nhóm 5, 6, 7, 8: <ul style="list-style-type: none"> + Cho biết kí hiệu nào thể hiện các mỏ sắt, mỏ than? Xác định các lục địa có nhiều mỏ than trên bản đồ tự nhiên thế giới. + Kí hiệu nào được dùng để thể hiện ranh giới của thành phố Hà Nội và các tỉnh lân cận? + Vì sao khi sử dụng bản đồ, trước hết chúng ta cần tìm đọc bảng chú giải? <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * HS dựa vào các hình 2.1, 2.2, 2.3, đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi. 	<p>I. Kí hiệu bản đồ và chú giải</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kí hiệu bản đồ là phương tiện dùng để thể hiện toàn bộ hay một phần của các sự vật và hiện tượng địa lí. - Vì hệ thống các kí hiệu của bản đồ rất đa dạng nên khi đọc bản đồ, trước hết chúng ta cần đọc bảng chú giải để nắm được đầy đủ ý nghĩa của các kí hiệu sử dụng trên bản đồ.

<p>* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:</p> <p>* Sau khi nhóm HS có sản phẩm, GV cho các nhóm HS trình bày sản phẩm của mình, đại diện 2 nhóm lên thuyết trình câu trả lời trước lớp (ví dụ nhóm 1, 5):</p> <p>- Nhóm 1:</p> <p>+ HS nêu khái niệm kí hiệu bản đồ theo nội dung đoạn SGK tr122 (Nội dung ghi bài).</p> <p>+ HS thực hiện ghép tranh theo đúng thứ tự: 1-c, 2-b, 3-a, 4-d.</p> <p>+ HS xác định các yếu tố sau: bảng chú giải, kí hiệu trên lược đồ.</p> <p>- Nhóm 5:</p> <p>+ HS quan sát bản chú giải bên dưới bản đồ để giải mã kí hiệu: than kí hiệu là hình vuông màu đen, sắt là hình tam giác màu đen.</p> <p>+ HS xác định trên bản đồ tự nhiên thế giới các lục địa có nhiều than gồm: Á-Âu, Bắc Mỹ, Nam Mỹ và Ô-xtrây-li-a.</p> <p>+ HS xác định kí hiệu dùng để thể hiện ranh giới của thành phố Hà Nội và các tỉnh lân cận là đường hình chữ i.</p> <p>+ HS rút ra kết luận tầm quan trọng của việc xem bảng chú giải để giải thích. (Nội dung ghi bài).</p> <p>- HS các nhóm khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.</p> <p>Bước 4. Đánh giá:</p> <p>- GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.</p>	
---	--

2.2. Tìm hiểu về các loại kí hiệu bản đồ (10 phút)

a. Mục tiêu: HS biết phân loại và nhận dạng các loại kí hiệu bản đồ.

b. Nội dung: Sử dụng kênh chữ SGK tr124 và mục Em có biết, suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm: trả lời được các câu hỏi của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bài
-------------------------------	-------------------------

<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * GV yêu HS đọc mục III SGK. * GV yêu cầu HS dựa vào thông tin trong bài, lần lượt trả lời các câu hỏi sau: <ul style="list-style-type: none"> - Cho biết kí hiệu bản đồ chia làm mấy loại. - Nêu công dụng và ví dụ cho từng loại. <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * HS đọc kênh chữ trong SGK để trả lời câu hỏi. * GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS. <p>Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình. * HS đọc mục Em có biết SGK tr124 để trình bày (Nội dung ghi bài) * HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân. <p>Bước 4. Đánh giá:</p> <p>GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.</p>	<p>II. Các loại kí hiệu bản đồ.</p> <p>Hệ thống kí hiệu trên da đồ thường chia thành ba loại: kí hiệu điểm, kí hiệu đường và kí hiệu diện tích.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kí hiệu điểm dùng để biểu hiện những sự vật, hiện tượng địa lí phân bố theo những điểm riêng biệt như một mỏ khoáng sản, một sân bay, một cảng biển... - Kí hiệu đường: thường được dùng để biểu hiện các sự vật, hiện tượng địa lí phân bố theo chiều dài như đường ranh giới quốc gia, đường giao thông, sông ngòi,... - Kí hiệu diện tích: thường được dùng để thể hiện các sự vật, hiện tượng địa lí phân bố theo diện tích như đất trống rừng, đầm lầy, vùng trồng lúa,...
---	--

3. Hoạt động luyện tập (5 phút)

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn.

c. Sản phẩm: trả lời được câu hỏi mà GV giao.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS dựa vào hình 2.2 SGK tr123 và kiến thức đã học, hãy trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1. Xác định độ cao của đỉnh Ê-vơ-rét, độ sâu của vực Ma-ri-a-na.

Câu 2. Tìm trên bản đồ dãy núi Róc-ki.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

* HS dựa vào hình 2.2, suy nghĩ, trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi.

* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

Câu 1: độ cao của đỉnh Ê-vơ-rét: 8848m, độ sâu của vực Ma-ri-a-na: 11034m.

Câu 2: dãy núi Róc-ki nằm ở phía tây lục địa Bắc Mỹ.

Bước 4. Đánh giá:

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

4. Hoạt động vận dụng (5 phút)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn.

c. Sản phẩm: trả lời được câu hỏi mà GV giao.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi cho HS: *Quan sát hình 2.3 trang 123 và kiến thức đã học hãy xác định kí hiệu và vị trí của sân bay Nội Bài.*

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

* HS dựa vào hình 2.3, suy nghĩ, trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi.

* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

- Kí hiệu thể hiện sân bay nội bài là hình thu nhỏ của 1 chiếc máy bay màu đỏ.

- Vị trí sân bay nội bài là nằm ở huyện Sóc Sơn, thủ đô Hà Nội.

Bước 4. Đánh giá:

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

Tuần 6+7
Tiết 18+19

Ngày soạn: 25.09.2021

BÀI 3. TÌM ĐƯỜNG ĐI TRÊN BẢN ĐỒ

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Biết xác định hướng trên bản đồ và tính khoảng cách thực tế giữa 2 địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ.
- Biết đọc bản đồ, xác định được vị trí của đối tượng địa lí trên bản đồ.
- Biết tìm đường đi trên bản đồ.

2. Về năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự học: khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm có hiệu quả.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sử dụng công cụ, phương tiện phục vụ bài học, biết phân tích và xử lí tình huống.

b. Năng lực đặc thù:

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: nêu được ý nghĩa của tỉ lệ bản đồ.
- Năng lực tìm hiểu địa lí:
 - + Khai thác kênh hình và kênh chữ trong SGK từ tr 125-127.
 - + Sử dụng lược đồ hình 3.1, 3.4, 3.5 SGK tr125, 126 để xác định phương hướng.
 - + Sử dụng lược đồ hình 3.5 SGK tr126 để vẽ và tính khoảng cách thực tế giữa 2 địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ.
- Năng lực vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: tính khoảng cách thực tế giữa 2 địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ.

3. Về phẩm chất: ý thức học tập nghiêm túc, say mê yêu thích tìm tòi những thông tin khoa học về bản đồ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên (GV)

- Giáo án, SGK, sách giáo viên (SGV), tập bản đồ (TBD) Địa lí 6.

- Hình 3.5 SGK phóng to.
 - Bảng phụ ghi câu hỏi thảo luận nhóm và bảng nhóm cho HS trả lời.
- 2. Học sinh (HS):** SGK, vở ghi, máy tính bỏ túi, TĐĐ Địa lí 6.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động (10 phút)

a. Mục tiêu: Tạo tình huống giữa cái đã biết và chưa biết nhằm tạo hứng thú học tập cho HS.

b. Nội dung: GV đặt các câu hỏi kích thích sự tư duy cho HS trả lời.

c. Sản phẩm: HS trả lời được các câu hỏi GV đặt ra.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ: *Quan sát quả địa cầu và TĐĐ Địa lí 6 trang 9 em hãy cho biết hướng đi từ đền Ngọc Sơn đến Tháp Rùa? Khoảng cách trên bản đồ từ đền đền Ngọc Sơn đến Tháp Rùa là bao nhiêu cm?*

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS quan sát quả địa cầu và TĐĐ Địa lí 6 trang 9 để trả lời câu hỏi.
- GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3: Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

- Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:
 - + Hướng đi từ đền Ngọc Sơn đến Tháp Rùa là hướng nam.
 - + Khoảng cách từ đền đền Ngọc Sơn đến Tháp Rùa là 3cm.
- HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

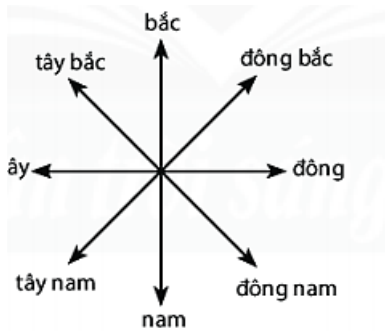
Bước 4. GV dẫn dắt vào nội dung bài mới: Khoảng cách trên bản đồ từ đền đền Ngọc Sơn đến Tháp Rùa là 3cm, vậy để tính khoảng cách ngoài thực địa từ đền Ngọc Sơn đến Tháp Rùa thì ta phải dựa vào đâu? Để biết được điều này, lớp chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (60 phút)

2.1. Tìm hiểu phương hướng trên bản đồ (20 phút)

a. Mục tiêu: HS biết xác định hướng trên bản đồ.

b. Nội dung: Quan sát hình 3.1, hình 3.4. Lược đồ một khu phố kết hợp kênh chữ SGK tr125, suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.



Hình 3.1. Các hướng chính và hướng trung gian.



c. **Sản phẩm:** trả lời được các câu hỏi của GV.

d. **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bài
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * GV gọi HS đọc nội dung mục I SGK. * GV yêu cầu HS quan sát hình 3.1, 3.4 SGK và thông tin trong bài, lần lượt trả lời các câu hỏi sau: <ul style="list-style-type: none"> - <i>Nêu tên các hướng chính và hướng trung gian.</i> - <i>Nêu cách xác định phương hướng trên bản đồ.</i> - <i>Xác định vị trí của tòa nhà thư viện. Siêu thị ở phía nào của lược đồ? Công viên ở phía nào của lược đồ?</i> <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * HS đọc bài. * HS dựa vào hình 3.1, 3.3 SGK và đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ để trả lời câu hỏi. * GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS. <p>Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình: <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu tên các hướng chính và hướng trung gian theo đoạn 1 SGK tr125 (Nội dung ghi bài) + HS nêu cách xác định phương hướng trên bản đồ theo SGK đoạn 2 SGK tr125 (Nội dung ghi bài) + HS xác định vị trí của tòa nhà thư viện: phía bắc là nhà bạn Hà, phía nam là đường số 3, phía tây là đường số 4, 	<p>I. Phương hướng trên bản đồ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các phương hướng chính trên bản đồ là bắc, nam, đông, tây; các hướng trung gian là đông bắc, tây bắc, đông nam, tây nam,... - Để xác định phương hướng trên bản đồ người ta sử dụng hệ thống kinh, vĩ tuyến và quy ước như sau: phần chính giữa bản đồ là trung tâm, phía trên của kinh tuyến chỉ hướng bắc, phía dưới của kinh tuyến chỉ hướng này, bên phải của vĩ tuyến chỉ hướng đông, bên trái của vĩ tuyến chỉ hướng tây. - Đối với những bản đồ không thể hiện lưới kinh, vĩ tuyến chúng ta cần dựa vào kim chỉ nam hoặc mũi tên

<p>phía đông là đường số 2. Siêu thị ở phía đông của lược đồ, công viên ở phía đông bắc của lược đồ.</p> <p>- HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.</p> <p>Bước 4. Đánh giá:</p> <p>GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.</p>	<p>chỉ hướng Bắc để xác định hướng bắc, sau đó tìm các hướng còn lại.</p>
---	---

2.2. Tìm hiểu về tỉ lệ bản đồ (25 phút)

- a. **Mục tiêu:** HS tính được khoảng cách thực tế giữa 2 địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ.
- b. **Nội dung:** Quan sát hình 3.5. Lược đồ khu vực trung tâm TPHCM kết hợp kênh chữ SGK tr126, thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi của GV.



Hình 3.5. Lược đồ khu vực trung tâm Thành phố Hồ Chí Minh.

- c. **Sản phẩm:** trả lời được các câu hỏi của GV.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bài
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * GV gọi HS đọc nội dung mục II SGK. * GV treo hình 3.5 lên bảng. 	<p>II. Tỉ lệ bản đồ</p> <p>- Ý nghĩa: tỉ lệ bản đồ cho biết mức độ thu nhỏ của khoảng cách trên bản đồ so</p>

<p>* GV chia lớp làm 8 nhóm, yêu cầu HS quan sát hình 3.5 SGK và thông tin trong bài, thảo luận nhóm trong 5 phút để trả lời các câu hỏi sau:</p> <p>- Nhóm 1, 2, 3, 4: + <i>Tỉ lệ bản đồ cho ta biết điều gì? Có mấy loại tỉ lệ bản đồ.</i> + <i>Bản đồ hình 3.5 có tỉ lệ bao nhiêu? Nêu ý nghĩa của tỉ lệ đó.</i></p> <p>- Nhóm 5, 6, 7, 8: + <i>Nêu các bước tính khoảng cách thực tế giữa 2 địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ.</i> + <i>Khoảng cách trên bản đồ từ đền đền Ngọc Sơn đến Tháp Rùa là 3cm, vậy khoảng cách ngoài thực địa từ đền Ngọc Sơn đến Tháp Rùa là bao nhiêu? Biết bản đồ có tỉ lệ 1:10000.</i></p> <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ: * HS dựa vào hình 3.5, đọc kỹ chữ trong SGK, suy nghĩ, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi. * GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận: * Sau khi nhóm HS có sản phẩm, GV cho các nhóm HS trình bày sản phẩm của mình, đại diện 1 nhóm lên thuyết trình câu trả lời trước lớp: * Sau khi nhóm HS có sản phẩm, GV cho các nhóm HS trình bày sản phẩm của mình, đại diện 2 nhóm (ví dụ: nhóm 2, nhóm 6) lần lượt lên thuyết trình câu trả lời trước lớp: - Nhóm 2: + HS đọc dòng 1, 2 SGK tr126 để nêu ý nghĩa, phân loại tỉ lệ bản đồ (Nội dung ghi bài) + Bản đồ hình 3.5 có tỉ lệ 10000 nghĩa là 1cm trên bản đồ bằng 10000cm hay 100m trên thực tế. - Nhóm 6: + HS đọc dòng 6-10 SGK tr126 để nêu các bước tính khoảng cách thực địa dựa vào tỉ lệ bản đồ (Nội dung ghi bài)</p>	<p>với khoảng cách trên thực địa.</p> <p>- Để thể hiện lệ bản đồ người ta dùng tỉ lệ số và tỉ lệ thước.</p> <p>- Để tính khoảng cách trên thực địa (theo đường chim bay) dựa vào tỉ lệ bản đồ, chúng ta cần thao tác như sau: + Đo khoảng cách giữa hai điểm trên tờ bản đồ bằng thước kẻ. + Đọc độ dài đoạn vừa đo trên thước kẻ. + Dựa vào tỉ lệ bản đồ để tính khoảng cách trên thực địa.</p>
--	---

<p>+ Khoảng cách ngoài thực địa từ đền Ngọc Sơn đến Tháp Rùa là $3\text{cm} \times 10000 = 30000\text{cm}$ hay 300m.</p> <p>- HS các nhóm khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.</p> <p>Bước 4. Đánh giá:</p> <p>- GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.</p>	
---	--

2.3. Tìm hiểu về tìm đường đi trên bản đồ (15 phút)

a. Mục tiêu: HS biết đọc bản đồ và biết tìm đường đi trên bản đồ.

b. Nội dung: Quan sát hình 3.5 kết hợp kênh chữ SGK tr126, suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm: trả lời được các câu hỏi của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bài
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ:</p> <p>* GV cho HS đọc nội dung mục III SGK.</p> <p>GV yêu cầu HS quan sát hình 3.5 SGK, và thông tin trong bài, lần lượt trả lời các câu hỏi sau:</p> <p>- Để đọc bản đồ chọn tuyến đường đi, ta cần có những kỹ năng nào?</p> <p>- Xác định hướng đi từ Hội trường Tầng Nhất (Dinh Độc Lập) đến Nhà hát Thành phố.</p> <p>- Xác định tuyến đường ngắn nhất để đi từ Hội trường Thống Nhất đến chợ Bến Thành.</p> <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>* HS dựa vào hình 3.5, đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ để trả lời câu hỏi.</p> <p>* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:</p> <p>* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:</p> <p>- HS nêu các kỹ năng đọc bản đồ theo nội dung SGK dòng 2, 3 mục III tr126 (Nội dung ghi bài)</p>	<p>III. Tìm đường đi trên bản đồ</p> <p>- Bản đồ rất hữu ích để chọn tuyến đường đi, tìm địa điểm và ước tính thời gian di chuyển.</p> <p>- Để đọc bản đồ ta cần có nhiều kỹ năng đã được thực hành trước đó, bao gồm: cách xác định phương hướng, đo tính khoảng cách, sử dụng bằng chủ giải,...</p>

<p>- Hướng đi từ Hội trường Tầng Nhất (Dinh Độc Lập) đến Nhà hát Thành phố: hướng Đông.</p> <p>- Tuyến đường ngắn nhất để đi từ Hội trường Thống Nhất đến chợ Bến Thành: Nam Kỳ Khởi Nghĩa quẹo phải Lê Thánh Tôn.</p> <p>* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.</p> <p>Bước 4. Đánh giá:</p> <p>GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.</p>	
---	--

3. Hoạt động luyện tập (10 phút)

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn.

c. Sản phẩm: trả lời được câu hỏi mà GV giao.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS dựa vào hình 3.5 và kiến thức đã học, hãy trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1. Xác định hướng đi từ Hội trường Thống Nhất đến nhà thờ Đức Bà và Bảo tàng chứng tích.

Câu 2. Cho tỉ lệ bản đồ 1:2.000.000, 5cm trên bản đồ này sẽ tương ứng với bao nhiêu km trên thực địa.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

* HS dựa vào kiến thức đã học, suy nghĩ, trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi.

* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

Câu 1: Hướng đi từ Hội trường Thống Nhất đến nhà thờ Đức Bà là đông bắc; và đến Bảo tàng chứng tích là tây bắc.

Câu 2: 5cm trên bản đồ sẽ tương ứng với $5 \times 2.000.000 = 10.000.000\text{cm} = 100\text{km}$.

* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

Bước 4. Đánh giá:

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

4. Hoạt động vận dụng (10 phút)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn.

c. Sản phẩm: trả lời được câu hỏi mà GV giao.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi cho HS: *Nêu ý nghĩa của tỉ lệ bản đồ 1:6.000.000. Khoảng cách trên thực địa theo đường chim bay từ Hà Nội đến Hải Phòng là 105km, trên bản đồ Việt Nam, khoảng cách này là 10,5cm. Hỏi bản đồ này có tỉ lệ bao nhiêu?*

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

* HS dựa vào kiến thức đã học, suy nghĩ, trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi.

* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

- Tỉ lệ bản đồ: 1:6.000.000 có ý nghĩa là kích thước trên bản đồ đã được thu nhỏ 6.000.000 lần so với kích thước thực của chúng trên thực địa.

- Đổi: 105km = 10.500.000cm (Đổi từ km sang cm ta nhân cho 100.000), bản đồ đã thu nhỏ số lần là: $10.500.000:10,5 = 1.000.000$ (lần). Vậy bản đồ có tỉ lệ là 1:1.000.000.

* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

Bước 4. Đánh giá:

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

Tuần 8
Tiết 22

Ngày soạn: 05.10.2021

BÀI 4. LƯỢC ĐỒ TRÍ NHỚ

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Biết được công dụng của lược đồ trí nhớ.
- Vẽ được lược đồ trí nhớ thể hiện các đối tượng địa lí thân quen đối với HS.

2. Về năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự học: khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm có hiệu quả.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sử dụng công cụ, phương tiện phục vụ bài học, biết phân tích và xử lí tình huống.

b. Năng lực đặc thù:

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: nêu được công dụng của lược đồ trí nhớ.
- Năng lực tìm hiểu địa lí:
 - + Khai thác kênh hình và kênh chữ trong SGK từ tr 128-129.
 - + Quan sát hình 4.1 SGK tr129 để nhận biết một số đối tượng địa lí trong lược đồ trí nhớ.
 - + Sử dụng đoạn văn mô tả để vẽ lại hành trình chuyển đi.
- Năng lực vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: vẽ lại lược đồ trí nhớ từ nhà đến trường.

3. Về phẩm chất: ý thức học tập nghiêm túc, say mê yêu thích tìm tòi những thông tin khoa học về bản đồ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên (GV)

- Giáo án, SGK, SGV, hình 4.1 SGK phóng to.
- Bảng phụ ghi câu hỏi thảo luận nhóm và bảng nhóm cho HS trả lời.

2. Học sinh (HS): SGK, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu: Tạo tình huống giữa cái đã biết nhằm tạo hứng thú học tập cho HS.

b. Nội dung: GV đặt các câu hỏi kích thích sự tư duy cho HS trả lời.

c. Sản phẩm: HS trả lời được các câu hỏi GV đặt ra.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ: GV đặt CH cho HS: *Khoảng cách từ nhà đến trường của em là bao nhiêu km? Hãy mô tả lại hành trình di chuyển của em từ nhà đến trường.*

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS dựa vào trí nhớ để trả lời câu hỏi.
- GV quan sát, đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3: Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

- Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

+ Ví dụ: từ nhà em đến trường là 2km.

+ Mô tả: Từ nhà em chạy thẳng đến Bách Hóa Xanh rồi quẹo phải và chạy thêm 500m là đến trường.

- HS khác lắng nghe và nêu thêm ý kiến.

Bước 4. GV dẫn dắt vào nội dung bài mới: Vậy để vẽ lược đồ từ nhà đến trường thì các em phải thực hiện các bước nào? Để biết được điều này, lớp chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (30 phút)

2.1. Tìm hiểu lược đồ trí nhớ (10 phút)

a. Mục tiêu: HS nêu được công dụng của lược đồ trí nhớ.

b. Nội dung: Sử dụng kênh chữ SGK tr128, suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm: trả lời được các câu hỏi của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bài
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * GV yêu HS đọc mục I SGK. * GV yêu cầu HS dựa vào thông tin trong bài, lần lượt trả lời các câu hỏi sau: - <i>Lược đồ trí nhớ là gì?</i> 	<p>I. Lược đồ trí nhớ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lược đồ trí nhớ là hình ảnh về một địa điểm hoặc một khu vực cụ thể trong tâm trí của con người. - Công dụng:

<p>- <i>Nêu công dụng của lược đồ trí nhớ.</i></p> <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>* HS đọc kênh chữ trong SGK để trả lời câu hỏi.</p> <p>* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:</p> <p>* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình.</p> <p>- HS đọc đoạn 1, 2 kênh chữ SGK tr128 để trả lời (Nội dung ghi bài).</p> <p>- HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.</p> <p>Bước 4. Đánh giá:</p> <p>GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.</p>	<p>+ Lược đồ trí nhớ giúp chúng ta định hướng di chuyển từ nơi này đến nơi khác bằng cách vẽ phác hoạ tuyến đường đi.</p> <p>+ Lược đồ trí nhớ giúp chúng ta hiểu về thế giới xung quanh, sắp xếp không gian và thể hiện lại các đối tượng, phác hoạ hình ảnh của một địa điểm, một hành trình hoặc một vùng nào đó.</p>
--	--

2.2. Tìm hiểu về phác thảo lược đồ trí nhớ (20 phút)(Học sinh tự học)

a. Mục tiêu: HS vẽ được lược đồ trí nhớ.

b. Nội dung: Sử dụng đoạn văn mô tả SGK tr128 kết hợp kênh chữ SGK tr129, thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm: trả lời được các câu hỏi của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bài
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ:</p> <p>* GV cho HS đọc nội dung mục II và đoạn văn mô tả hành trình chuyển đi từ Hà Nội đến Tràng An ở mục I.</p> <p>* GV chia lớp làm 8 nhóm, yêu cầu HS dựa vào nội dung mục II và đoạn văn mô tả hành trình chuyển đi từ Hà Nội đến Tràng An ở mục I, thảo luận nhóm trong 5 phút để trả lời cùng 1 nội dung 2 câu hỏi sau:</p> <p>- <i>Nêu các bước vẽ lược đồ trí nhớ.</i></p> <p>- <i>Vẽ lược đồ trí nhớ từ Hà Nội đến Tràng An.</i></p> <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:</p>	<p>II. Phác thảo lược đồ trí nhớ</p> <p>- Hình dung: nhớ lại và suy nghĩ về nơi mà em sẽ vẽ lược đó. Ví dụ: khu phố, thôn xóm nơi em đang sống ngôi trường em đang học tập, đường đi từ nhà đến trường...</p> <p>- Sắp xếp không gian: Suy nghĩ về tất cả những hình ảnh em có về nơi đó và sắp</p>

* HS dựa vào nội dung mục II và đoạn văn mô tả hành trình chuyển đi từ Hà Nội đến Tràng An ở mục I, suy nghĩ, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi.

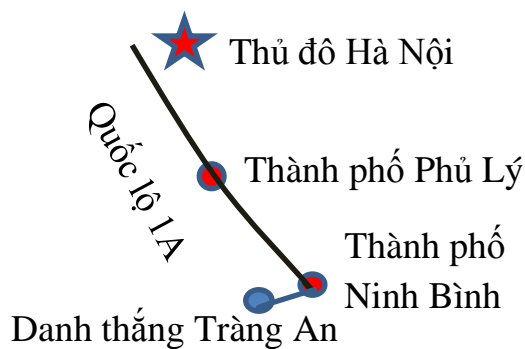
* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

* Sau khi nhóm HS có sản phẩm, GV cho các nhóm HS trình bày sản phẩm của mình, đại diện 1 nhóm lên thuyết trình câu trả lời trước lớp:

- HS đọc từ dòng 1-7 SGK tr129 nêu các bước vẽ lược đồ trí nhớ (Nội dung ghi bài)

- HS vẽ lược đồ trí nhớ:



* HS các nhóm khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp nhóm bạn và sản phẩm của nhóm mình.

Bước 4. Đánh giá:

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.

xếp chúng lại với nhau trong tư duy của mình.

- Vị trí bắt đầu: là địa điểm hoặc khu vực em chọn để phác thảo dự đồ của mình. Nó có thể là nhà của em, trường học hoặc một địa điểm bất kì.

3. Hoạt động luyện tập (5 phút)

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn.

c. Sản phẩm: trả lời được câu hỏi mà GV giao.

d. Tổ chức thực hiện:

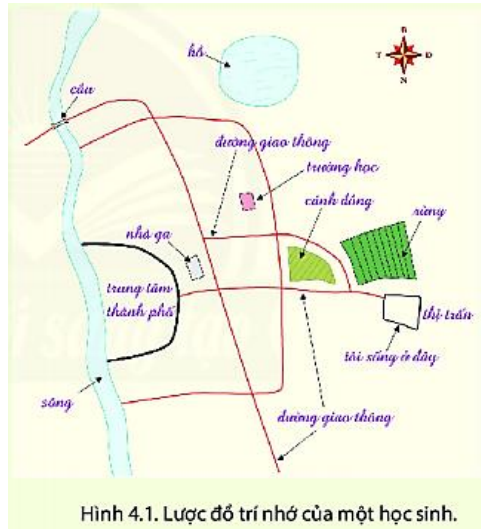
Bước 1. Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS dựa vào hình 4.1. Lược đồ trí nhớ của 1 HS SGK tr129 và kiến thức đã học, hãy trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1. Từ thị trấn đến trường học sẽ đi qua những đối tượng địa lí nào?

Câu 2. Đối tượng địa lí nào kéo dài từ bắc đến nam ở rìa phía tây lược đồ? Hồ nằm ở hướng nào trên lược đồ.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

* HS dựa vào hình 4.1, suy nghĩ, trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi.



* GV quan sát, trợ giúp HS khi thái độ và khả năng thực hiện của HS.

Bước 3. Báo cáo kết quả và

* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm HS trình bày sản phẩm của

Câu 1: Từ thị trấn đến trường học sẽ đi qua những đối tượng địa lí: cánh đồng, rừng.

Câu 2:

- Đối tượng địa lí kéo dài từ bắc đến nam ở rìa phía tây lược đồ: sông

- Hồ nằm ở hướng bắc trên lược đồ.

* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

Bước 4. Đánh giá:

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

4. Hoạt động vận dụng (5 phút)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn.

c. Sản phẩm: trả lời được câu hỏi mà GV giao.

d. Tổ chức thực hiện:

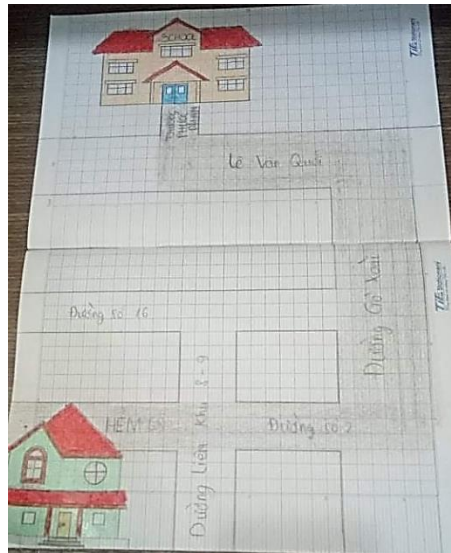
Bước 1. Giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi cho HS: *Hãy tưởng tượng và vẽ lại lược đồ trí nhớ từ nhà đến trường.*

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện ở nhà để vẽ lại lược đồ trí nhớ từ nhà đến trường.

Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận: (sản phẩm của 1 HS)

có yêu cầu. Đánh giá nhiệm vụ học tập

trao đổi, thảo luận: phẩm, GV lần lượt mình:



Bước 4. Đánh giá:

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

Tuần 9

Ngày soạn: 15.10.2021

Tiết 25

ÔN TẬP GIỮA KÌ I

I. MỤC TIÊU :

Yêu cầu cần đạt:

1. Kiến thức:

- Hệ thống kinh, vĩ tuyến. Toạ độ địa lí
- Bản đồ. Một số lưới kinh, vĩ tuyến của bản đồ thế giới. Phương hướng trên bản đồ
- Tỷ lệ bản đồ
- Hệ thống kí hiệu bản đồ. Bảng chú giải bản đồ
- Trái Đất trong hệ Mặt trời, các chuyển động của Trái Đất và hệ quả

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng bản đồ và sơ đồ, lược đồ, tranh ảnh để xác định nội dung theo yêu cầu của giáo viên.
- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có
- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: Thực hiện, tuyên truyền cho người thân về những giá trị mà bài học mang lại

- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học
- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Học liệu: sgk, sách thiết kế địa lí 6 tập 1, quả địa cầu.

2. Chuẩn bị của học sinh: Sách giáo khoa, compa. máy tính

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục đích: Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

b. Nội dung: Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: GV cho HS nghe 1 đoạn của bài hát Sông quê trong đó có đoạn ..có dòng sông bên lở bên bồi ... HS giải thích vì sao có hiện tượng trên. HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gọi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung HS: Trình bày kết quả	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới HS: Lắng nghe, vào bài mới	

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Học sinh làm các bài tập chương I để củng cố kiến thức

a. Mục đích: HS hoàn thành nội dung các bảng nhằm ôn lại kiến thức

b. Nội dung: Tìm hiểu về Hệ thống kiến thức bằng hệ thống bảng

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

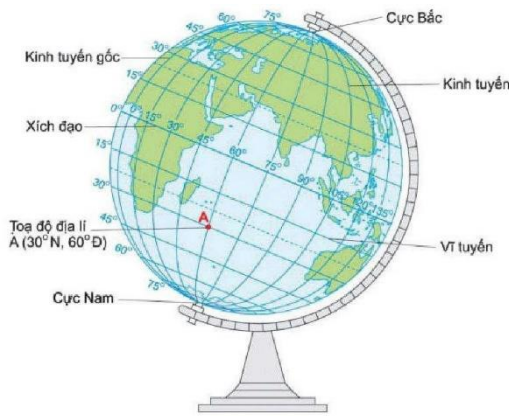
GV: HS làm việc theo nhóm hoàn thành phiếu bài tập sau

Nhóm 1,3:

Câu 1. Vẽ sơ đồ thể hiện nội dung đã học ở chương 1.

HS tự chọn loại sơ đồ phù hợp với các yêu cầu: tiêu đề chương, nội dung chương, sắp xếp thứ tự và nội dung của từng vấn đề (từng bài) theo một logic kiến thức của bản đồ về địa lí... Căn cứ vào những đặc điểm trên để tổng kết dưới dạng sơ đồ phù hợp nội dung kiến thức của chương.

Câu 2. Dựa vào hình vẽ quả Địa Cầu dưới đây, em hãy cho biết thế nào là kinh tuyến, vĩ tuyến, kinh tuyến gốc, Xích đạo, toạ độ địa lí của một điểm.



Gợi ý: HS liên hệ kiến thức bài 1 và hình vẽ để trả lời các khái niệm: kinh tuyến, vĩ tuyến, kinh tuyến gốc, Xích đạo, toạ độ địa lí của một điểm.

Nhóm 2,4:

Câu 3. Dựa vào các tỉ lệ bản đồ sau đây: 1 : 1 000; 1 : 500 000 và 1 : 9 000 000, cho biết 5 cm trên mỗi bản đồ tương ứng với bao nhiêu ki-lô-mét trên thực tế.

GỢI ý:

- Bản đồ tỉ lệ 1 : 1 000 thì 5 cm tương ứng với 50 m ngoài thực địa.
- Bản đồ tỉ lệ 1 : 500 000 thì 5cm tương ứng 25 km ngoài thực địa.
- Bản đồ tỉ lệ 1 : 9 000 000 thì 5 cm tương ứng 450 km ngoài thực địa.

Câu 4. Sử dụng Google Maps, tìm vị trí nhà em (hoặc xã, phường, thị trấn nơi em ở), sau đó tìm đường đi và khoảng cách từ đó đến các địa điểm khác mà em muốn tới.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS: Suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS: Trình bày kết quả

GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng

HS: Lắng nghe, ghi bài	
<p>Hoạt động 2.2: HS làm 1 số câu hỏi trắc nghiệm</p> <p>a. Mục đích: HS hoàn thành các câu hỏi trắc nghiệm</p> <p>b. Nội dung: Tìm hiểu HS làm 1 số câu hỏi trắc nghiệm</p> <p>c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh</p> <p>d. Cách thực hiện.</p>	
Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV : HS hoàn thành hệ thống câu hỏi trắc nghiệm trên màn chiếu. HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ</p>	2/ HS làm 1 số câu hỏi trắc nghiệm
<p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời</p>	
<p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung</p>	
<p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài</p>	
<p>Hoạt động 3: Luyện tập.</p> <p>a. Mục đích: Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học</p> <p>b. Nội dung: Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm</p> <p>c. Sản phẩm: câu trả lời của học sinh</p> <p>d. Cách thực hiện.</p>	
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay. HS: lắng nghe</p>	
<p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng</p>	
<p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm</p>	
<p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học</p>	
<p>Hoạt động 4. Vận dụng</p> <p>a. Mục đích: HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay</p> <p>b. Nội dung: Vận dụng kiến thức</p> <p>c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh</p>	

d. Cách thực hiện.	
Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Suu tầm các câu ca dao tục ngữ liên quan đến thời tiết, khí hậu của Việt Nam HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức HS: Lắng nghe và ghi nhớ.	

Tuần 11 +12

Ngày soạn: 02.11.2021

Tiết 31 + 34

CHƯƠNG 2. TRÁI ĐẤT – HÀNH TINH CỦA HỆ MẶT TRỜI

BÀI 5. VỊ TRÍ CỦA TRÁI ĐẤT TRONG HỆ MẶT TRỜI. HÌNH DẠNG VÀ KÍCH THƯỚC CỦA TRÁI ĐẤT

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Xác định được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời.
- Mô tả được hình dạng và kích thước của Trái Đất.

2. Về năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự học: khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm có hiệu quả.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sử dụng công cụ, phương tiện phục vụ bài học, biết phân tích và xử lí tình huống.

b. Năng lực đặc thù:

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: giải thích được vì sao Trái Đất là hành duy nhất có sự sống.
- Năng lực tìm hiểu địa lí:
 - + Khai thác kênh hình và kênh chữ trong SGK tr 131-132.
 - + Sử dụng sơ đồ hình 5.1 SGK tr131 để xác định vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời.

+ Sử dụng quả Địa cầu, lược đồ hình 5.2, 5.3 SGK tr132 để mô tả hình dạng và kích thước của Trái Đất.

- Năng lực vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: nêu một số biện pháp để bảo vệ hành tinh xanh.

3. Về phẩm chất:

- Ý thức học tập nghiêm túc, say mê yêu thích tìm tòi những thông tin khoa học về Trái Đất.

- Yêu quý hành tinh xanh, để cùng chung tay bảo vệ Trái Đất.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên (GV)

- Giáo án, SGK, sách giáo viên (SGV), quả Địa cầu, TĐĐ Địa lí 6.

- Hình 5.1, 5.3 SGK phóng to.

- Bảng phụ ghi câu hỏi thảo luận nhóm và bảng nhóm cho HS trả lời.

2. Học sinh (HS): SGK, vở ghi, TĐĐ Địa lí 6.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động (5 phút)

a. **Mục tiêu:** Tạo tình huống giữa cái đã biết và chưa biết về Trái Đất nhằm tạo hứng thú học tập cho HS.

b. **Nội dung:** GV đặt các câu hỏi kích thích sự tư duy cho HS trả lời.

c. **Sản phẩm:** HS trả lời được các câu hỏi GV đặt ra.

d. **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1. Giao nhiệm vụ: *Hành tinh duy nhất trong hệ Mặt Trời có sự sống là hành tinh nào?*

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.

- GV quan sát, đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3: Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

- Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình: đó là Trái Đất.

- HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

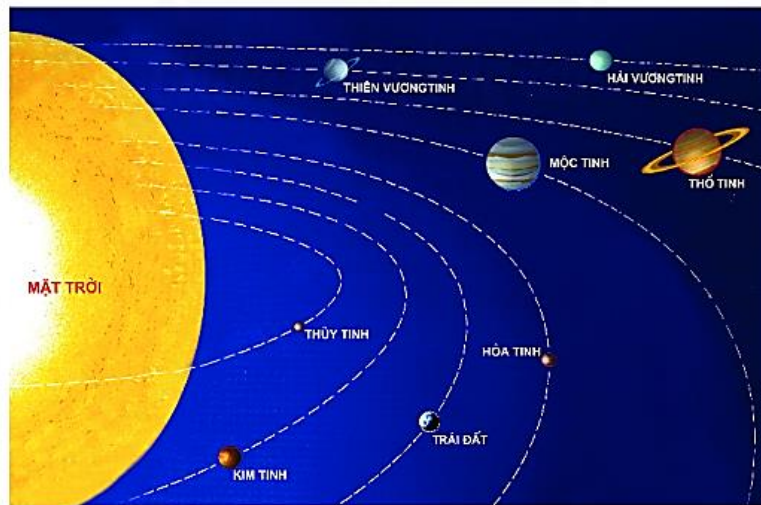
Bước 4. GV dẫn dắt vào nội dung bài mới: Trái Đất được gọi là hành tinh xanh. Nó còn được ví như quả bóng xanh bay giữa trời xanh. Vậy thực tế hành tinh này của chúng ta đang nằm ở đâu trong hệ Mặt Trời? Hình dạng và kích thước của nó ra sao? Để biết được điều này, lớp chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (30 phút)

2.1. **Tìm hiểu vị trí Trái Đất trong hệ Mặt Trời (20 phút) (Học sinh tự học)**

a. **Mục tiêu:** HS xác định được vị trí Trái Đất trong hệ Mặt Trời.

b. **Nội dung:** Quan sát sơ đồ hình 5.1 kết hợp kênh chữ SGK tr131, suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.



Hình 5.1. Vị trí Trái Đất trong hệ Mặt Trời.

c. **Sản phẩm:** trả lời được các câu hỏi của GV.

d. **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * GV cho HS đọc nội dung mục I SGK. * GV treo hình 5.1 lên bảng. * GV chia lớp làm 8 nhóm, yêu cầu HS quan sát hình 5.1 SGK và thông tin trong bài thảo luận nhóm trong 5 phút để trả lời cùng 1 nội dung các câu hỏi sau: <ul style="list-style-type: none"> - Kể tên các hành tinh quay quanh Mặt Trời. Sắp xếp các hành tinh theo thứ tự xa dần Mặt Trời Theo thứ tự theo Trái Đất nằm ở vị trí thứ mấy? - Vì sao Trái Đất là hành tinh duy nhất có sự sống? <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS dựa vào hình 5.1, đọc kênh chữ trong SGK, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi. - GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS. <p>Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Sau khi nhóm HS có sản phẩm, GV cho các nhóm HS trình bày sản phẩm của mình, đại diện 1 nhóm lên thuyết trình câu trả lời trước lớp: 	<p>I. Vị trí Trái Đất trong hệ Mặt Trời</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hệ Mặt Trời gồm có 8 hành tinh là Thủy tinh, Kim tinh, Trái Đất, Hỏa tinh, Mộc tinh, Thổ tinh, Thiên Vương tinh và Hải Vương tinh. - Theo thứ tự xa dần Mặt Trời, Trái Đất đứng ở vị trí thứ ba.

- HS dựa vào hình 5.1 SGK kê tên và sắp xếp 8 hành tinh theo đúng thứ tự (Nội dung ghi bài).

- HS nêu nguyên nhân: Trái Đất nằm ở vị trí thứ ba tính từ Mặt Trời nên nhận vừa đủ lượng nhiệt và ánh sáng từ Mặt Trời. Có bầu khí quyển bảo vệ, có đủ oxy, nguồn nước, thực vật... cần cho sự sống.

* HS các nhóm khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp nhóm bạn và sản phẩm của nhóm mình.

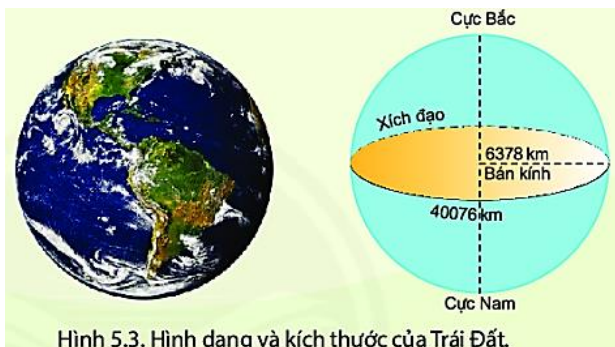
Bước 4. Đánh giá:

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.

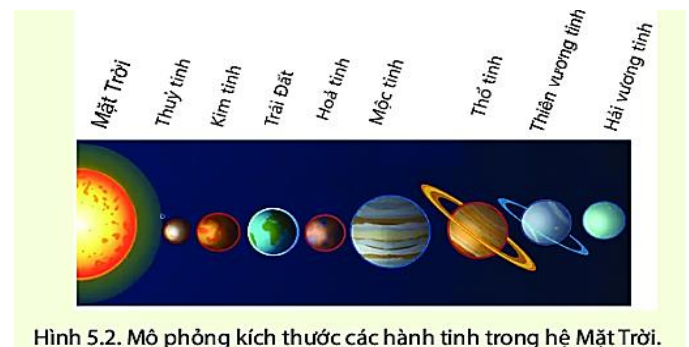
2.2. Tìm hiểu về hình dạng và kích thước Trái Đất (10 phút)

a. Mục tiêu: HS mô tả được hình dạng và kích thước Trái Đất.

b. Nội dung: Quan sát quả Địa cầu và hình 5.2, 5.3 kết hợp kênh chữ SGK, suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.



Hình 5.3. Hình dạng và kích thước của Trái Đất.



Hình 5.2. Mô phỏng kích thước các hành tinh trong hệ Mặt Trời.

c. Sản phẩm: trả lời được các câu hỏi của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bài
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ:</p> <p>* GV cho HS đọc nội dung mục II SGK.</p> <p>* GV yêu cầu HS quan sát quả Địa cầu, hình 5.2, 5.3 SGK, và thông tin trong bài, lần lượt trả lời các câu hỏi sau:</p> <p>- Trái Đất có dạng hình gì?</p> <p>- Diện tích Trái Đất, độ dài của đường Xích đạo, bán kính Trái Đất tại Xích đạo là bao nhiêu?</p>	<p>II. Hình dạng và kích thước Trái Đất</p> <p>- Trái Đất có dạng hình cầu với kích thước rất lớn.</p> <p>+ Bán kính Trái Đất tại Xích đạo có độ dài 6378km.</p> <p>+ Diện tích bề mặt Trái Đất lên đến hơn 510 triệu km².</p>

<p>- Nhận xét về kích thước của Trái Đất so với các hành tinh khác trong hệ Mặt Trời.</p> <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * HS quan sát quả địa cầu hình 5.2, 5.3, đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ để trả lời câu hỏi. * GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS. <p>Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình: <ul style="list-style-type: none"> - Trái Đất có dạng hình cầu. - Diện tích bề mặt Trái Đất lên đến hơn 510 triệu km², bán kính 6378 km, đường Xích đạo dài 40076 km. - Trái Đất có kích thước lớn hơn Thủy tinh, Kim tinh, Hỏa tinh và có kích thước nhỏ hơn Mộc tinh, Thổ tinh, Thiên Vương tinh và Hải Vương tinh. * HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân. <p>Bước 4. Đánh giá:</p> <p>GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.</p>	
--	--

3. Hoạt động luyện tập (5 phút)

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn.

c. Sản phẩm: trả lời được câu hỏi mà GV giao.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ: Dựa vào TBSD Địa lí 6 trang 4, 5, em hãy sắp xếp kích thước các hành tinh trong hệ Mặt Trời theo thứ tự từ nhỏ đến lớn.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

- * HS dựa vào TBSD Địa lí 6, suy nghĩ, trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi.

- * GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình: Thủy tinh, Hỏa tinh, Kim tinh, Trái Đất, Hải Vương tinh, Thiên Vương tinh, Thổ tinh, Mộc tinh.

* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

Bước 4. Đánh giá:

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

4. Hoạt động vận dụng (5 phút)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn.

c. Sản phẩm: trả lời được câu hỏi mà GV giao.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ: *Theo em, cần làm gì để bảo vệ sự sống trên Trái Đất.*

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

* HS dựa vào kiến thức đã học, suy nghĩ, trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi.

* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình: Trồng và bảo vệ rừng, không phá rừng, săn bắt động vật trái phép; bảo vệ môi trường đất, nước, không khí, không xả rác bừa bãi....

Bước 4. Đánh giá:

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

Tuần 13+ 14
Tiết 37 +40

Ngày soạn: 10.11.2021

BÀI 6. CHUYỂN ĐỘNG TỰ QUAY QUANH TRỤC CỦA TRÁI ĐẤT VÀ HỆ QUẢ

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Mô tả được chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất.
- Trình bày được hiện tượng ngày đêm luân phiên nhau.
- Nhận biết được giờ địa phương, giờ khu vực.
- So sánh được giờ qua hai địa điểm trên Trái Đất.
- Mô tả được sự lệch hướng chuyển động của vật thể theo chiều kinh tuyến.

2. Về năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự học: khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm có hiệu quả.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sử dụng công cụ, phương tiện phục vụ bài học, biết phân tích và xử lý tình huống.

b. Năng lực đặc thù:

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: giải thích được hiện tượng ngày đêm, giờ trên Trái Đất và sự lệch hướng chuyển động của vật thể.
- Năng lực tìm hiểu địa lí:
 - + Khai thác kênh hình và kênh chữ trong SGK từ tr 133-136.

+ Sử dụng sơ đồ hình 6.1 SGK tr133, 6.5 SGK tr135 để mô tả chuyển động tự quay quanh trục, sự lệch hướng chuyển động của các vật thể trên bề mặt Trái Đất.

+ Thực hiện quay được quả Địa cầu theo hướng tự quay quanh trục của Trái đất từ tây sang đông để giải thích được hiện tượng ngày đêm.

+ Sử dụng lược đồ hình 6.4 SGK tr135 để xác định múi giờ, khoảng cách chênh lệch múi giờ và tính giờ giữa các địa điểm.

- Năng lực vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: tính giờ giữa các địa điểm, trên Trái Đất, giải hiện tượng dòng sông bên lở, bên bồi.

3. Về phẩm chất: ý thức học tập nghiêm túc, say mê yêu thích tìm tòi những thông tin khoa học về Trái Đất.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên (GV)

- Giáo án, SGK, SGV, quả Địa cầu, TBĐ Địa lí 6.

- Hình 6.4, 6.5 SGK phóng to.

- Bảng phụ trò chơi ô chữ.

- Phần thưởng cho HS.

- Bảng phụ ghi câu hỏi thảo luận nhóm và bảng nhóm cho HS trả lời.

2. Học sinh (HS): SGK, vở ghi, máy tính bỏ túi, TBĐ Địa lí 6.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động (10 phút)

a. Mục tiêu: Tạo tình huống giữa cái đã biết và chưa biết nhằm tạo hứng thú học tập cho HS.

a. Mục tiêu: Tạo tình huống giữa cái đã biết và chưa biết nhằm tạo hứng thú học tập cho HS.

b. Nội dung: GV tổ chức trò chơi ô chữ cho HS.

c. Sản phẩm: HS giải mã được các ô chữ GV đặt ra.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ:

* GV treo bảng phụ trò chơi ô chữ lên bảng:

1	2	3	4	5	6

* GV phổ biến luật chơi:

- Trò chơi ô chữ gồm 6 chữ cái được đánh số từ 1 đến 6 sẽ tương ứng với 6 câu hỏi.

- Các em dựa vào TBĐ Địa lí 6 và kiến thức đã học để trả lời, các em có quyền lựa chọn thứ tự câu hỏi để trả lời, mỗi câu hỏi có 2 lượt trả lời.

- Em nào trả lời đúng sẽ nhận được 1 phần quà nhỏ (ví dụ 1 cây bút) và ô chữ sẽ hiện ra chữ cái tương ứng, trả lời sai ô chữ sẽ bị khóa lại, trong quá trình trả lời, em nào trả lời đúng tên ô chữ thì sẽ nhận được phần quà lớn hơn (ví dụ 3 cây bút).

* Hệ thống câu hỏi:

Câu 1. Trong hệ Mặt Trời, Trái Đất ở vị trí nào theo thứ tự xa dần Mặt Trời?

A. Vị trí thứ 3 B. Vị trí thứ 5 C. Vị trí thứ 9 D. Vị trí thứ 7

Câu 2. Trong hệ Mặt Trời, hành tinh nào nằm gần Mặt Trời nhất?

A. Kim tinh B. Thủy tinh C. Thổ tinh D. Hải Vương tinh

Câu 3. Trái Đất có dạng hình:

A. Cầu B. Tròn C. Vuông D. Tam giác

Câu 4. Bán kính Trái Đất dài bao nhiêu?

A. 6378cm B. 6378m C. 6378km D. 6378km²

Câu 5. Trong hệ Mặt Trời, hành tinh nào nằm xa Mặt Trời nhất?

A. Kim tinh B. Thủy tinh C. Thổ tinh D. Hải Vương tinh

Câu 6. Mặt Trăng là vệ tinh của hành tinh nào?

A. Trái Đất B. Thủy tinh C. Mộc tinh D. Hải Vương tinh

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS dựa vào TBD Địa lí 6 và kiến thức đã học, suy nghĩa để trả lời câu hỏi.

- GV quan sát, đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3: Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

- Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

Câu 1: A

Câu 2: B

Câu 3: A

Câu 4: C

Câu 5: D

Câu 6: A

1	2	3	4	5	6
M	Ú	I	G	I	Ờ

- HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

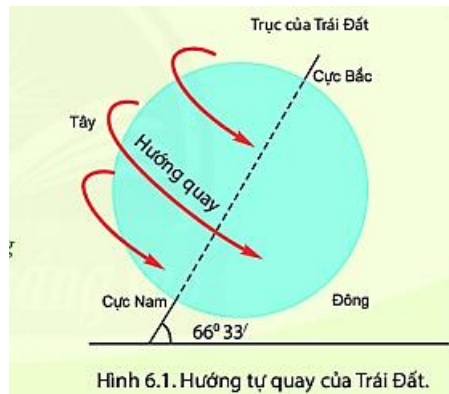
Bước 4. GV dẫn dắt vào nội dung bài mới: Vậy sự phân chia thành các múi giờ khác nhau là hệ quả từ chuyển động nào của Trái Đất? Cùng với việc tạo nên các giờ khác nhau ở khắp mọi nơi trên Trái Đất thì chuyển động đó của Trái Đất còn sinh ra những hệ quả nào khác? Để biết được điều này, lớp chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (60 phút)

2.1. Tìm hiểu chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất (10 phút)

a. Mục tiêu: HS mô tả được chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất.

b. Nội dung: Quan sát sơ đồ hình 6.1 kết hợp kênh chữ SGK tr133, suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.



c. **Sản phẩm:** trả lời được các câu hỏi của GV.

d. **Tổ chức thực hiện:**

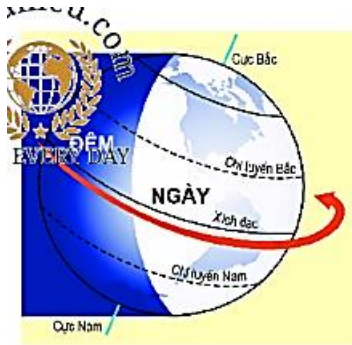
Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bài
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * GV cho HS đọc nội dung mục I SGK. * GV yêu cầu HS quan sát hình 6.1 SGK, quả Địa cầu và thông tin trong bài, lần lượt trả lời các câu hỏi sau: <ul style="list-style-type: none"> - Xác định cực Bắc, cực Nam và trục của Trái Đất. - Xác định hướng tự quay quanh trục của Trái Đất. Lên thực hiện hướng quay trên quả Địa cầu. - Cho biết thời gian Trái Đất quay một vòng quanh trục. <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * HS dựa vào hình 6.1, đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ để trả lời câu hỏi. * GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS. <p>Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình: <ul style="list-style-type: none"> - Xác định cực Bắc, cực Nam, trục và hướng quay quanh trục của Trái Đất, đồng thời xác định hướng quay trên quả Địa cầu. - Hướng tự quay là từ Tây sang Đông. - Thời gian Trái Đất tự quay một vòng quanh trục là 24 giờ - HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân. 	<p>I. Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trái Đất tự quay quanh một trục tưởng tượng nối liền hai cực và nghiêng $66^{\circ}33'$ trên mặt phẳng quỹ đạo. Hướng tự quay là từ Tây sang Đông. - Thời gian Trái Đất tự quay một vòng quanh trục là 24 giờ (một ngày đêm)

<p>Bước 4. Đánh giá: GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.</p>	
---	--

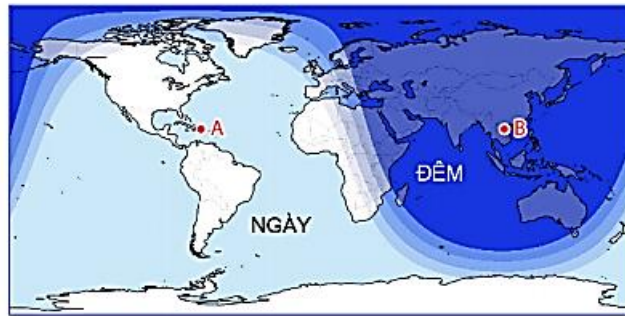
2.2. Tìm hiểu về sự luân phiên ngày đêm (10 phút)

a. Mục tiêu: HS trình bày và giải thích được hiện tượng ngày đêm luân phiên nhau.

b. Nội dung: Quan sát hình 6.2, 6.3 hiện tượng ngày đêm kết hợp kênh chữ SGK tr133, 134, suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.



Hình 6.2. Hiện tượng ngày đêm luân phiên nhau.



Hình 6.3. Ngày, đêm trên bề mặt Trái Đất.

c. Sản phẩm: trả được các hỏi của

lời câu GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bài
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * GV cho HS đọc nội dung mục 1 SGK. * GV yêu cầu HS quan sát hình 6.2, 6.3 SGK, và thông tin trong bài, lần lượt trả lời các câu hỏi sau: <ul style="list-style-type: none"> - Cho biết vị trí điểm A có luôn là ban ngày, vị trí điểm B có luôn là ban đêm không? Tại sao? - Trình bày hiện tượng ngày đêm luân phiên nhau trên Trái Đất. <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * HS dựa vào hình 6.2, 6.3, đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ để trả lời câu hỏi. * GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS. <p>Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình: 	<p>II. Hệ quả chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất</p> <p>1. Sự luân phiên ngày đêm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Do Trái Đất có dạng hình cầu nên Mặt Trời bao giờ cũng chỉ chiếu sáng được một nửa. Nửa được chiếu sáng là ngày, nửa nằm trong bóng tối là đêm. - Nhờ có sự vận động tự quay quanh trục của Trái Đất nên ở khắp nơi trên Trái Đất đều lần lượt có ngày và đêm.

- Vị trí điểm A không phải lúc nào cũng là ban ngày, vị trí điểm B không phải lúc nào cũng là ban đêm.
- Nguyên nhân: Trái Đất có dạng hình cầu nên Mặt Trời chỉ chiếu sáng được một nửa. Do Trái Đất tự quay quanh trục nên ở mọi nơi trên bề mặt Trái Đất đều lần lượt cả ngày và đêm.
- HS trình bày: Tại một thời điểm xác định, trên Trái Đất có nơi đang là ngày, nơi khác lại là đêm. Nửa được chiếu sáng là ngày, nửa nằm trong bóng tối là đêm.
- * HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

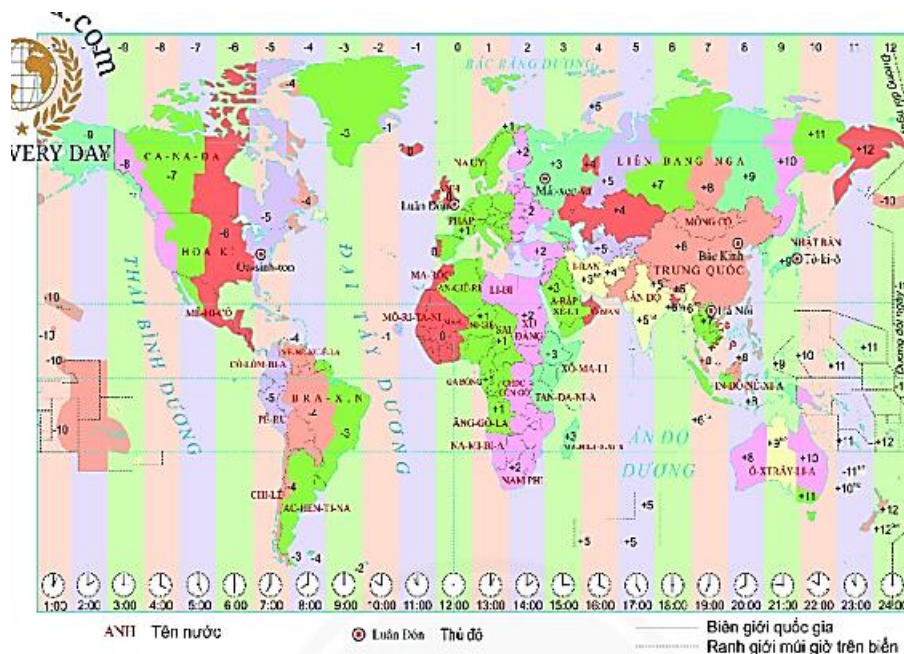
Bước 4. Đánh giá:

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.

2.3. Tìm hiểu về giờ trên Trái Đất (25 phút)

a. Mục tiêu: HS nhận biết được giờ địa phương, giờ khu vực, so sánh được giờ qua hai địa điểm trên Trái Đất.

b. Nội dung: Quan sát lược đồ hình 6.4 các khu vực giờ trên Trái Đất kết hợp kênh chữ SGK tr124, 125, suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.



Hình 6.4. Các khu vực giờ trên Trái Đất.

c. Sản phẩm: trả lời được các câu hỏi của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

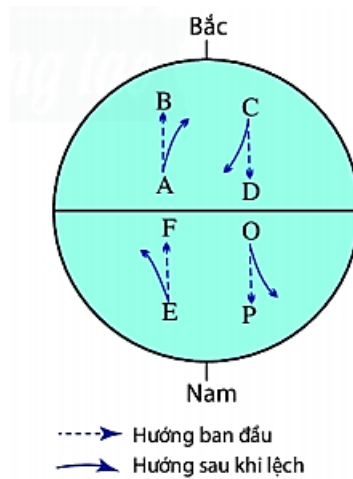
Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bài
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * GV cho HS đọc nội dung mục 2 SGK. * GV treo lược đồ hình 6.4 lên bảng. * GV đặt CH cho HS: <ul style="list-style-type: none"> - <i>Bề mặt Trái Đất được chia làm bao nhiêu múi giờ?</i> - <i>Thế nào là giờ địa phương, giờ khu vực, giờ quốc tế?</i> * GV hướng dẫn cho HS phép tính giờ: <ul style="list-style-type: none"> Tìm khoảng cách chênh lệch giữa 2 múi giờ - Cùng bán cầu: lấy múi giờ lớn hơn – múi giờ nhỏ hơn. - Khác bán cầu: lấy múi giờ ở bán cầu Đông – múi giờ ở bán cầu Tây (múi giờ âm) Tính giờ: <ul style="list-style-type: none"> - Tính giờ ở địa phương A khi biết giờ ở địa phương B: <ul style="list-style-type: none"> + Giờ ở địa phương A = Giờ ở địa phương B + khoảng cách chênh lệch giữa 2 múi giờ khi tính về phía Đông (ở cùng thời điểm). + Giờ ở địa phương A = Giờ ở địa phương B – khoảng cách chênh lệch giữa 2 múi giờ khi tính về phía Tây (ở cùng thời điểm). - Tính giờ ở địa phương A sau khi đi từ B đến A: Giờ ở địa phương A cùng thời điểm với B + khoảng thời gian đi từ B đến A. * GV chia lớp làm 8 nhóm, yêu cầu HS quan sát hình 6.4 SGK, và thông tin trong bài, thảo luận nhóm trong 5 phút để trả lời các câu hỏi sau: <ul style="list-style-type: none"> - <i>Nhóm 1, 2, 3, 4: Việt Nam thuộc múi giờ thứ mấy? Múi giờ nước ta muộn hay sớm hơn so với giờ GMT? Muộn hay sớm hơn mấy giờ? Khi giờ GMT là 12 giờ thì nước ta là mấy giờ?</i> - <i>Nhóm 5, 6, 7, 8: Xác định múi giờ của các thành phố Hà Nội, Oa-sinh-ton, Mát-xcơ-va và Tô-ki-ô. Múi giờ ở Oa-sinh-ton muộn hay sớm hơn so với giờ GMT? Muộn hay sớm hơn mấy giờ? Khi giờ GMT là 12 giờ thì Oa-sinh-ton là mấy giờ?</i> <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:</p>	<p>II. Hệ quả chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất</p> <p>2. Giờ trên Trái Đất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bề mặt Trái Đất được chia ra làm 24 khu vực giờ khác nhau. - Các địa điểm nằm trên cùng một kinh tuyến sẽ có cùng một giờ, đó là giờ địa phương hay giờ Mặt Trời. - Để tiện cho việc tính giờ và giao dịch quốc tế, người ta quy định giờ thống nhất cho từng khu vực. Giờ đó được gọi là giờ khu vực. Mỗi khu vực giờ là một múi giờ, tương ứng với 15° kinh tuyến. - Múi giờ có đường kinh tuyến gốc đi qua đại thiên văn Grin-uýt (Anh) được chọn làm múi giờ gốc, đó là múi giờ số 0. Giờ được tính theo múi giờ gốc làm giờ giao dịch chung trên thế giới gọi là giờ quốc tế, viết tắt là giờ GMT. - Những múi giờ nằm bên trái múi giờ 0 là giờ muộn hơn giờ quốc tế (GMT -), còn nằm bên phải là giờ sớm hơn giờ quốc tế (GMT +).

<p>* HS đọc bài.</p> <p>* HS đọc đoạn 1, 2, 3 SGK tr124 để nêu các khái niệm (Nội dung ghi bài).</p> <p>* HS dựa vào hình 6.4, hướng dẫn tính giờ của GV và đọc kênh chữ SGK, suy nghĩ, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi.</p> <p>- GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:</p> <p>* * Sau khi nhóm HS có sản phẩm, GV cho các nhóm HS trình bày sản phẩm của mình, đại diện 2 nhóm (ví dụ: nhóm 1, nhóm 5) lần lượt lên thuyết trình câu trả lời trước lớp:</p> <p>- Nhóm 1: Việt Nam thuộc múi giờ thứ 7. Múi giờ nước ta sớm hơn so với giờ GMT và sớm hơn 7 giờ. Khi giờ GMT là 12 giờ thì nước ta là 12 giờ + 7 giờ = 19 giờ.</p> <p>- Nhóm 5: Hà Nội thuộc múi giờ 7, Oa-sinh-ton thuộc múi giờ -5, Mát-xcơ-va thuộc múi giờ 3 và Tô-ki-ô thuộc múi giờ 9. Múi giờ ở Oa-sinh-ton muộn hơn so với giờ GMT và muộn hơn 5 giờ. Khi giờ GMT là 12 giờ thì Oa-sinh-ton là 12 giờ - 5 giờ = 7 giờ.</p> <p>* HS các nhóm khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.</p> <p>Bước 4. Đánh giá:</p> <p>GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.</p>	
---	--

2.4. Tìm hiểu về sự lệch hướng chuyển động của các vật thể di chuyển trên bề mặt Trái Đất (15 phút)

a. Mục tiêu: HS mô tả được sự lệch hướng chuyển động của vật thể theo chiều kinh tuyến.

b. Nội dung: Quan sát hình 6.5 sự lệch hướng do vận động tự quay của Trái Đất kết hợp kênh chữ SGK tr135, 136, suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.



Hình 6.5. Sự lệch hướng do vận động tự quay của Trái Đất.

c. **Sản phẩm:** trả lời được các
d. **Tổ chức thực hiện:**

câu hỏi của GV.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bài
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * GV cho HS đọc nội dung mục 3 SGK. * GV treo lược đồ hình 6.5 lên bảng. * GV yêu cầu HS quan sát hình 6.5 SGK, và thông tin trong bài, lần lượt trả lời các câu hỏi sau: <ul style="list-style-type: none"> - Ở bán cầu Bắc, vận chuyển động theo hướng từ A đến B và từ C đến D bị lệch về phía bên trái hay bên phải so với hướng ban đầu? - Ở bán cầu Nam, vận chuyển động theo hướng từ E đến F và từ O đến P bị lệch về phía bên trái hay bên phải so với hướng ban đầu? - Rút ra kết luận về hướng lệch của các vật thể chuyển động ở bán cầu Bắc và bán cầu Nam theo chiều kinh tuyến. <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * HS dựa vào hình 6.5, đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ để trả lời câu hỏi. * GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS. <p>Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình: 	<p>II. Hệ quả chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất</p> <p>3. Sự lệch hướng chuyển động của các vật thể di chuyển trên bề mặt Trái Đất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trái Đất tự quay đã sinh ra một lực làm cho các vật đang chuyển động trên Trái Đất đều bị lệch so với hướng ban đầu. - Lực làm lệch hướng này được gọi là lực Coriolis, hướng lệch của các vật chuyển động khác nhau giữa hai bán cầu. - So với hướng chuyển động ban đầu vật thể đang chuyển động sẽ bị lệch về bên phải ở bán cầu Bắc và lệch về bên trái ở bán cầu Nam.

<p>- Ở bán cầu Bắc, vận chuyển động theo hướng từ A đến B và từ C đến D bị lệch về phía bên phải so với hướng ban đầu.</p> <p>- Ở bán cầu Nam, vận chuyển động theo hướng từ E đến F và từ O đến P bị lệch về phía bên trái so với hướng ban đầu.</p> <p>- HS rút ra kết luận: So với hướng chuyển động ban đầu vật thể đang chuyển động sẽ bị lệch về bên phải ở bán cầu Bắc và lệch về bên trái ở bán cầu Nam.</p> <p>* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.</p> <p>Bước 4. Đánh giá:</p> <p>GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.</p>	
---	--

3. Hoạt động luyện tập (10 phút)

- a. **Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.
- b. **Nội dung:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn.
- c. **Sản phẩm:** trả lời được câu hỏi mà GV giao.
- d. **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1. Giao nhiệm vụ: Dựa vào TBĐ Địa lí 6 trang 16 và kiến thức đã học, em hãy trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1. Thời gian chuyển động một vòng quanh trục của Trái Đất là:

- A. 21 giờ
- B. 22 giờ
- C. 23 giờ
- D. 24 giờ

Câu 2. Hướng chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất là:

- A. từ Tây sang Đông
- B. từ Đông sang Tây
- C. từ Bắc xuống Nam
- D. từ Nam lên Bắc

Câu 3. Khi khu vực giờ gốc (múi 0) là 10 giờ thì ở Pháp (múi 1) là:

- A. 9 giờ
- B. 10 giờ
- C. 11 giờ
- D. 12 giờ

Câu 4. Em hãy giải thích câu : Bằng kiến thức địa lí
 "Dòng sông bên lở bên bồi
 Bên lở thì đục, bên bồi thì trong"

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

* HS dựa vào kiến thức đã học, suy nghĩ, trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi.

* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

Câu 1: D

Câu 2: A

Câu 3: C

Câu 4: Là do lực làm lệch hướng chuyển động của các vật thể cô-ri-ô-lit. Lực này xuất hiện do Trái Đất tự quay trục. Lực này sẽ tác động lên các vật chuyển động trên Trái Đất như khối khí, dòng biển, đường đạn bay và dòng sông cũng thế, nó bị tác dụng bởi lực Cô-ri-ô-lit hướng về một phía của bờ sông, làm thay đổi hướng chảy, gây ra hiện tượng bên lở, bên bồi.

4. Hoạt động vận dụng (10 phút)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn.

c. Sản phẩm: trả lời được câu hỏi mà GV giao.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ: Một máy bay cất cánh từ Bắc Kinh (múi 8) vào lúc 21h ngày 31/12/2020 đến Pa-ri (múi 1), 11h sau máy bay hạ cánh xuống Pari. Hỏi lúc đó ở Pari là mấy giờ, ngày, tháng, năm nào?

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

* HS dựa vào kiến thức đã học, suy nghĩ, trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi.

* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

Tìm khoảng cách chênh lệch giữa 2 múi giờ của Bắc Kinh và Pari

Do Bắc Kinh và Pari cùng Bán cầu nên khoảng cách chênh lệch giữa 2 múi giờ này là:
 $8 - 1 = 7$ múi.

Tính giờ và ngày, tháng, năm ở Pa-ri

- Khi máy bay cất cánh tại Bắc Kinh thì giờ và ngày, tháng ở Pa-ri (phía Tây Bắc Kinh) là: 21h ngày 31/12/2020 - 7h = 14h ngày 31/12/2020.

- 11h sau máy bay hạ cánh xuống Pa-ri. Lúc đó giờ và ngày, tháng ở Pa-ri là 14h ngày 31/12/2020 + 11h = 25h ngày 31/12/2020 - 24h = 1h ngày 1/1/2021.

* Lưu ý: nếu + ra giờ lớn hơn hoặc = 24h thì ta - đi 24h và tăng 1 ngày.

* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

Bước 4. Đánh giá:

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

Tuần 15 +16

Ngày soạn: 15.11.2021

Tiết 43 +46

BÀI 7. CHUYỂN ĐỘNG CỦA TRÁI ĐẤT QUANH MẶT TRỜI VÀ HỆ QUẢ

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Mô tả được chuyển động xung quanh Mặt Trời của Trái Đất.
- Trình bày được hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa.

2. Về năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự học: khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm có hiệu quả.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sử dụng công cụ, phương tiện phục vụ bài học, biết phân tích và xử lý tình huống.

b. Năng lực đặc thù:

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: giải thích được hiện tượng các mùa và ngày đêm dài ngắn theo mùa.
- Năng lực tìm hiểu địa lí:
 - + Khai thác kênh hình và kênh chữ trong sách giáo khoa (SGK) từ trang (tr) 137-140.
 - + Sử dụng sơ đồ hình 7.1 SGK tr137 để mô tả chuyển động xung quanh Mặt Trời của Trái Đất.

+ Sử dụng sơ đồ hình 7.2, 7.3 SGK tr139, 140 để trình bày hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa.

- Năng lực vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: liên hệ hiện tượng các mùa ở địa phương.

3. Về phẩm chất: ý thức học tập nghiêm túc, say mê yêu thích tìm tòi những thông tin khoa học về Trái Đất.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên (GV)

- Giáo án, SGK, sách giáo viên (SGV), quả Địa cầu.
- Lược đồ chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời.
- Bảng phụ ghi câu hỏi thảo luận nhóm và bảng nhóm cho HS trả lời.

2. Học sinh (HS): SGK, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động (5 phút)

a. Mục tiêu: Tạo tình huống giữa cái đã biết và chưa biết nhằm tạo hứng thú học tập cho HS.

b. Nội dung: GV đặt các câu hỏi kích thích sự tư duy cho HS trả lời.

c. Sản phẩm: HS trả lời được các câu hỏi GV đặt ra.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ: *Em hãy kể tên các mùa mà em biết.*

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.
- GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3: Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

- Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình: mùa xuân, mùa hạ, mùa thu, mùa đông.
- HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

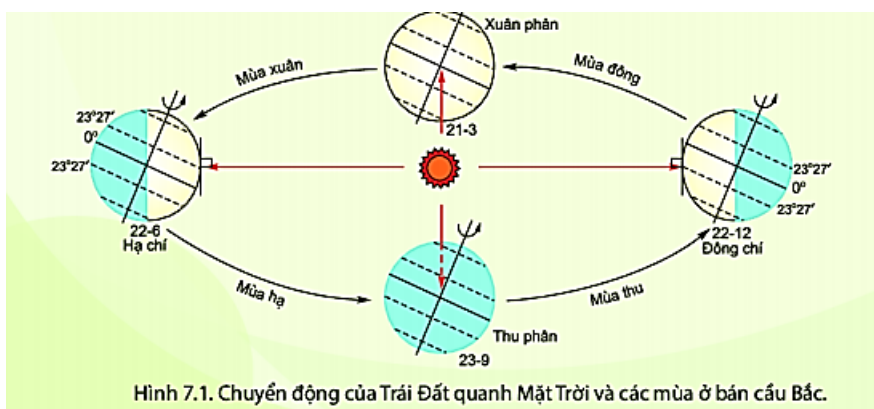
Bước 4. GV dẫn dắt vào nội dung bài mới: Vậy mùa là gì? Nguyên nhân nào sinh ra các mùa và Sự phân hóa mùa ở nước ta như thế nào? Để biết được điều này, lớp chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (65 phút)

2.1. Tìm hiểu chuyển động quay quanh Mặt Trời của Trái Đất (15 phút)

a. Mục tiêu: HS mô tả được chuyển động quay quanh Mặt Trời của Trái Đất.

b. Nội dung: Quan sát sơ đồ hình 7.1 kết hợp kênh chữ SGK tr137, suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.



c. **Sản phẩm:** trả lời được các câu hỏi của GV.

d. **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bài
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * GV cho HS đọc nội dung mục I SGK. * GV treo lược đồ chuyển động quay quanh Mặt Trời của Trái Đất lên bảng. * GV yêu cầu HS quan sát hình 7.1 và thông tin trong bài, lần lượt trả lời các câu hỏi sau: <ul style="list-style-type: none"> - Trái Đất chuyển động xung quanh Mặt Trời theo hướng cùng chiều hay ngược chiều quay của kim đồng hồ? - Hình dạng quỹ đạo quanh Mặt Trời của Trái Đất. - Thời gian Trái Đất quay quanh Mặt Trời một vòng là bao lâu? - Nhận xét về độ nghiêng và hướng nghiêng của trục Trái Đất vào các ngày 21-3, 22-6, 23-9, 22-12. <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * HS đọc bài. * HS dựa vào hình 7.1, đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ để trả lời câu hỏi. * GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS. <p>Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình: <ul style="list-style-type: none"> - Trái Đất chuyển động xung quanh Mặt Trời theo hướng ngược chiều quay của kim đồng hồ. 	<p>I. Chuyển động quay quanh Mặt Trời của Trái Đất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trái Đất quay quanh Mặt Trời là từ tây sang đông, theo quỹ đạo dạng hình elip gần tròn. - Trái Đất quay một vòng quanh Mặt Trời mất khoảng 365 ngày 6 giờ. - Trong khi chuyển động trên quỹ đạo, Trái Đất luôn giữ nguyên độ nghiêng và hướng nghiêng của trục.

<p>- Hình dạng quỹ đạo: elip gần tròn.</p> <p>- Trái Đất quay một vòng quanh Mặt Trời mất khoảng 365 ngày 6 giờ.</p> <p>- Trục Trái Đất nghiêng $66^{\circ}33'$ trên mặt phẳng quỹ đạo.</p> <p>* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.</p> <p>Bước 4. Đánh giá:</p> <p>GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.</p>	
---	--

2.2. Tìm hiểu về hiện tượng mùa (30 phút)

a. Mục tiêu: HS trình bày và giải thích được hiện tượng các mùa.

b. Nội dung: Quan sát hình 7.1 kết hợp kênh chữ SGK tr178, thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm: trả lời được các câu hỏi của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

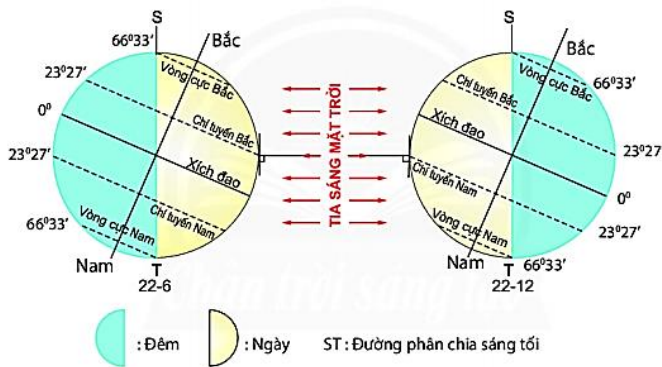
Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bài
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ:</p> <p>* GV cho HS đọc nội dung mục 1 SGK.</p> <p>* GV chia lớp làm 8 nhóm, mỗi nhóm từ 4 đến 6 em, yêu cầu HS quan sát hình 16.4, 16.5 và thông tin trong bài, thảo luận nhóm trong 5 phút để trả lời các câu hỏi sau:</p> <p>- Nhóm 1, 2, 3, 4:</p> <p>+ Mùa là gì? Người ta chia 1 năm ra làm mấy mùa. Nguyên nhân nào sinh ra các mùa?</p> <p>+ Vào các ngày 22 – 6 và 22 – 12, bán cầu Bắc hay bán cầu Nam ngã về phía Mặt Trời nhiều hơn?</p> <p>- Nhóm 5, 6, 7, 8:</p> <p>+ Ngày 22 – 6 ở bán cầu Bắc là mùa nóng hay lạnh? Vì sao?</p> <p>+ Ngày 22 – 12 ở bán cầu Nam là mùa nóng hay mùa lạnh? Vì sao?</p> <p>+ Sự phân hóa bốn mùa ở nước ta như thế nào?</p> <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>* HS đọc bài.</p>	<p>II. Hệ quả chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời</p> <p>1. Hiện tượng mùa</p> <p>- Mùa là một phần thời gian của năm, có những đặc điểm riêng về thời tiết và khí hậu.</p> <p>- Người ta có thể chia một năm gồm mùa nóng và mùa lạnh, mùa khô và mùa mưa hoặc bốn mùa xuân, hạ, thu, đông.</p> <p>- Nguyên nhân: Khi chuyển động quanh Mặt Trời, do trục Trái Đất nghiêng và không đổi hướng trên quỹ đạo nên bán cầu Bắc và bán cầu Nam lần lượt ngã về</p>

<p>* HS dựa vào hình 7.1, đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi.</p> <p>* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:</p> <p>* Sau khi nhóm HS có sản phẩm, GV cho các nhóm HS trình bày sản phẩm của mình, đại diện 2 nhóm (ví dụ: nhóm 4, nhóm 8) lần lượt lên thuyết trình câu trả lời trước lớp:</p> <p>- Nhóm 4:</p> <p>+ HS nêu khái niệm, phân loại và nguyên nhân sinh ra các mùa theo nội dung SGK từ dòng 1-11 tr138 (Nội dung ghi bài)</p> <p>+ Vào các ngày 22 – 6 bán cầu Bắc ngả về phía Mặt Trời nhiều hơn và 22 – 12 bán cầu Nam ngả về phía Mặt Trời nhiều hơn.</p> <p>- Nhóm 8:</p> <p>+ Ngày 22 – 6 ở bán cầu Bắc là mùa nóng. Vì lúc này đang ngả về phía Mặt Trời.</p> <p>+ Ngày 22 – 12 ở bán cầu Nam là mùa nóng. Vì lúc này đang ngả về phía Mặt Trời.</p> <p>+ Sự phân hóa bốn mùa ở nước ta: Sự phân hóa bốn mùa ở nước ta biểu hiện không rõ rệt lắm. Ở miền Bắc CÓ đủ bốn mùa, tuy nhiên mùa xuân và mùa thu chỉ là những thời kì chuyển tiếp ngắn. Ở miền Nam hầu như nóng quanh năm, một năm phân làm hai mùa rõ rệt: mùa mưa và mùa khô.</p> <p>* HS các nhóm khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm của nhóm bạn và sản phẩm của nhóm mình.</p> <p>Bước 4. Đánh giá:</p> <p>GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.</p>	<p>phía Mặt Trời. Điều này làm cho thời gian được chiếu sáng ở mỗi bán cầu thay đổi trong năm và sinh ra các mùa.</p> <p>- Biểu hiện:</p> <p>+ Bán cầu nào ngả về phía Mặt Trời nhiều hơn thì nhận được nhiều nhiệt và ánh sáng hơn, lúc này là mùa nóng.</p> <p>+ Ngược lại, bán cầu ngả về phía Mặt Trời ít hơn sẽ nhận được ít nhiệt và ánh sáng hơn, lúc này là mùa lạnh. Như vậy, trong cùng một thời điểm, mùa ở hai bán cầu trái ngược nhau.</p> <p>+ Sự phân hoá bốn mùa Ở nước ta biểu hiện không rõ rệt lắm.</p>
--	--

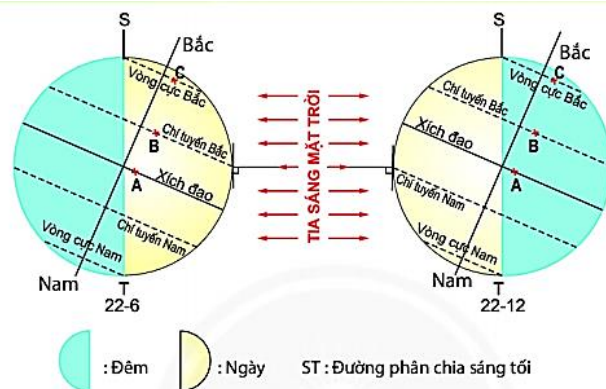
2.3. Tìm hiểu về hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa (20 phút)

a. Mục tiêu: HS trình bày và giải thích được hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa.

b. Nội dung: Quan sát hình 7.2. Ngày và đêm trên Trái Đất vào ngày 22-6 và 22-12, hình 7.3. Hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa kết hợp kênh chữ SGK tr139, 140, thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi của GV.



Hình 7.2. Ngày và đêm trên Trái Đất vào các ngày 22-6 và 22-12.



Hình 7.3. Hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa.

c. **Sản phẩm:** trả lời được các câu hỏi của GV.

d. **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bài
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * GV cho HS đọc nội dung mục 2 SGK. * GV yêu cầu HS quan sát hình 7.2, 7.3 SGK, và thông tin trong bài, lần lượt trả lời các câu hỏi sau: <ul style="list-style-type: none"> - Ngày 22-6, Mặt Trời chiếu thẳng góc vào mặt đất ở vĩ tuyến nào? Thời điểm đó, ngày dài hơn đêm ở bán cầu Bắc hay bán cầu Nam? - Ngày 22-12, Mặt Trời chiếu thẳng góc vào mặt đất ở vĩ tuyến nào? Thời điểm đó, ngày dài hơn đêm ở bán cầu Bắc hay bán cầu Nam? - So sánh độ dài giữa ngày và đêm ở các điểm A, B, C vào ngày 22-6 và 22-12. - Rút ra kết luận về sự chênh lệch ngày đêm theo mùa từ kết quả so sánh trên. Nêu nguyên nhân. <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * HS dựa vào hình 7.2, 7.3, đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ để trả lời câu hỏi. * GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS. <p>Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình: 	<p>2. Hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Do đường phân chia Sáng tối không trùng với trục Trái Đất nên các địa điểm ở bán cầu Bắc và bán cầu Nam có hiện tượng ngày, đêm dài ngắn khác nhau. - Các địa điểm nằm trên đường Xích đạo quanh năm luôn có ngày, đêm dài bằng nhau. Càng xa Xích đạo về phía hai cực, sự chênh lệch độ dài ngày đêm càng biểu hiện rõ rệt. - Do mùa ở hai bán cầu diễn ra ngược nhau nên độ dài ngày, đêm ở hai bán cầu cũng ngược nhau. Khi bán cầu Bắc có ngày dài, đêm ngắn thì ở bán cầu Nam sẽ là ngày ngắn, đêm dài.

<p>- Ngày 22-6, Mặt Trời chiếu thẳng góc vào mặt đất ở vĩ tuyến 23°27'B. Thời điểm đó, ngày dài hơn đêm ở bán cầu Bắc.</p> <p>- Ngày 22-12, Mặt Trời chiếu thẳng góc vào mặt đất ở vĩ tuyến: 23°27'N. Thời điểm đó, ngày dài hơn đêm ở bán cầu Nam.</p> <p>- So sánh độ dài giữa ngày và đêm ở các điểm A, B, C vào ngày 22-6 và 22-12: điểm A có ngày và đêm dài bằng nhau. Điểm B có ngày dài hơn đêm vào ngày 22-6 và đêm dài hơn ngày vào ngày 22-12. Điểm C có ngày dài 24h vào ngày 22-6 và đêm dài 24h vào ngày 22-12.</p> <p>- Rút ra kết luận và nêu nguyên nhân về sự chênh lệch ngày đêm theo mùa theo nội dung SGK đoạn 1, 2 tr140 (Nội dung ghi bài).</p> <p>* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.</p> <p>Bước 4. Đánh giá: GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.</p>	
--	--

3. Hoạt động luyện tập (10 phút)

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn.

c. Sản phẩm: trả lời được câu hỏi mà GV giao.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi cho HS trả lời: *Hãy giải thích câu tục ngữ Việt Nam:*

*“Đêm tháng năm chưa nằm đã sáng,
Ngày tháng mười chưa cười đã tối”*

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

* HS dựa vào kiến thức đã học, suy nghĩ, trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi.

* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

- Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời, trục Trái Đất luôn nghiêng về một hướng không đổi nên lần lượt từng nửa cầu ngả về phía Mặt Trời còn nửa kia thì chệch xa.

- Vào khoảng tháng 5 âm lịch (nhằm tháng 6 dương lịch) là thời gian bán cầu Bắc ngả về phía Mặt Trời nhiều nhất nên các vùng ở Bắc bán cầu nhận được nhiều nhiệt nhất, (là mùa hạ) đồng thời, thời gian ban ngày kéo dài, đêm ngắn hơn (Đêm tháng 5 chưa nằm đã sáng).

- Vào khoảng tháng 10 âm lịch (nhằm tháng 11 dương lịch) là thời gian bán cầu Bắc chệch xa Mặt Trời nhất nên nhận được ít nhiệt (là mùa Đông), lúc này thời gian ban ngày rất ngắn, đêm kéo dài (Ngày tháng 10 chưa cười đã tối).

* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

Bước 4. Đánh giá:

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

4. Hoạt động vận dụng (10 phút)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn.

c. Sản phẩm: trả lời được câu hỏi của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi cho HS: *Địa phương em đang sinh sống mỗi năm có mấy mùa? Đó là những mùa nào? Thời gian mỗi mùa thường kéo dài khoảng mấy tháng?*

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

* HS dựa vào kiến thức đã học, suy nghĩ, trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi.

* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình: ví dụ ở TPHCM có 2 mùa là mùa mưa và mùa khô. Mùa mưa từ tháng 5 đến tháng 10 kéo dài 6 tháng, mùa khô từ tháng 11 đến tháng 4 năm sau, kéo dài 6 tháng.

Bước 4. Đánh giá:

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

Tuần 17

Ngày soạn: 18.12.2021

Tiết 51

ÔN TẬP CUỐI HỌC KÌ I

I. MỤC TIÊU :

Yêu cầu cần đạt:

1. Kiến thức:

- Trái Đất trong hệ Mặt trời, các chuyển động của Trái Đất và hệ quả

2. Năng lực

*** Năng lực chung**

- Năng lực tự chủ và tự học: biết chủ động tích cực thực hiện nhiệm vụ học tập.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: biết chủ động đưa ra ý kiến giải pháp khi được giao nhiệm vụ để hoàn thành tốt khi làm việc nhóm.

*** Năng lực Địa Lí**

- Năng lực tìm hiểu địa lí: sử dụng bản đồ và sơ đồ, lược đồ, tranh ảnh để xác định nội dung theo yêu cầu của giáo viên.

- Vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học: Biết liên hệ thực tế để giải thích các hiện tượng, các vấn đề liên quan đến bài học; Liên hệ với Việt Nam nếu có

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: Phân tích mối liên hệ giữa các yếu tố tự nhiên

3. Phẩm chất

- Trách nhiệm: Thực hiện, tuyên truyền cho người thân về những giá trị mà bài học mang lại

- Chăm chỉ: tích cực, chủ động trong các hoạt động học

- Nhân ái: Chia sẻ, cảm thông với những sự khó khăn, thách thức của những vấn đề liên quan đến nội dung bài học.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Học liệu: sgk, sách thiết kế địa lí 6 tập 1, quả địa cầu.

2. Chuẩn bị của học sinh: Sách giáo khoa, compa. máy tính

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC.

Hoạt động 1: Mở đầu

a. Mục đích: Giáo viên đưa ra tình huống để học sinh giải quyết, trên cơ sở đó để hình thành kiến thức vào bài học mới.

b. Nội dung: Học sinh dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của mình để trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: GV cho HS nghe 1 đoạn của bài hát Sông quê trong đó có đoạn ..có dòng sông bên lở bên bồi ... HS giải thích vì sao có hiện tượng trên. HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời	
Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung HS: Trình bày kết quả	
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và dẫn vào bài mới HS: Lắng nghe, vào bài mới	

Hoạt động 2. Hình thành kiến thức mới

Hoạt động 2.1: Học sinh làm các bài tập chương 2

a. Mục đích: củng cố kiến thức chương 2

b. Nội dung: bài tập chương 2

c. Sản phẩm: các bài tập của HS

d. Cách thực hiện.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV: HS suy nghĩ, thảo luận để hoàn thành các câu hỏi sau.

Câu 1. Hãy vẽ sơ đồ thể hiện nội dung đã học ở chương 2.

Gợi ý: Vẽ sơ đồ kiến thức đã học ở chương 2. Có thể vẽ nhiều kiểu sơ đồ, nhưng sơ đồ phải thể hiện được các nội dung chính đã được học: Trái Đất trong hệ Mặt Trời;

hình dạng, kích thước Trái Đất; các chuyển động của Trái Đất và hệ quả; xác định phương hướng ngoài thực tế.

Câu 2. Hãy mô tả chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất và hiện tượng ngày, đêm luân phiên trên Trái Đất.

Gợi ý: Trái Đất tự quay quanh một trục tưởng tượng từ tây sang đông, quay một vòng hết 24 giờ, vì thế lần lượt các địa điểm trên Trái Đất đều có ngày đêm luân phiên.

Câu 3. Một trận bóng đá diễn ra ở Việt Nam lúc 15 giờ ngày 5/ 10/2021 (múi giờ thứ 7) thì lúc này ở Nhật Bản (múi giờ thứ 9) là mấy giờ ?

Câu 4. Mô tả chuyển động của Trái Đất quanh Mặt Trời và hiện tượng mùa trên Trái Đất.

Gợi ý: Trái Đất chuyển động quanh Mặt Trời với: Quỹ đạo chuyển động: hình elip, hướng chuyển động: từ tây sang đông (ngược chiều kim đồng hồ), thời gian Trái Đất quay

quanh Mặt Trời hết 1 vòng: 365 ngày 6 giờ (1 năm), góc nghiêng của trục Trái Đất khi tự quay: không đổi, nghiêng so với mặt phẳng quỹ đạo một góc $66^{\circ}33'$ Do vậy, có khoảng thời gian bán cầu Bắc ngả về phía Mặt Trời và ngược lại. Bán cầu nào ngả về phía Mặt Trời sẽ nhận được nhiều ánh sáng và nhiệt, đó là mùa nóng của bán cầu đó. Bán cầu còn lại sẽ nhận được ít ánh sáng và nhiệt, bán cầu đó có mùa lạnh.

HS: Tiếp cận nhiệm vụ và lắng nghe

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ

HS: Suy nghĩ, trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS: Trình bày kết quả

GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng

HS: Lắng nghe, ghi bài

Hoạt động 2.2: HS làm 1 số câu hỏi trắc nghiệm

a. Mục đích: HS hoàn thành các câu hỏi trắc nghiệm

b. Nội dung: Tìm hiểu HS làm 1 số câu hỏi trắc nghiệm

c. Sản phẩm: Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh

d. Cách thực hiện.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV : HS hoàn thành hệ thống câu hỏi trắc nghiệm trên màn chiếu. HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ	2/ HS làm 1 số câu hỏi trắc nghiệm

<p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời</p>	
<p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: Trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung</p>	
<p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Chuẩn kiến thức và ghi bảng HS: Lắng nghe, ghi bài</p>	

Hoạt động 3: Luyện tập.

- a. **Mục đích:** Giúp học sinh khắc sâu kiến thức bài học
b. **Nội dung:** Trả lời các câu hỏi trắc nghiệm
c. **Sản phẩm:** câu trả lời của học sinh
d. **Cách thực hiện.**

<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: đưa ra các câu hỏi trắc nghiệm liên quan đến bài học hôm nay. HS: lắng nghe</p>
<p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập HS suy nghĩ để tìm đáp án đúng</p>
<p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS lần lượt trả lời các câu hỏi trắc nghiệm</p>
<p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập GV chuẩn kiến thức, nhấn mạnh kiến thức trọng tâm của bài học</p>

Hoạt động 4. Vận dụng

- a. **Mục đích:** HS biết được giải thích được những vấn đề có liên quan đến bài học hôm nay
b. **Nội dung:** Vận dụng kiến thức
c. **Sản phẩm:** Thuyết trình sản phẩm, câu trả lời, bài làm của học sinh
d. **Cách thực hiện.**

Hoạt động của GV và HS	Nội dung chính
<p>Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV: Sưu tầm các câu ca dao tục ngữ liên quan đến thời tiết, khí hậu của Việt Nam HS: Lắng nghe và tiếp cận nhiệm vụ</p>	
<p>Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập GV: Gợi ý, hỗ trợ học sinh thực hiện nhiệm vụ HS: Suy nghĩ, trả lời</p>	
<p>Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS: trình bày kết quả GV: Lắng nghe, gọi HS nhận xét và bổ sung</p>	

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

GV: Chuẩn kiến thức

HS: Lắng nghe và ghi nhớ.

Tuần 18**Ngày soạn: 18.12.2021****Tiết 53****PHÒNG GD&ĐT THỊ XÃ BUÔN HỒ
TRƯỜNG THCS NGÔ MÂY****KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ CUỐI HỌC KÌ I
NĂM HỌC: 2021 – 2022****Môn: Địa lý – Lớp 6**

Thời gian: 45

I. MỤC TIÊU KIỂM TRA:

- Đánh giá về phẩm chất và năng lực của học sinh sau khi học xong chương II Trái Đất- hành tinh của hệ mặt trời.
- Đánh giá kết quả học tập của học sinh nhằm điều chỉnh nội dung, phương pháp dạy học và giúp đỡ HS một cách kịp thời.

II. HÌNH THỨC KIỂM TRA:

Trắc nghiệm 100%

III. XÂY DỰNG MA TRẬN ĐỀ:

- Đề kiểm tra giữ học kì I với số tiết: 10 tiết (100%).
- Trên cơ sở phân phối số tiết như trên, tiến hành xây dựng ma trận đề kiểm tra như sau:

Mức độ	Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng thấp
--------	-----------	------------	---------------

Chủ đề/ nội dung			
Vị trí Trái Đất trong hệ Mặt Trời. Hình dạng, kích thước của Trái Đất.	Biết được hình dạng và kích thước của Trái Đất	Hiểu được một số hiện tượng tự nhiên trên Trái Đất.	.
Số câu: 2 Số điểm: 0.5đ	1 câu (27) 0.25đ	1 câu(28) 0.25đ	
Chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất.	- Biết được một số đặc điểm của sự chuyển động tự quay quanh trục.	Hiểu được các hệ quả của chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất	Giải thích được nguyên nhân sinh ra các hệ quả của chuyển động tự quay quanh trục của Trái Đất. Vận dụng được cách tính giờ trên Trái Đất
Số câu: 7 Số điểm: 1.75đ	3 câu(29,30,31) 0.75đ	1 câu (33) 0.25đ	3câu(32,34,35) 0.75đ
Chuyển động quay quanh Mặt Trời của Trái Đất và hệ quả	- Biết được một số đặc điểm của sự chuyển động quanh Mặt Trời của Trái Đất.	Hiểu được các hệ quả của chuyển động quanh Mặt Trời của Trái Đất	Giải thích được nguyên nhân sinh ra các hệ quả của chuyển động quanh Mặt Trời của Trái Đất.
Số câu: 5 Số điểm: 1.25đ	2 câu (38,40) 0.5đ	2 câu (37,39) 0.5đ	1 câu (36) 0.25đ
Số câu: 14 Số điểm: 3.5đ Tỉ lệ %: 100%	6 câu 1.5đ 42,8%	4 câu 1.0đ 28,6%	4 câu 1.0đ 28.6%

IV. VIẾT ĐỀ KIỂM TRA TỰ MA TRẬN

Câu 27. Trái Đất có bán kính ở xích đạo là

A. 6378 km.

- B. 6356 km.
- C. 6387 km.
- D. 6365 km.

Câu 28. Trái Đất có dạng hình cầu nên xuất hiện hiện tượng nào dưới đây?

- A. Luôn có một nửa được Mặt Trời chiếu sáng và một nửa không được chiếu sáng.
- B. Bất kì thời điểm nào trong ngày cũng được Mặt Trời chiếu sáng suốt 24 giờ.
- C. Trên Trái Đất khu vực nào cũng có 4 mùa điển hình với ngày đêm dài bằng nhau.
- D. Trái Đất thực hiện nhiều chuyển động trong một năm nên gây ra nhiều thiên tai.

Câu 29: Đường biểu hiện trục Trái Đất (BN) và đường phân chia sáng tối (ST) làm thành một góc

- A. $23^{\circ}27'$.
- B. $27^{\circ}23'$.
- C. $66^{\circ}33'$.
- D. $33^{\circ}66'$.

Câu 30: Trái Đất quay một vòng quanh trục với thời gian là

- A. 24 giờ.
- B. 23 giờ.
- C. 22 giờ.
- D. 21 giờ.

Câu 31: So với mặt phẳng quỹ đạo, trục Trái Đất nghiêng một góc

- A. $66^{\circ}33'$.
- B. $56^{\circ}27'$.
- C. $23^{\circ}27'$.
- D. $32^{\circ}27'$.

Câu 32: Sự chuyển động của Trái Đất quay quanh trục **không** tạo ra hiện tượng nào sau đây?

- A. Hiện tượng các mùa trong năm.
- B. Mỗi khu vực giờ có một giờ riêng.
- C. Ngày đêm nối tiếp nhau.
- D. Sự lệch hướng chuyển động.

Câu 33: Nơi nào trên Trái Đất quanh năm có ngày và đêm dài như nhau?

- A. Các địa điểm nằm trên đường xích đạo.
- B. Ở 2 cực và vùng ôn đới.
- C. Các địa điểm nằm trên 2 chí tuyến.
- D. Các địa điểm nằm trên 2 vòng cực.

Câu 34: Trên Trái Đất, khu vực giờ phía Đông bao giờ cũng sớm hơn giờ khu vực phía Tây là do

- A. Trái Đất tự quay từ tây sang đông.
- B. Trái Đất tự quay từ đông sang tây.
- C. Trục Trái Đất nghiêng và không đổi hướng.
- D. Hiện tượng ngày đêm kế tiếp nhau.

Câu 35: Khi ở Luân Đôn là 10 giờ, thì lúc này ở Hà Nội là

- A. 17 giờ.
- B. 18 giờ.
- C. 19 giờ.
- D. 20 giờ.

Câu 36 : Nguyên nhân nào sinh ra hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo theo mùa?

- A. Do đường phân chia sáng tối không trùng với trục Trái Đất bắc- nam.

- B. Do trong khi chuyển động quanh trục Trái Đất có lúc chúc nửa cầu bắc, có lúc ngả nửa cầu nam về phía Mặt Trời.
- C. Do Trái Đất chuyển động từ tây sang đông.
- D. Do trục Trái Đất nghiêng và không đổi hướng trong khi chuyển động.

Câu 37: Ở bán cầu Bắc, hiện tượng ngày ngắn hơn đêm diễn ra trong khoảng thời gian

- A. từ 23/9 đến 21/3.
- B. từ 21/3 đến 22/6.
- C. từ 21/3 đến 23/9.
- D. từ 23/9 đến 22/12.

Câu 38: Khu vực nào sau đây có 6 tháng là ngày và 6 tháng là đêm trong một năm?

- A. Cực.
- B. Vòng cực.
- C. Chí tuyến.
- D. Xích đạo.

Câu 39: Vào ngày nào trong năm ở hai nửa bán cầu đều nhận được một lượng ánh sáng và nhiệt như nhau?

- A. Ngày 21/3 và ngày 23/12.
- B. Ngày 22/6 và ngày 22/12.
- C. Ngày 21/6 và ngày 23/12.
- D. Ngày 22/3 và ngày 22/9.

Câu 40: Ngày chuyển tiếp giữa mùa nóng và mùa lạnh là

- A. Ngày 23/9 thu phân.
- B. Ngày 22/12 đông chí.
- C. Ngày 22/6 hạ chí.

D. Ngày 12/3 xuân phân.

V. VIẾT ĐÁP ÁN TỪ ĐỀ KIỂM TRA

Mỗi đáp án đúng 0.25 điểm

Câu	Đáp án	Câu	Đáp án
27	A	34	A
28	A	35	A
29	A	36	A
30	A	37	A
31	A	38	A
32	A	39	A
33	A	40	A

Ngày soạn: 05.01.2022

Tuần 19:

Tiết: 55

BÀI 8. THỰC HÀNH XÁC ĐỊNH PHƯƠNG HƯỚNG NGOÀI THỰC TẾ

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

Xác định phương hướng ngoài thực tế dựa vào quan sát hiện tượng tự nhiên hoặc dùng la bàn.

2. Về năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự học: khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm có hiệu quả.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sử dụng công cụ, phương tiện phục vụ bài học, biết phân tích và xử lí tình huống.

b. Năng lực đặc thù:

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: biết được cách sử dụng la bàn.
- Năng lực tìm hiểu địa lí:
 - + Khai thác kênh hình và kênh chữ trong sách giáo khoa (SGK) từ trang (tr) 141-143.
 - + Sử dụng la bàn để xác định hướng phòng học, hướng ngôi HS.
- Năng lực vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: dựa vào phía Mặt Trời mọc để xác định hướng của phòng học và hướng ngôi của HS

3. Về phẩm chất:

- Ý thức học tập nghiêm túc, say mê yêu thích tìm tòi những thông tin khoa học về phương hướng trên Trái Đất.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên (GV)

- Giáo án, SGK, SGV, La bàn.

- Bảng phụ ghi câu hỏi thảo luận nhóm và bảng nhóm cho HS trả lời.

2. Học sinh (HS): SGK, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động (5 phút)

a. Mục tiêu: Tạo tình huống giữa cái đã biết và chưa biết nhằm tạo hứng thú học tập cho HS.

b. Nội dung: GV đặt các câu hỏi kích thích sự tư duy cho HS trả lời.

c. Sản phẩm: HS trả lời được các câu hỏi GV đặt ra.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ: *Em hãy nhắc lại các hướng chính và hướng phụ trên Trái Đất. Từ xa xưa, người ta thường sử dụng cái gì để xác định phương hướng?*

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.

- GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3: Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

- Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

+ Các phương hướng chính trên bản đồ là bắc, nam, đông, tây; các hướng trung gian là đông bắc, tây bắc, đông nam, tây nam,...

+ Sử dụng la bàn.

- HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

Bước 4. GV dẫn dắt vào nội dung bài mới: Vậy la bàn là gì? Cách sử dụng la bàn như thế nào? Ngoài la bàn, các em có thể dựa vào đâu để xác định hướng phòng học và hướng ngồi của mình? Để biết được điều này, lớp chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (30 phút)

2.1. Tìm hiểu cách xác định phương hướng dựa vào việc dùng la bàn (20 phút)

a. Mục tiêu: HS sử dụng được la bàn để xác định hướng phòng học và hướng ngồi của bản thân.

b. Nội dung: Sử dụng la bàn kết hợp kênh chữ SGK tr141, 142, suy nghĩ cá nhân và thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi của GV.

c. **Sản phẩm:** trả lời được các câu
d. **Tổ chức thực hiện:**



hỏi của GV.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bài
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * GV cho HS đọc nội dung mục I SGK. * GV đặt câu hỏi cho HS: <i>la bàn là gì? Nêu cách sử dụng la bàn.</i> * GV chia lớp làm 8 nhóm, yêu cầu HS sử dụng la bàn và thông tin trong bài, thảo luận nhóm cùng 1 nội dung trong 5 phút để trả lời các câu hỏi sau: <ul style="list-style-type: none"> - <i>Xác định hướng phòng học.</i> - <i>Xác định hướng ngồi của nhóm.</i> <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * HS đọc bài. * HS dựa vào mục em có biết, sử dụng la bàn và thảo luận nhóm để xác định hướng. * GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS. <p>Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> * HS nêu khái niệm và cách sử dụng la bàn như nội dung trong mục em có biết SGK tr141 (Nội dung ghi bài). * Sau khi nhóm HS có sản phẩm, GV cho các nhóm HS trình bày sản phẩm của mình, đại diện 1 nhóm lên thuyết trình câu trả lời trước lớp: HS xác định hướng phòng học: ví dụ hướng đông bắc, thì nhóm ngồi trên bên phải phòng học là hướng đông; nhóm ngồi trên bên trái phòng học là hướng bắc... * HS các nhóm khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp nhóm bạn và sản phẩm của nhóm mình. <p>Bước 4. Đánh giá:</p> <p>GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.</p>	<p>I. Xác định phương hướng dựa vào việc dùng la bàn</p> <ul style="list-style-type: none"> - La bàn là phương tiện dùng để xác định phương hướng trong không gian. - Để xác định chính xác phương hướng, chúng ta cần đứng thẳng, đặt la bàn cân đối, sau đó xoay la bàn sao cho kim nam châm có đầu sơn đỏ chỉ hướng chính bắc (0 độ). Từ đó tiến hành xác định các hướng cần tìm bằng cách từ từ xoay người và la bàn.

2.2. Tìm hiểu cách xác định phương hướng dựa vào quan sát hiện tượng tự nhiên (10 phút)

- a. Mục tiêu:** HS xác định được phương hướng dựa vào quan sát hiện tượng tự nhiên.
- b. Nội dung:** Sử dụng kênh chữ SGK tr142, 143, suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.
- c. Sản phẩm:** trả lời được các câu hỏi của GV.
- d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bài
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * GV cho HS đọc nội dung mục II SGK. * GV yêu cầu HS dựa vào nội dung câu chuyện đi đường, lần lượt trả lời các câu hỏi sau: <ul style="list-style-type: none"> - Người em đã xác định hướng tây bằng cách nào? - Sau khi xác định hướng tây người em làm cách nào để xác định hướng còn lại? - Nêu quy tắc xác định hướng ngoài thực tế. <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * HS đọc kênh chữ câu chuyện đi đường trong SGK suy nghĩ để trả lời câu hỏi. * GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS. <p>Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình: <ul style="list-style-type: none"> - Người em đã xác định hướng tây bằng cách sờ vào các vật lúc này nhận ánh sáng Mặt Trời xem phía nào ấm hơn. - Sau khi xác định hướng tây người em xác định hướng bắc (bên phải hướng tây) để xác định hướng còn lại. - HS rút ra quy tắc xác định hướng ngoài thực tế (Nội dung ghi bài). * HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân. <p>Bước 4. Đánh giá:</p> <p>GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.</p>	<p>II. Xác định phương hướng dựa vào quan sát hiện tượng tự nhiên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định hướng Mặt Trời mọc (hướng đông) hay lặn (hướng tây) sau đó tìm ra hướng bắc và xác định các hướng còn lại.

3. Hoạt động luyện tập (5 phút)

- a. Mục tiêu:** Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.
- b. Nội dung:** GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn.
- c. Sản phẩm:** trả lời được câu hỏi mà GV giao.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi cho HS: *Hãy vẽ lại sơ đồ các hướng chính và hướng phụ trên Trái Đất.*

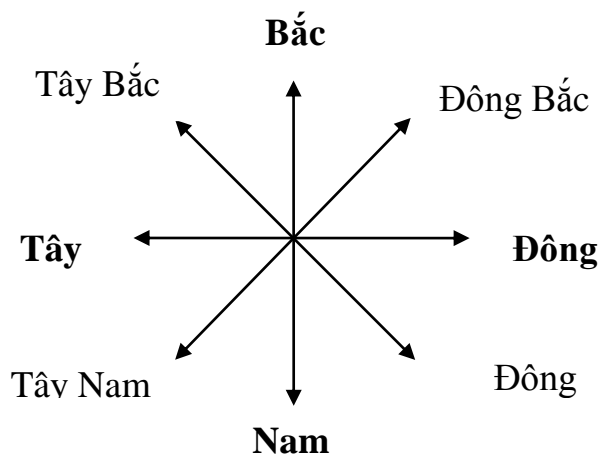
Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

* HS dựa vào kiến thức đã học, suy nghĩ, trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi.

* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:



* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

Bước 4. Đánh giá:

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

4. Hoạt động vận dụng (5 phút)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn.

c. Sản phẩm: trả lời được câu hỏi mà GV giao.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi cho HS: *Dựa vào phía Mặt Trời mọc để xác định hướng của phòng học và hướng ngồi của HS.*

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

* HS dựa vào kiến thức đã học, suy nghĩ, trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi.

* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình: ví dụ hướng phòng học nằm đằng sau so với hướng Mặt Trời mọc (hướng đông) là hướng Tây, vậy HS ngồi đầu bàn trên bên phải sẽ là hướng tây bắc, HS ngồi đầu bàn trên bên trái sẽ là hướng tây nam...

* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

Bước 4. Đánh giá:

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

Ngày soạn: 08.01.2022

Tuần 19:

Tiết: 56

CHƯƠNG 3. CẤU TẠO CỦA TRÁI ĐẤT. VỎ TRÁI ĐẤT
BÀI 9. CẤU TẠO CỦA TRÁI ĐẤT. ĐỘNG ĐẤT VÀ NÚI LỬA (tiết 1)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Trình bày được cấu tạo của Trái Đất.
- Xác định được trên lược đồ các mảng kiến tạo lớn, đới tiếp giáp của 2 mảng xô vào nhau.
- Trình bày được hiện tượng động đất, núi lửa và nêu được nguyên nhân.
- Biết tìm kiếm thông tin về các thảm họa thiên nhiên do động đất và núi lửa gây ra.

2. Về năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự học: khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm có hiệu quả.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sử dụng công cụ, phương tiện phục vụ bài học, biết phân tích và xử lí tình huống.

b. Năng lực đặc thù:

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: nêu được vai trò của lớp vỏ Trái Đất, nguyên nhân gây ra động đất và núi lửa.
- Năng lực tìm hiểu địa lí:
 - + Khai thác kênh hình và kênh chữ trong sách giáo khoa (SGK) từ trang (tr) 145-149.
 - + Sử dụng hình 9.1, 9.2 và bảng 9.1 SGK tr145-146 để trình bày cấu tạo của Trái Đất.
 - + Sử dụng lược đồ hình 9.3 SGK tr146 để xác định các mảng kiến tạo.
 - + Sử dụng lược đồ hình 9.4 tr147 để xác định vành đai động đất và núi lửa trên Trái Đất.
- Năng lực vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: nêu các biện pháp phòng tránh khi có động đất xảy ra.

3. Về phẩm chất: ý

- Ý thức học tập nghiêm túc, say mê yêu thích tìm tòi những thông tin khoa học về Trái Đất.
- Ý thức phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên (GV)

- Giáo án, SGK, sách giáo viên (SGV), quả Địa cầu, tập bản đồ (TBD) Địa lí 6.
- Lược đồ các mảng kiến tạo của lớp vỏ Trái Đất, các vành đai động đất và núi lửa trên Trái Đất.
- Bảng phụ ghi câu hỏi thảo luận nhóm và bảng nhóm cho HS trả lời.

2. Học sinh (HS): SGK, vở ghi, TBD Địa lí 6.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động (5 phút)

a. Mục tiêu: Tạo tình huống giữa cái đã biết nhằm tạo hứng thú học tập cho HS.

b. Nội dung: GV đặt các câu hỏi kích thích sự tư duy cho HS trả lời.

c. Sản phẩm: HS trả lời được các câu hỏi GV đặt ra.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ: *Em hãy kể tên một số quốc gia hay xảy ra động đất mà em biết.*

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.
- GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3: Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

- Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình: như Trung Quốc, Nhật Bản, In-đô-nê-xi-a...
- HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

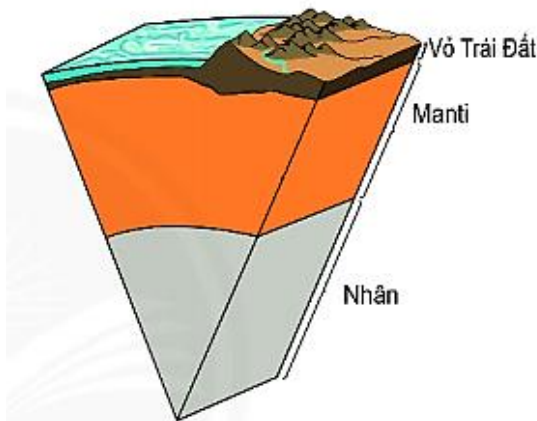
Bước 4. GV dẫn dắt vào nội dung bài mới: Vậy động đất là gì? Nguyên nhân nào gây ra động đất? Động đất gây ra hậu quả gì và cần làm gì khi có động đất xảy ra. Để biết được điều này, lớp chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (65 phút)

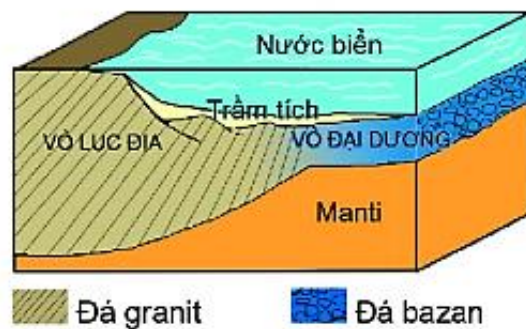
2.1. Tìm hiểu cấu tạo của Trái Đất (20 phút)

a. Mục tiêu: HS trình bày được cấu tạo của Trái Đất.

b. Nội dung: Quan sát hình 9.1, bảng 9.1. Cấu tạo của Trái Đất, hình 9.2 kết hợp kênh chữ SGK tr145, 146, suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.



Hình 9.1. Cấu tạo của Trái Đất.



Hình 9.2. Cấu tạo lớp vỏ Trái Đất.

c. Sản phẩm: trả lời được các câu hỏi của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bài
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * GV cho HS đọc nội dung mục I SGK. * GV yêu cầu HS quan sát hình 9.1, 9.2 và bảng 9.1 SGK, và thông tin trong bài, lần lượt trả lời các câu hỏi sau: <ul style="list-style-type: none"> - Trái Đất gồm những lớp nào? - Nêu đặc điểm cấu tạo bên trong của Trái Đất. - Lớp vỏ Trái Đất bao gồm mấy lớp? Nêu vai trò của lớp vỏ Trái Đất. <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * HS dựa vào hình 6.1, đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ để trả lời câu hỏi. * GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS. <p>Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:</p>	<p>I. Cấu tạo của Trái Đất</p> <p>Gồm 3 lớp:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lớp vỏ Trái Đất: dày từ 5-70km, trạng thái rắn chắc, nhiệt độ tối đa 1000⁰C. - Lớp trung gian: dày gần 3000km, trạng thái từ quán dẻo đến lỏng, nhiệt độ khoảng 1500-4700⁰C. - Lớp lõi Trái Đất: dày trên 3000km, trạng thái lỏng ở ngoài, rắn ở trong, nhiệt độ cao nhất khoảng 5000⁰C.

* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

- Trái Đất gồm 3 lớp: vỏ, manti và nhân.
- HS nêu đặc điểm độ dày, trạng thái, nhiệt độ như bảng 9.1 SGK 145 (Nội dung ghi bài).
- Vỏ Trái Đất gồm 2 lớp: vỏ lục địa và vỏ đại dương.
- Vai trò: rất quan trọng vì là nơi tồn tại của các thành phần tự nhiên khác, nơi sinh sống, hoạt động của xã hội loài người.

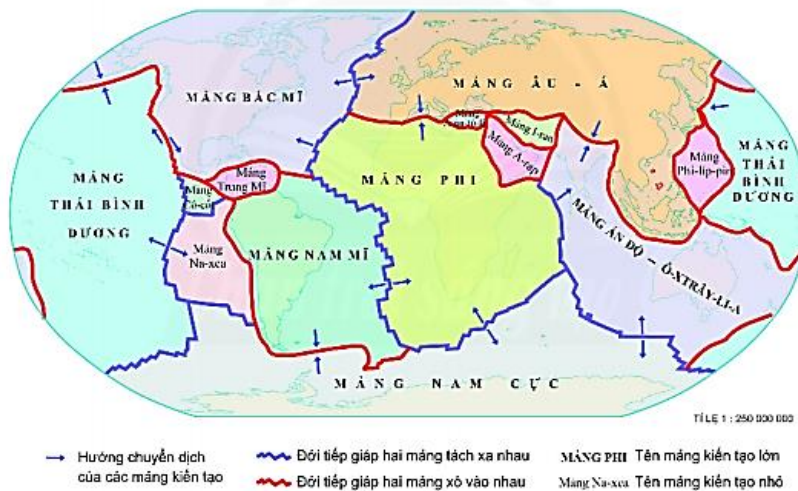
* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

Bước 4. Đánh giá:
GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.

2.2. Tìm hiểu về các mảng kiến tạo (15 phút)

a. Mục tiêu: HS xác định được các mảng kiến tạo lớn và chỗ tiếp xúc giữa chúng.

b. Nội dung: Quan sát hình 9.3 kết hợp kênh chữ SGK tr146, suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.



Hình 9.3. Các mảng kiến tạo của lớp vỏ Trái Đất.

c. Sản phẩm: trả lời được các câu hỏi của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Chuẩn kiến thức cần đạt
Bước 1. Giao nhiệm vụ:	II. Các mảng kiến tạo

<p>* HS treo lược đồ các mảng kiến tạo lên bảng.</p> <p>* GV cho HS đọc nội dung mục II SGK.</p> <p>* GV yêu cầu HS quan sát hình 9.3 SGK và thông tin trong bài, lần lượt trả lời các câu hỏi sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thạch quyển là gì? Mảng kiến tạo là gì? - Kể tên các địa mảng chính của lớp vỏ Trái Đất và lên xác định trên lược đồ. <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>* HS đọc bài.</p> <p>* HS dựa vào hình 9.3, đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ để trả lời câu hỏi.</p> <p>* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:</p> <p>* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu khái niệm thạch quyển, mảng kiến tạo theo nội dung SGK dòng 1, 2 tr146 (Nội dung ghi bài). - HS xác định 7 địa mảng chính lên lược đồ: Bắc Mỹ, Nam Mỹ, Phi, Âu-Á, Ấn Độ, Nam Cực, Thái Bình Dương. <p>* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.</p> <p>Bước 4. Đánh giá:</p> <p>GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Lớp vỏ cùng với phần trên của lớp manti tạo thành thạch quyển. - Thạch quyển bị chia cắt ra thành các mảng tương đối lớn gọi là mảng kiến tạo. - Các mảng kiến tạo hiện đang di chuyển xô vào nhau hoặc tách xa nhau với 1 tốc độ rất chậm.
--	---

Ngày soạn: 12 .01.2022

Tuần 20:

Tiết: 58

CHƯƠNG 3. CẤU TẠO CỦA TRÁI ĐẤT. VỎ TRÁI ĐẤT
BÀI 9. CẤU TẠO CỦA TRÁI ĐẤT. ĐỘNG ĐẤT VÀ NÚI LỬA (tiết 2)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Trình bày được hiện tượng động đất, núi lửa và nêu được nguyên nhân.
- Biết tìm kiếm thông tin về các thảm họa thiên nhiên do động đất và núi lửa gây ra.

2. Về năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự học: khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm có hiệu quả.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sử dụng công cụ, phương tiện phục vụ bài học, biết phân tích và xử lí tình huống.

b. Năng lực đặc thù:

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: nêu được vai trò của lớp vỏ Trái Đất, nguyên nhân gây ra động đất và núi lửa.
- Năng lực tìm hiểu địa lí:

- + Sử dụng lược đồ hình 9.4 tr147 để xác định vành đai động đất và núi lửa trên Trái Đất.
- Năng lực vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: nêu các biện pháp phòng tránh khi có động đất xảy ra.

3. Về phẩm chất: ý

- Ý thức học tập nghiêm túc, say mê yêu thích tìm tòi những thông tin khoa học về Trái Đất.
- Ý thức phòng chống thiên tai, bảo vệ môi trường.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên (GV)

- Giáo án, SGK, sách giáo viên (SGV), quả Địa cầu, tập bản đồ (TBD) Địa lí 6.
- Lược đồ các mảng kiến tạo của lớp vỏ Trái Đất, các vành đai động đất và núi lửa trên Trái Đất.
- Bảng phụ ghi câu hỏi thảo luận nhóm và bảng nhóm cho HS trả lời.

2. Học sinh (HS): SGK, vở ghi, TBD Địa lí 6.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động (5 phút)

a. Mục tiêu: Tạo tình huống giữa cái đã biết nhằm tạo hứng thú học tập cho HS.

b. Nội dung: GV đặt các câu hỏi kích thích sự tư duy cho HS trả lời.

c. Sản phẩm: HS trả lời được các câu hỏi GV đặt ra.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ: *Em hãy kể tên một số quốc gia hay xảy ra động đất mà em biết.*

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.
- GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3: Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

- Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình: như Trung Quốc, Nhật Bản, In-đô-nê-xi-a...
- HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

Bước 4. GV dẫn dắt vào nội dung bài mới: Vậy động đất là gì? Nguyên nhân nào gây ra động đất? Động đất gây ra hậu quả gì và cần làm gì khi có động đất xảy ra. Để biết được điều này, lớp chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.

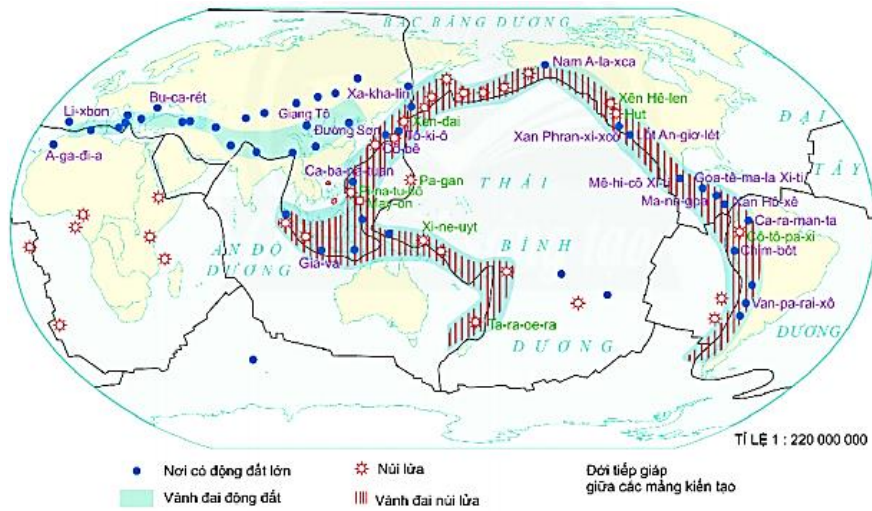
2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (65 phút)

2.3. Tìm hiểu về động đất và núi lửa (30 phút)

a. Mục tiêu:

- Trình bày được hiện tượng động đất, núi lửa và nêu được nguyên nhân.
- Biết tìm kiếm thông tin về các thảm họa thiên nhiên do động đất và núi lửa gây ra.

b. **Nội dung:** Quan sát lược đồ hình 9.4. kết hợp kênh chữ SGK tr147-149, thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi của GV.



Hình 9.4. Vành đai động đất và núi lửa trên Trái Đất.

c. **Sản phẩm:** trả lời được các câu hỏi của GV.

d. **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bài
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * GV cho HS đọc nội dung mục III, IV SGK. * GV chia lớp làm 8 nhóm, yêu cầu HS quan sát hình 9.4 SGK và thông tin trong bài, thảo luận nhóm trong 5 phút để trả lời các câu hỏi sau: <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 1, 2, 3, 4: <ul style="list-style-type: none"> + Động đất là gì? Nêu nguyên nhân và hậu quả của động đất. + Nêu tên và xác định các vành đai động đất trên Trái Đất. - Nhóm 5, 6, 7, 8: <ul style="list-style-type: none"> + Núi lửa là gì? Nêu nguyên nhân và hậu quả của núi lửa. + Nêu tên và xác định các vành đai núi lửa trên Trái Đất. + Cảm tìm kiếm thông tin về động đất và núi lửa tìm kiếm ở những nguồn nào? <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * HS đọc bài. * HS dựa vào hình 9.4, đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi. 	<p>III. Động đất</p> <ul style="list-style-type: none"> - Động đất là hiện tượng các lớp đá gần mặt đất rung chuyển. - Tác hại: nhà cửa, đường sá, cầu cống bị phá hủy, làm chết nhiều người. <p>IV. Núi lửa</p> <ul style="list-style-type: none"> - Núi lửa là hình thức phun trào mác ma dưới sâu lên mặt đất. Trên thế giới có núi lửa tắt hoặc đang hoạt động. - Tác hại: Núi lửa gây vùi lấp thành thị, làng mạc, ruộng nương.

* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

* Sau khi nhóm HS có sản phẩm, GV cho các nhóm HS trình bày sản phẩm của mình, đại diện 2 nhóm (ví dụ: nhóm 1, nhóm 5) lần lượt lên thuyết trình câu trả lời trước lớp:

- Nhóm 1:

+ HS nêu khái niệm và hậu quả của động đất theo nội dung SGK tr147 (Nội dung ghi bài).

+ HS giải thích nguyên nhân: động đất là do sự dịch chuyển của các mảng kiến tạo.

+ HS nêu và xác định các vành đai động đất: Thái Bình Dương và Địa Trung Hải.

- Nhóm 5:

+ HS nêu khái niệm và hậu quả của động đất theo nội dung SGK tr148 (Nội dung ghi bài).

+ HS giải thích nguyên nhân: núi lửa là do các mảng kiến tạo va chạm hoặc tách rời nhau, vỏ Trái Đất bị rạn nứt làm magma phun trào.

+ HS nêu và xác định các vành đai núi lửa Thái Bình Dương.

+ Chăm tìm kiếm thông tin về động đất và núi lửa tìm kiếm ở những nguồn: trên Internet hoặc trong thư viện.

* HS các nhóm khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp nhóm bạn và sản phẩm của nhóm mình.

Bước 4. Đánh giá:

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.

3. Hoạt động luyện tập (10 phút)

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về các mảng kiến tạo.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn.

c. Sản phẩm: trả lời được câu hỏi mà GV giao.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi cho HS: *Dựa vào TBĐ Địa lí 6 hãy kể tên các mảng xô vào nhau và các mảng tách xa nhau.*

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

* HS dựa vào TBĐ Địa lí 6 trang 19, suy nghĩ, trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi.

* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình: + Các mảng xô vào nhau: Bắc Mỹ với Thái Bình Dương, Âu-Á với Phi, Âu-Á với Thái Bình Dương...

+ Các mảng tách xa nhau: Phi với Nam Mỹ, Âu-Á với Bắc Mỹ, Phi với Nam Cực...

* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

Bước 4. Đánh giá:

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

4. Hoạt động vận dụng (10 phút)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn.

c. Sản phẩm: trả lời được câu hỏi mà GV giao.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi cho HS: *Nêu các biện pháp phòng tránh khi có động đất xảy ra.*

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

* HS dựa vào kiến thức đã học, suy nghĩ, trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi.

* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

+ Xây nhà chịu được những chấn động lớn.

+ Lắp các trạm nghiên cứu dự báo động đất.

+ Sơ tán dân ra khỏi vùng nguy hiểm.

* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

Bước 4. Đánh giá:

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

Ngày soạn: 13.01.2022

Tuần 20

Tiết 59

BÀI 10. QUÁ TRÌNH NỘI SINH VÀ NGOẠI SINH. CÁC DẠNG ĐỊA HÌNH CHÍNH. KHOÁNG SẢN

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Phân biệt được quá trình nội sinh và ngoại sinh và trình bày được tác động đồng thời của 2 quá trình này trong hiện tượng tạo núi.
- Phân biệt được các dạng địa hình chính trên Trái Đất.
- Kể tên một số loại khoáng sản.

2. Về năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự học: khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm có hiệu quả.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sử dụng công cụ, phương tiện phục vụ bài học, biết phân tích và xử lý tình huống.

b. Năng lực đặc thù:

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: giải thích được sự hình thành một số dạng địa hình.
- Năng lực tìm hiểu địa lí:
- + Khai thác kênh hình và kênh chữ trong sách giáo khoa (SGK) từ trang (tr) 150-154.

- + Sử dụng hình 10.1 SGK tr151 để nhận biết sự thay đổi bề mặt một số dạng địa hình do tác động của nội sinh và ngoại sinh.
- + Sử dụng hình 10.2 và bảng 10.1 tr152, 153 để phân biệt một số dạng địa hình chính.
- + Sử dụng hình 10.4 SGK tr153 để nhận biết một số loại khoáng sản.
- Năng lực vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: nhận biết và nêu được các dạng địa hình ở địa phương và thuận lợi của dạng địa hình đó trong việc phát triển kinh tế ở địa phương.

3. Về phẩm chất: ý

- Ý thức học tập nghiêm túc, say mê yêu thích tìm tòi những thông tin khoa học về địa hình bề mặt Trái Đất.
- Ý thức bảo vệ nguồn tài nguyên khoáng sản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên (GV)

- Giáo án, SGK, SGV, TĐĐ Địa lí 6.
- Lược đồ địa hình Việt Nam.
- Phần thưởng.
- Bảng phụ ghi câu hỏi thảo luận nhóm và bảng nhóm cho HS trả lời.

2. Học sinh (HS): SGK, vở ghi, TĐĐ Địa lí 6.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động (10 phút)

a. Mục tiêu: Tạo tình huống giữa cái đã biết và chưa biết nhằm tạo hứng thú học tập cho HS.

b. Nội dung: GV đặt các câu hỏi kích thích sự tư duy cho HS trả lời.

c. Sản phẩm: HS trả lời được các câu hỏi GV đặt ra.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ: GV treo lược đồ địa hình Việt Nam lên bảng và chia lớp làm 2 đội tham gia trò chơi ai nhanh trí hơn: *Dựa vào TĐĐ Địa lí 6 hoặc tìm trên lược đồ và hiểu biết của bản thân, mỗi đội lần lượt cử đại diện lên ghi tên 1 dãy núi ở nước ta trong thời gian 5 phút, đội nào ghi được nhiều tên nước đúng nhất sẽ là đội chiến thắng và nhận được phần thưởng của GV (ví dụ: 1 bịch kẹo)*

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS suy nghĩ, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi.
- GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3: Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

- Sau khi nhóm có sản phẩm, GV cho đại diện lần lượt HS các nhóm trình bày sản phẩm của mình: dãy Hoàng Liên Sơn, Con Voi, Bạch Mã, Trường Sơn Bắc, Trường Sơn Nam,

Hoành Sơn, Tam Điệp, Pu Đen Đinh, Pu Sam Sao, cánh cung Sông Gâm, cánh cung Bắc Sơn, cánh cung Ngân Sơn, cánh cung Đông Triều...

Bước 4. GV dẫn dắt vào nội dung bài mới: Vậy núi thường có độ cao bao nhiêu và những quá trình gì đã sinh ra núi? Bên cạnh núi thì Trái Đất còn có những dạng địa hình chính nào? Đặc điểm ra sao?. Để biết được điều này, lớp chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (60 phút)

2.1. Tìm hiểu quá trình nội sinh và ngoại sinh (15 phút)

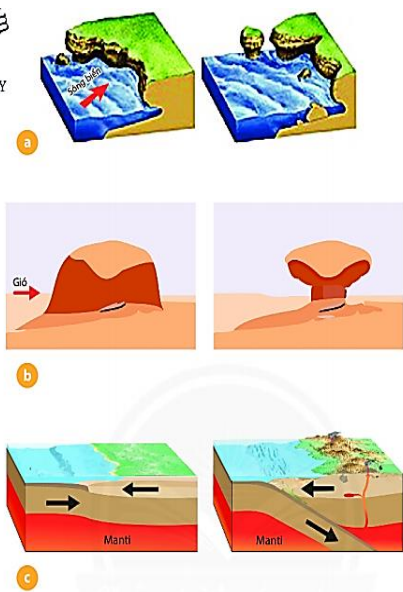
a. Mục tiêu: HS phân biệt được quá trình nội sinh và ngoại sinh và trình bày được tác động đồng thời của 2 quá trình này trong hiện tượng tạo núi.

b. Nội dung: Quan sát hình 10.1 kết hợp kênh chữ SGK tr150, 151, suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm: trả lời được các câu hỏi của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bài
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV cho HS đọc nội dung mục I SGK. - GV yêu cầu HS quan sát hình 10.1 SGK tr151, và thông tin trong bài, lần lượt trả lời các câu hỏi sau: <ul style="list-style-type: none"> + Thế nào là quá trình nội sinh, ngoại sinh? + Bề mặt địa hình thay đổi như thế nào ở mỗi hình a, b, c? Nêu nguyên nhân thay đổi. + Hình nào là kết quả của quá trình nội sinh? Ngoại sinh? + Trình bày được tác động đồng thời của 2 quá trình này trong hiện tượng tạo núi. <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * HS đọc bài. * HS dựa vào hình 10.1, đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ để trả lời câu hỏi. 	<p>I. Quá trình nội sinh và ngoại sinh</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các quá trình xảy ra trong lòng đất làm di chuyển các mảng quá trình kiến tạo, nén ép các lớp đất đá hoặc đẩy vật chất nóng chảy dưới sâu ra ngoài mặt đất là quá trình nội sinh. - Các quá trình hình thành xảy ra trên bề mặt Trái Đất bao gồm phá hủy, vận chuyển, bồi tụ được gọi là quá trình ngoại sinh. - Quá trình nội sinh làm cho bề mặt Trái Đất thêm gồ ghề. Quá trình ngoại sinh làm san bằng, hạ thấp địa hình. - Nội sinh và ngoại sinh là hai quá trình đối nghịch nhau nhưng xảy ra đồng



Hình 10.1. Một số kết quả của quá trình nội sinh và ngoại sinh.

<p>* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:</p> <p>* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu khái niệm nội sinh, ngoại sinh và trình bày tác động của chúng trong hiện tượng tạo núi theo nội dung SGK dòng 1, 2, 5, 6 tr150; dòng 1-4 tr151 (Nội dung ghi bài). - Hình a đất đá bị sóng biển bào mòn do lực tác động của sóng kèm theo vật liệu như cát, sỏi va đập vào đá. - Hình b nắm đá bị gió thổi mòn do lực tác động của gió mang theo cát va đập vào phần đá ở bên dưới bị khoét mòn nhiều hơn. - Hình c quá trình tạo núi do 2 mảng kiến tạo xô vào nhau. - Hình c là kết quả của quá trình nội sinh, hình a, b là kết quả của quá trình ngoại sinh. <p>* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.</p> <p>Bước 4. Đánh giá:</p> <p>GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.</p> <p>* GV mở rộng: Mảng Ấn Độ xô vào mảng Âu-Á tạo thành dãy núi Hymalaya cao nhất thế giới với đỉnh Everest 8848m.</p>	<p>thời và tạo nên địa hình bề mặt Trái Đất.</p>
--	--

Ngày soạn: 1.801.2022

Tuần 21

Tiết 61

**BÀI 10. QUÁ TRÌNH NỘI SINH VÀ NGOẠI SINH.
CÁC DẠNG ĐỊA HÌNH CHÍNH. KHOÁNG SẢN (tiết 2)**

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Phân biệt được các dạng địa hình chính trên Trái Đất.
- Kể tên một số loại khoáng sản.

2. Về năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự học: khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm có hiệu quả.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sử dụng công cụ, phương tiện phục vụ bài học, biết phân tích và xử lý tình huống.

b. Năng lực đặc thù:

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: giải thích được sự hình thành một số dạng địa hình.
- Năng lực tìm hiểu địa lí:
 - + Khai thác kênh hình và kênh chữ trong sách giáo khoa (SGK) từ trang (tr) 150-154.
 - + Sử dụng hình 10.2 và bảng 10.1 tr152, 153 để phân biệt một số dạng địa hình chính.
 - + Sử dụng hình 10.4 SGK tr153 để nhận biết một số loại khoáng sản.

- Năng lực vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: nhận biết và nêu được các dạng địa hình ở địa phương và thuận lợi của dạng địa hình đó trong việc phát triển kinh tế ở địa phương.

3. Về phẩm chất: ý

- Ý thức học tập nghiêm túc, say mê yêu thích tìm tòi những thông tin khoa học về địa hình bề mặt Trái Đất.

- Ý thức bảo vệ nguồn tài nguyên khoáng sản.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên (GV)

- Giáo án, SGK, SGV, TĐĐ Địa lí 6.

- Lược đồ địa hình Việt Nam.

- Phần thưởng.

- Bảng phụ ghi câu hỏi thảo luận nhóm và bảng nhóm cho HS trả lời.

2. Học sinh (HS): SGK, vở ghi, TĐĐ Địa lí 6.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động (10 phút)

a. Mục tiêu: Tạo tình huống giữa cái đã biết và chưa biết nhằm tạo hứng thú học tập cho HS.

b. Nội dung: GV đặt các câu hỏi kích thích sự tư duy cho HS trả lời.

c. Sản phẩm: HS trả lời được các câu hỏi GV đặt ra.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ: GV treo lược đồ địa hình Việt Nam lên bảng và chia lớp làm 2 đội tham gia trò chơi ai nhanh trí hơn: *Dựa vào TĐĐ Địa lí 6 hoặc tìm trên lược đồ và hiểu biết của bản thân, mỗi đội lần lượt cử đại diện lên ghi tên 1 dãy núi ở nước ta trong thời gian 5 phút, đội nào ghi được nhiều tên nước đúng nhất sẽ là đội chiến thắng và nhận được phần thưởng của GV (ví dụ: 1 bịch kẹo)*

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS suy nghĩ, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi.

- GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3: Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

- Sau khi nhóm có sản phẩm, GV cho đại diện lần lượt HS các nhóm trình bày sản phẩm của mình: dãy Hoàng Liên Sơn, Con Voi, Bạch Mã, Trường Sơn Bắc, Trường Sơn Nam, Hoàng Sơn, Tam Điệp, Pu Đen Đinh, Pu Sam Sao, cánh cung Sông Gâm, cánh cung Bắc Sơn, cánh cung Ngân Sơn, cánh cung Đông Triều...

Bước 4. GV dẫn dắt vào nội dung bài mới: Vậy núi thường có độ cao bao nhiêu và những quá trình gì đã sinh ra núi? Bên cạnh núi thì Trái Đất còn có những dạng địa hình chính

nào? Đặc điểm ra sao?. Để biết được điều này, lớp chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.

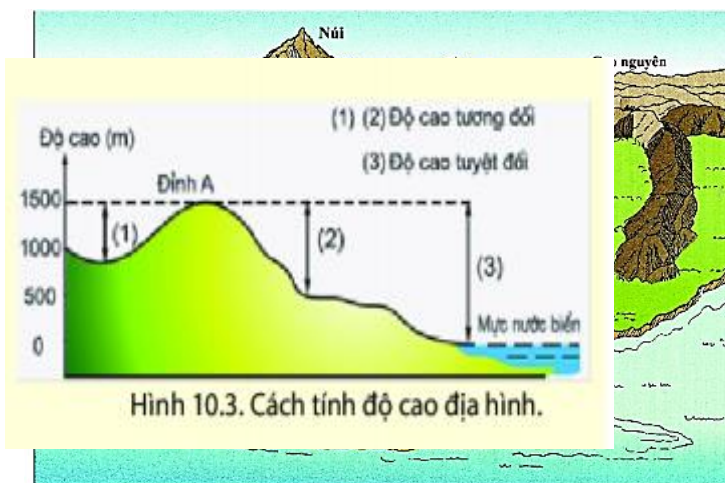
2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (60 phút)

2.2. Tìm hiểu về các dạng địa hình chính (30 phút)

a. Mục tiêu:

- Phân biệt được các dạng địa hình chính trên Trái Đất.

b. Nội dung: Quan sát lược đồ hình 10.2, 10.3, bảng 10.1. Một số dạng địa hình chính kết hợp kênh chữ SGK tr152, 153, suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.



Hình 10.2. Một số dạng địa hình chính.

c. Sản phẩm: trả lời được các câu hỏi của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bài
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * GV cho HS đọc nội dung mục II SGK. * GV chia lớp làm 8 nhóm, yêu cầu HS quan sát hình 10.2 và bảng 10.1 SGK và thông tin trong bài, thảo luận nhóm trong 5 phút để trả lời các câu hỏi sau: <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 1, 2: Xác định độ cao và đặc điểm chính của địa hình núi. Địa hình núi đem lại những thuận lợi gì? - Nhóm 3, 4: Xác định độ cao và đặc điểm chính của địa hình cao nguyên. Địa hình cao nguyên đem lại những thuận lợi gì? - Nhóm 5, 6: Xác định độ cao và đặc điểm chính của địa hình đồi. Địa hình đồi đem lại những thuận lợi gì? 	<p>II. Các dạng địa hình chính</p> <p>a. Núi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Núi là một dạng địa hình nhô cao rõ rệt trên mặt đất. - Núi gồm các bộ phận: đỉnh, sườn và chân núi. - Độ cao của núi thường trên 500m so với mực nước biển. <p>b. Cao nguyên</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cao nguyên là dạng địa hình tương đối bằng phẳng hoặc gợn sóng nhưng có sườn dốc.

<p>- Nhóm 7, 8: Xác định độ cao và đặc điểm chính của địa hình đồng bằng. Địa hình đồng bằng đem lại những thuận lợi gì?</p> <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * HS đọc bài * HS dựa vào hình 10.2 và bảng 10.1, đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi. * GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS. <p>Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Sau khi nhóm HS có sản phẩm, GV cho các nhóm HS trình bày sản phẩm của mình, đại diện các nhóm 1, 3, 5, 7 lần lượt lên thuyết trình câu trả lời trước lớp: <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu độ cao và đặc điểm chính của núi, cao nguyên, đồi, đồng bằng như nội dung bảng 10.1 SGK tr153 (Nội dung ghi bài). - HS nêu thuận lợi của các dạng địa hình: núi thích hợp trồng cây công nghiệp, phát triển thủy điện, du lịch...; cao nguyên thuận lợi : trồng cây công nghiệp, chăn nuôi gia súc; đồi thuận lợi trồng cây công nghiệp và cây màu lương thực; đồng bằng thuận lợi trồng cây lương thực, thực phẩm. * HS các nhóm 2, 4, 6, 8 lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp nhóm bạn và sản phẩm của nhóm mình. <p>Bước 4. Đánh giá:</p> <ul style="list-style-type: none"> - GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt. * GV mở rộng: <ul style="list-style-type: none"> - Độ cao tương đối tính từ chân núi đến đỉnh núi còn độ cao tuyệt đối tính từ mực nước biển đến đỉnh núi. - Địa hình cacxtơ là loại địa hình đặc biệt của vùng núi đá vôi. - Hang động là những cảnh đẹp tự nhiên, hấp dẫn khách du lịch. 	<ul style="list-style-type: none"> - Độ cao tuyệt đối của cao nguyên trên 500m. <p>c. Đồi</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đồi là dạng địa hình nhô cao, có đỉnh tròn, sườn thoải. - Độ cao tương đối không quá 200m. <p>d. Đồng bằng</p> <ul style="list-style-type: none"> - Là dạng địa hình thấp, có bề mặt tương đối bằng phẳng hoặc gợn sóng. - Độ cao tuyệt đối thường dưới 200m, có nơi gần 500m.
---	--

2.3. Tìm hiểu về khoáng sản (15 phút)

a. Mục tiêu: HS nhận biết được một số loại khoáng sản.

b. Nội dung: Quan sát hình 10.4. Một số loại khoáng sản kết hợp kênh chữ SGK, suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.



c. Sản phẩm: trả lời được GV.

d. Tổ chức thực hiện:

các câu hỏi của

Hình 10.4. Một số loại khoáng sản.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bài
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * GV cho HS đọc nội dung mục III SGK. * GV yêu cầu HS quan sát hình 10.4 SGK và thông tin trong bài, lần lượt trả lời các câu hỏi sau: <ul style="list-style-type: none"> - Khoáng sản là gì? Khoáng sản được phân loại như thế nào? Kể tên các khoáng sản của mỗi loại. - Em hãy cho biết hình a, b, c, d là khoáng sản nào? - Mỏ khoáng sản là gì? Cần làm gì để bảo vệ tài nguyên khoáng sản? <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * HS dựa vào hình 10.4, đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ để trả lời câu hỏi. * GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS. <p>Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình: <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu khái niệm khoáng sản, mỏ khoáng sản, phân loại khoáng sản và biện pháp bảo vệ theo nội dung SGK đoạn 1, 2 tr154 (Nội dung ghi bài). - HS nhận biết hình a là đá vôi, hình b là than, hình c là vàng, hình d là kim cương. * HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân. 	<p>III. Khoáng sản</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khoáng sản là các khoáng vật và đá có ích được con người khai thác và sử dụng. - Dựa theo tính chất và công dụng, các khoáng sản được chia thành 3 nhóm: <ul style="list-style-type: none"> + Khoáng sản năng lượng: (nhiên liệu) than, dầu mỏ, khí đốt... + Khoáng sản kim loại: sắt, man gan, đồng, chì, kẽm... + Khoáng sản phi kim loại: muối mỏ, a-pa-tít, đá vôi... - Những nơi tập trung khoáng sản gọi là mỏ khoáng sản. - Các khoáng sản là những tài nguyên có hạn nên việc khai thác và sử dụng phải hợp lí và tiết kiệm.

<p>Bước 4. Đánh giá:</p> <p>GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.</p> <p>* GV mở rộng: Việt Nam là nước giàu tài nguyên khoáng sản hiện có khoảng 5000 điểm quặng với gần 60 loại khoáng sản khác nhau như than, dầu mỏ, khí đốt, đồng, sắt...</p>	
---	--

3. Hoạt động luyện tập (10 phút)

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn.

c. Sản phẩm: trả lời được câu hỏi mà GV giao.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi cho HS:

Câu 1. *Phân biệt quá trình nội sinh và ngoại sinh.*

Câu 2. *Cho biết độ cao của các dạng địa hình chính.*

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

* HS dựa vào kiến thức đã học, suy nghĩ, trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi.

* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

Câu 1:

- Các quá trình xảy ra trong lòng đất làm di chuyển các mảng quá trình kiến tạo, nén ép các lớp đất đá hoặc đẩy vật chất nóng chảy dưới sâu ra ngoài mặt đất là quá trình nội sinh.

- Các quá trình hình thành xảy ra trên bề mặt Trái Đất bao gồm phá hủy, vận chuyển, bồi tụ được gọi là quá trình ngoại sinh.

Câu 2:

- Độ cao của núi thường trên 500m so với mực nước biển.

- Độ cao tuyệt đối của cao nguyên trên 500m.

- Độ cao tương đối của đồi không quá 200m.

- Độ cao tuyệt đối của đồng bằng thường dưới 200m, có nơi gần 500m.

* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

Bước 4. Đánh giá:

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

4. Hoạt động vận dụng (10 phút)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn.

c. Sản phẩm: trả lời được câu hỏi mà GV giao.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi cho HS: *Nơi em đang sống thuộc dạng địa hình nào? Dạng địa hình này phù hợp với hoạt động kinh tế nào?*

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

* HS dựa vào kiến thức đã học, suy nghĩ, trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi.

* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình: ví dụ: TPHCM thuộc dạng địa hình đồng bằng, phù hợp với việc trồng các loại cây lương thực, thực phẩm, xây dựng khu công nghiệp, các tuyến đường giao thông, các khu đô thị lớn...

* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

Bước 4. Đánh giá:

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

Ngày soạn: 19.01.2022

Tuần 21

Tiết 62

BÀI 11. THỰC HÀNH ĐỌC LƯỢC ĐỒ ĐỊA HÌNH TỈ LỆ LỚN VÀ LÁT CẮT ĐỊA HÌNH ĐƠN GIẢN

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Đọc được lược đồ địa hình tỉ lệ lớn.
- Đọc được lát cắt địa hình đơn giản.

2. Về năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự học: khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm có hiệu quả.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sử dụng công cụ, phương tiện phục vụ bài học, biết phân tích và xử lí tình huống.

b. Năng lực đặc thù:

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: biết cách đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn và cách đọc lát cắt địa hình.
- Năng lực tìm hiểu địa lí:
 - + Quan sát hình 11.2 SGK để đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn.
 - + Quan sát hình 11.3 SGK để đọc lát cắt địa hình.
 - + Sử dụng kênh chữ mục Em có biết để biết cách đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn và cách đọc lát cắt địa hình.

- Năng lực vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: tính khoảng cách từ TPHCM đến Đà Lạt dựa vào lát cắt địa hình.

3. Về phẩm chất: ý thức học tập nghiêm túc, say mê yêu thích tìm tòi những thông tin khoa học về lược đồ địa hình tỉ lệ lớn và lát cắt địa hình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên (GV)

- Giáo án, SGK, SGV, hình 11.2, 11.3 SGK phóng to.
- Bảng phụ ghi câu hỏi thảo luận nhóm và bảng nhóm cho HS trả lời.

2. Học sinh (HS): SGK, vở ghi, máy tính bỏ túi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động (5 phút)

a. Mục tiêu: Tạo tình huống giữa cái đã biết và chưa biết nhằm tạo hứng thú học tập cho HS.

b. Nội dung: GV đặt các câu hỏi kích thích sự tư duy cho HS trả lời.

c. Sản phẩm: HS trả lời được các câu hỏi GV đặt ra.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ: *Em hãy nhắc lại cách tính khoảng cách trên thực địa (theo đường chim bay) dựa vào tỉ lệ bản đồ?*

*** Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:**

- HS dựa vào kiến thức đã học, suy nghĩ để trả lời câu hỏi.
- GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

*** Bước 3: Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**

- Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình: Để tính khoảng cách trên thực địa (theo đường chim bay) dựa vào tỉ lệ bản đồ, chúng ta cần thao tác như sau:

+ Đo khoảng cách giữa hai điểm trên tờ bản đồ bằng thước kẻ.

+ Đọc độ dài đoạn vừa đo trên thước kẻ.

+ Dựa vào tỉ lệ bản đồ để tính khoảng cách trên thực địa.

- HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

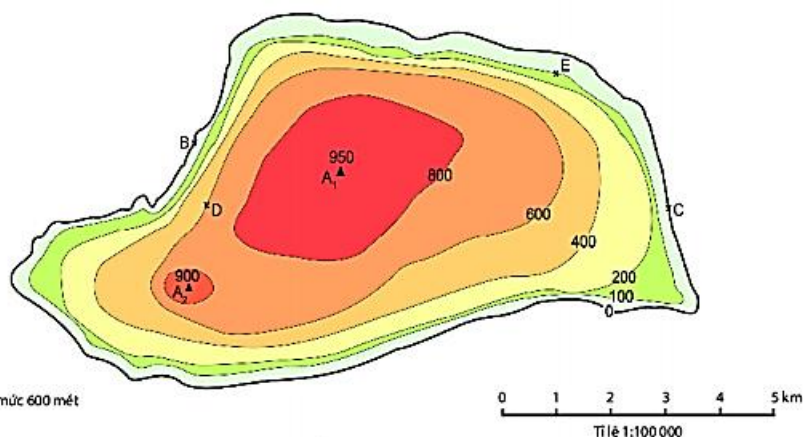
***Bước 4. GV dẫn dắt vào nội dung bài mới:** Vậy ta cần áp dụng cách tính khoảng cách trên thực địa (theo đường chim bay) dựa vào tỉ lệ bản đồ trên lát cắt địa hình như thế nào? Để biết được điều này, lớp chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (30 phút)

2.1. Tìm hiểu về lược đồ địa hình tỉ lệ lớn (20 phút)

a. Mục tiêu: HS biết đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn.

b. Nội dung: Quan sát hình 11.2 kết hợp kênh chữ SGK tr155, suy nghĩ cá nhân và thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi của GV.



Hình 11.2. Lược đồ địa hình tỉ lệ lớn.

c. **Sản phẩm:** trả lời được các câu hỏi của GV.

d. **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bài
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * GV treo lược đồ hình 11.2 lên bảng. * GV cho HS đọc nội dung mục I. * GV đặt câu hỏi cho HS: <ul style="list-style-type: none"> - <i>Nêu khái niệm lược đồ địa hình tỉ lệ lớn. Đường đồng mức là gì?</i> - <i>Nêu cách đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn.</i> * GV chia lớp làm 8 nhóm, yêu cầu HS quan sát các hình 11.2 SGK và thông tin trong bài, thảo luận nhóm trong 5 phút để trả lời các câu hỏi sau: <ul style="list-style-type: none"> - <i>Nhóm 1, 3, 5, 7: xác định độ chênh lệch giữa 2 đường đồng mức, xác định độ cao của các điểm B, C, D, E trên lược đồ.</i> - <i>Nhóm 2, 4, 6, 8: So sánh độ cao đỉnh núi A1 và A2. Cho biết sườn núi A1 đến B hay A1 đến C dốc hơn? Vì sao?</i> <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * HS đọc bài. * HS dựa vào các hình ảnh 11.2, đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi. * GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS. <p>Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:</p>	<p>I. Đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lược đồ địa hình tỉ lệ lớn là lược đồ thể hiện đặc điểm địa hình (độ cao, độ dốc...) của 1 khu vực có diện tích nhỏ bằng đường đồng mức. - Đường đồng mức: là đường nối những điểm có cùng độ cao so với mực biển. - Cách đọc: <ul style="list-style-type: none"> + Xác định độ chênh lệch giữa 2 đường đồng mức. + Tính độ cao của các điểm. + Căn cứ độ gần hay xa giữa các đường đồng mức để biết độ dốc địa hình. + Tính khoảng cách thực tế giữa các điểm dựa vào tỉ lệ lược đồ.

<p>* HS nêu khái niệm và cách đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn, khái niệm đường đồng mức theo nội dung SGK tr155 (Nội dung ghi bài)</p> <p>* Sau khi nhóm HS có sản phẩm, GV cho các nhóm HS trình bày sản phẩm của mình, đại diện 2 nhóm (ví dụ nhóm 3, 7) lên thuyết trình câu trả lời trước lớp:</p> <ul style="list-style-type: none">- Nhóm 3: Độ cao chênh lệch giữa 2 đường đồng mức là 100m. Độ cao của các điểm: B: 0m, C: 0m, D: 600m, E: 100m.- Nhóm 7: So sánh: độ cao đỉnh núi A1 (950m) lớn hơn A2 (900m). sườn núi A1 đến B dốc hơn do các đường đồng mức gần nhau hơn. <p>* HS các nhóm khác có cùng câu hỏi lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp nhóm bạn và sản phẩm của nhóm mình.</p> <p>Bước 4. Đánh giá:</p> <p>GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.</p>	
--	--

Ngày soạn: 19.01.2022

Tuần 22

Tiết 64

BÀI 11. THỰC HÀNH ĐỌC LƯỢC ĐỒ ĐỊA HÌNH TỈ LỆ LỚN VÀ LÁT CẮT ĐỊA HÌNH ĐƠN GIẢN

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Đọc được lược đồ địa hình tỉ lệ lớn.
- Đọc được lát cắt địa hình đơn giản.

2. Về năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự học: khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm có hiệu quả.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sử dụng công cụ, phương tiện phục vụ bài học, biết phân tích và xử lí tình huống.

b. Năng lực đặc thù:

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: biết cách đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn và cách đọc lát cắt địa hình.
- Năng lực tìm hiểu địa lí:
- + Quan sát hình 11.2 SGK để đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn.
- + Quan sát hình 11.3 SGK để đọc lát cắt địa hình.

+ Sử dụng kênh chữ mục Em có biết để biết cách đọc lược đồ địa hình tỉ lệ lớn và cách đọc lát cắt địa hình.

- Năng lực vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: tính khoảng cách từ TPHCM đến Đà Lạt dựa vào lát cắt địa hình.

3. Về phẩm chất: ý thức học tập nghiêm túc, say mê yêu thích tìm tòi những thông tin khoa học về lược đồ địa hình tỉ lệ lớn và lát cắt địa hình.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên (GV)

- Giáo án, SGK, SGV, hình 11.2, 11.3 SGK phóng to.

- Bảng phụ ghi câu hỏi thảo luận nhóm và bảng nhóm cho HS trả lời.

2. Học sinh (HS): SGK, vở ghi, máy tính bỏ túi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động (5 phút)

a. Mục tiêu: Tạo tình huống giữa cái đã biết và chưa biết nhằm tạo hứng thú học tập cho HS.

b. Nội dung: GV đặt các câu hỏi kích thích sự tư duy cho HS trả lời.

c. Sản phẩm: HS trả lời được các câu hỏi GV đặt ra.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ: *Em hãy nhắc lại cách tính khoảng cách trên thực địa (theo đường chim bay) dựa vào tỉ lệ bản đồ?*

*** Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:**

- HS dựa vào kiến thức đã học, suy nghĩ để trả lời câu hỏi.

- GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

*** Bước 3: Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:**

- Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình: Để tính khoảng cách trên thực địa (theo đường chim bay) dựa vào tỉ lệ bản đồ, chúng ta cần thao tác như sau:

+ Đo khoảng cách giữa hai điểm trên tờ bản đồ bằng thước kẻ.

+ Đọc độ dài đoạn vừa đo trên thước kẻ.

+ Dựa vào tỉ lệ bản đồ để tính khoảng cách trên thực địa.

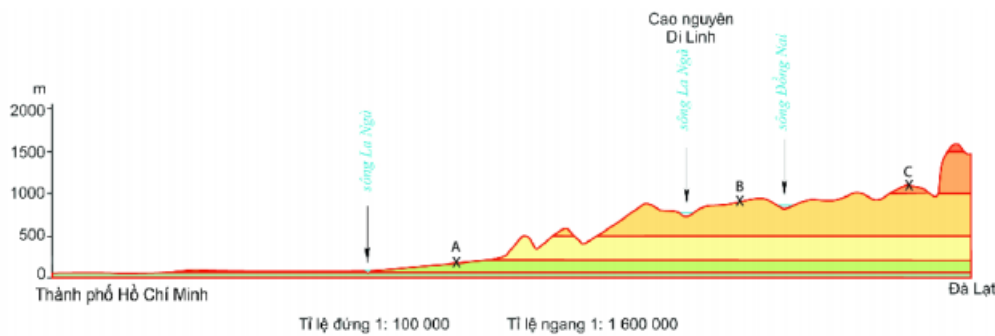
- HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

*** Bước 4. GV dẫn dắt vào nội dung bài mới:** Vậy ta cần áp dụng cách tính khoảng cách trên thực địa (theo đường chim bay) dựa vào tỉ lệ bản đồ trên lát cắt địa hình như thế nào? Để biết được điều này, lớp chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.

2.2. Tìm hiểu về Lát cắt địa hình

a. Mục tiêu: HS biết cách đọc lát cắt địa hình.

b. Nội dung: Sử dụng hình 11.3. Lát cắt địa hình từ TPHCM đến Đà Lạt, kênh chữ SGK và mục Em có biết tr156, suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.



Hình 11.3. Lát cắt địa hình từ Thành phố Hồ Chí Minh đến Đà Lạt.

c. Sản phẩm: trả lời được các câu hỏi của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bài
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * GV yêu HS đọc mục II SGK. * GV yêu cầu HS dựa vào hình 11.3 và thông tin trong bài, lần lượt trả lời các câu hỏi sau: <ul style="list-style-type: none"> - Lát cắt địa hình là gì? Nêu cách đọc lát cắt địa hình. - Cho biết lát cắt địa hình từ TPHCM đến Đà Lạt lần lượt đi qua những dạng địa hình nào? - Trong các điểm A, B, C, điểm nào có độ cao thấp nhất, cao nhất? <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * HS đọc bài. * HS quan sát hình 11.3 và kênh chữ trong SGK để trả lời câu hỏi. * GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS. <p>Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình. <ul style="list-style-type: none"> - HS dựa vào kênh chữ SGK và mục Em có biết nêu khái niệm và cách đọc lát cắt địa hình SGK tr156 (Nội dung ghi bài) 	<p>II. Lát cắt địa hình</p> <ul style="list-style-type: none"> - Lát cắt địa hình là cách thức để thể hiện đặc điểm của bề mặt địa hình thực tế lên mặt phẳng dựa vào các đường đồng mức và thang màu sắc. - Cách đọc: <ul style="list-style-type: none"> + Xác định điểm bắt đầu và kết thúc. + Xác định hướng của lát cắt, đi qua những điểm độ cao, dạng địa hình nào... + Mô tả sự biến đổi địa hình từ điểm đầu đến điểm cuối. + Tính khoảng cách giữa các điểm dựa vào tỉ lệ lát cắt.

<p>- Lát cắt địa hình từ TPHCM đến Đà Lạt lần lượt đi qua những dạng địa hình: đồng bằng, đồi, cao nguyên, núi.</p> <p>- Trong 3 điểm thì điểm A có độ cao thấp nhất, điểm C có độ cao cao nhất.</p> <p>* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.</p> <p>Bước 4. Đánh giá:</p> <p>GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.</p>	
---	--

3. Hoạt động luyện tập (5 phút)

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn.

c. Sản phẩm: trả lời được câu hỏi mà GV giao.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS dựa vào hình 11.2 SGK tr156 và kiến thức đã học, hãy trả lời các câu hỏi sau: *Cho biết sườn núi A1 đến B hay A1 đến E thoải hơn? Vì sao?*

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

* HS dựa vào kiến thức đã học, suy nghĩ, trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi.

* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình: Sườn núi A1 đến E thoải hơn do các đường đồng mức xa nhau hơn.

4. Hoạt động vận dụng (5 phút)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

b. Nội dung: GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm ở lớp và hoàn thành bài tập ở nhà.

c. Sản phẩm: bài tập nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi cho HS: *Quan sát hình 11.3 hãy tính khoảng cách từ TPHCM đến Đà Lạt.*

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

* HS dựa vào kiến thức đã học, suy nghĩ, trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi.

* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

- Tỷ lệ ngang của bản đồ: 1:1600000

- Khoảng cách đo được từ TPHCM đến Đà Lạt trên hình 11.3 là 12,7cm.

- Khoảng cách thực địa từ TPHCM đến Đà Lạt = $12,7 \times 1600000 = 20320000\text{cm} = 203,2\text{km}$.

* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

Bước 4. Đánh giá:

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

Ngày soạn: 25.01.2022

Tuần 22

Tiết 65:

CHƯƠNG 4. KHÍ HẬU VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

BÀI 12. LỚP VỎ KHÍ. KHỐI KHÍ. KHÍ ÁP VÀ GIÓ TRÊN TRÁI ĐẤT.

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Mô tả được các tầng khí quyển, đặc điểm chính của tầng đối lưu và bình lưu.
- Hiểu được vai trò của khí oxi, khí cacbonic và hơi nước.
- Kể tên và nêu được đặc điểm về nhiệt độ và độ ẩm của một số khối khí.
- Biết sử dụng khí áp kế.
- Trình bày được sự phân bố các đai khí áp và các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất.

2. Về năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự học: khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm có hiệu quả.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sử dụng công cụ, phương tiện phục vụ bài học, biết phân tích và xử lý tình huống.

b. Năng lực đặc thù:

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: biết được vai trò của khí oxi, khí cacbonic và hơi nước.; giải thích được sự hình thành khí áp và gió.
- Năng lực tìm hiểu địa lí:
 - + Khai thác kênh hình và kênh chữ trong SGK từ tr 158-161.
 - + Sử dụng sơ đồ hình 12.1 SGK tr158 để xác định độ cao của các tầng khí quyển.
 - + Sử dụng biểu đồ hình 12.2 SGK tr159 để nêu tỉ lệ của các thành phần không khí.
 - + Sử dụng lược đồ hình 12.5 SGK tr160 để nêu tên các đai khí áp và gió.
- Năng lực vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: xác định được tên và hướng thổi của loại gió thường xuyên thổi vào nước ta, nêu được các biện pháp bảo vệ bầu không khí.

3. Về phẩm chất: ý

- Ý thức học tập nghiêm túc, say mê yêu thích tìm tòi những thông tin khoa học về khí hậu trên Trái Đất.

- Ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ bầu khí quyển.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên (GV)

- Giáo án, SGK, sách giáo viên (SGV).
- Sơ đồ các tầng khí quyển, lược đồ các đai khí áp và gió trên Trái Đất.
- Bảng phụ ghi câu hỏi thảo luận nhóm và bảng nhóm cho HS trả lời.

2. Học sinh (HS): SGK, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động (10 phút)

a. Mục tiêu: Tạo tình huống giữa cái đã biết và chưa biết về một số dạng địa hình chính nhằm tạo hứng thú học tập cho HS.

b. Nội dung: GV đặt các câu hỏi kích thích sự tư duy cho HS trả lời.

c. Sản phẩm: HS trả lời được các câu hỏi GV đặt ra.

d. Tổ chức thực hiện:

*** Bước 1. Giao nhiệm vụ:** GV chia lớp làm 2 đội tham gia trò chơi ai nhanh trí hơn: *Dựa vào hiểu biết của bản thân, mỗi đội lần lượt cử đại diện lên ghi tên các hiện tượng thời tiết trên Trái Đất mà em biết trong thời gian 5 phút, đội nào ghi được nhiều tên nước đúng nhất sẽ là đội chiến thắng.*

*** Bước 2.** HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS suy nghĩ, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi.

- GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

*** Bước 3:** Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

- Sau khi nhóm có sản phẩm, GV cho đại diện lần lượt HS các nhóm trình bày sản phẩm của mình: các hiện tượng thời tiết: mây, mưa, gió, bão, nắng, tuyết rơi, sương, chớp, vòi rồng, tia sét,...

***Bước 4.** GV dẫn dắt vào nội dung bài mới: Khí quyển là lớp vỏ khí bao quanh Trái Đất, vậy khí quyển gồm có mấy tầng và tầng nào thường xảy ra các hiện tượng thời tiết trên. Để biết được điều này, lớp chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.

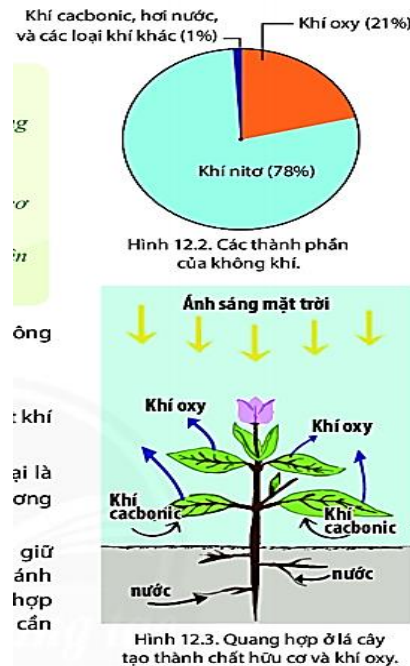
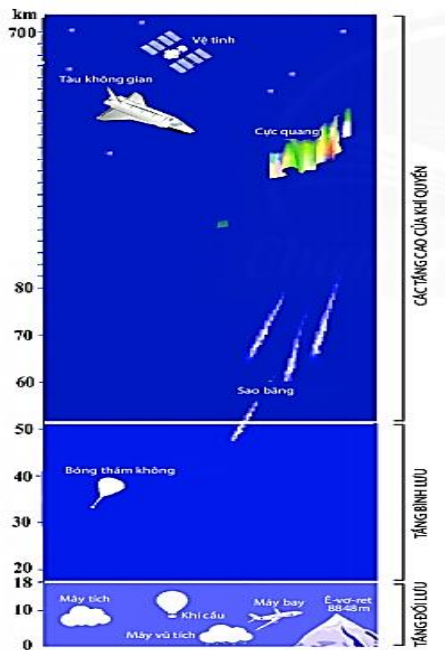
2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (60 phút)

2.1. Tìm hiểu các tầng khí quyển và thành phần không khí (20 phút)

a. Mục tiêu:

- Mô tả được các tầng khí quyển, đặc điểm chính của tầng đối lưu và bình lưu.
- Hiểu được vai trò của khí oxy, khí cacbonic và hơi nước.

b. Nội dung: Sử dụng sơ đồ hình 12.1. Các tầng khí quyển, biểu đồ hình 12.2. Các thành phần của không khí, quan sát hình 12.3. Quang hợp kết hợp kênh chữ SGK tr158, 159, suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.



c. Sản phẩm: trả lời được các câu hỏi của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bài
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * GV cho HS đọc nội dung mục I SGK. * GV treo sơ đồ các tầng khí quyển. 	<p>I. Các tầng khí quyển và thành phần không khí</p> <p>1. Các tầng khí quyển</p>

<p>* GV yêu cầu HS quan sát sơ đồ, hình 12.2, 12.3 SGK và thông tin trong bài, lần lượt trả lời các câu hỏi sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xác định các tầng của khí quyển. - Nêu đặc điểm tầng đối lưu và bình lưu. - Nêu tỉ lệ các thành phần không khí. - Nêu vai trò của khí oxi, hơi nước và khí cacbonic. <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * HS đọc bài. * HS dựa vào sơ đồ, hình 12.2, 12.3, đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ để trả lời câu hỏi. * GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS. <p>Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình: - HS xác định các tầng trên lược đồ: tầng đối lưu, tầng bình lưu và các tầng cao của khí quyển. - HS nêu đặc điểm tầng đối lưu và bình lưu theo nội dung SGK tr158 (Nội dung ghi bài) - HS đọc tỉ lệ % các thành phần không khí như biểu đồ hình 12.2 tr159 (Nội dung ghi bài) - HS nêu vai trò của khí oxi, hơi nước, khí cacbonic theo nội dung SGK tr159 (Nội dung ghi bài) * HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân. <p>Bước 4. Đánh giá:</p> <p>GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.</p> <ul style="list-style-type: none"> * GV mở rộng: Trung bình ở tầng đối lưu, cứ lên cao 100 m thì nhiệt độ lại giảm đi $0,6^{\circ}\text{C}$. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tầng đối lưu là tầng nằm gần mặt đất, luôn có sự chuyển động của không khí theo chiều thẳng đứng và là nơi sinh ra các hiện tượng: mây, mưa, sấm, chớp... Nhiệt độ trong tầng đối lưu giảm dần khi lên cao. - Tầng bình lưu: nằm trên tầng đối lưu, không khí rất loãng và chủ yếu chuyển động theo chiều ngang. Do có lớp ô dôn hấp thụ tia tử ngoại nên nhiệt độ của tầng này tăng theo độ cao. <p>2. Thành phần không khí</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trong không khí có các thành phần chủ yếu sau: khí Nitơ (chiếm 78%), khí Ôxi (chiếm 21%), còn lại là hơi nước và các khí khác (chiếm 1%). - Khí oxi là chất cần thiết cho sự cháy và hô hấp của động vật. - Lượng hơi nước tuy chiếm tỉ lệ rất nhỏ nhưng lại là nguồn gốc sinh ra các hiện tượng khí tượng như mây, mưa... - Khí cacbonic kết hợp với nước, ánh sáng và năng lượng Mặt Trời để cây xanh quang hợp tạo nên chất hữu cơ và khí oxi.
---	---

2.2. Tìm hiểu về khối khí (10 phút)

a. Mục tiêu:

Kể tên và nêu được đặc điểm về nhiệt độ và độ ẩm của một số khối khí.

b. Nội dung: Sử dụng kênh chữ SGK tr159, suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm: trả lời được các câu hỏi của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bài
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * GV cho HS đọc nội dung mục II SGK. * GV yêu cầu HS dựa vào thông tin trong bài, lần lượt trả lời các câu hỏi sau: <ul style="list-style-type: none"> - <i>Khối khí được chia làm mấy loại.</i> - <i>Nêu đặc điểm nhiệt độ và độ ẩm của mỗi loại.</i> <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * HS đọc bài. * HS đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ để trả lời câu hỏi. * GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS. <p>Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình: <ul style="list-style-type: none"> - Có 4 khối khí: nóng, lạnh, đại dương và lục địa. - HS nêu đặc điểm nhiệt độ và độ ẩm của mỗi loại theo nội dung SGK tr159 (Nội dung ghi bài) * HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân. <p>Bước 4. Đánh giá:</p> <p>GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.</p>	<p>II. Khối khí</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khối khí nóng hình thành trên các vĩ độ thấp, có nhiệt độ tương đối cao. - Khối khí lạnh hình thành trên các vĩ độ cao, có nhiệt độ tương đối thấp. - Khối khí đại dương hình thành trên các biển và đại dương, có độ ẩm lớn. - Khối khí lục địa hình thành trên các vùng đất liền, có tính chất tương đối khô.

Ngày soạn: 30.01.2022

Tuần 23

Tiết 67:

CHƯƠNG 4. KHÍ HẬU VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

BÀI 12. LỚP VỎ KHÍ. KHỐI KHÍ.

KHÍ ÁP VÀ GIÓ TRÊN TRÁI ĐẤT. (Tiết 2)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Mô tả được các tầng khí quyển, đặc điểm chính của tầng đối lưu và bình lưu.
- Hiểu được vai trò của khí oxi, khí cacbonic và hơi nước.
- Kể tên và nêu được đặc điểm về nhiệt độ và độ ẩm của một số khối khí.
- Biết sử dụng khí áp kế.
- Trình bày được sự phân bố các đai khí áp và các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất.

2. Về năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự học: khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm có hiệu quả.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sử dụng công cụ, phương tiện phục vụ bài học, biết phân tích và xử lý tình huống.

b. Năng lực đặc thù:

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: biết được vai trò của khí oxi, khí cacbonic và hơi nước.; giải thích được sự hình thành khí áp và gió.

- Năng lực tìm hiểu địa lí:

+ Khai thác kênh hình và kênh chữ trong SGK từ tr 158-161.

+ Sử dụng lược đồ hình 12.5 SGK tr160 để nêu tên các đai khí áp và gió.

- Năng lực vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: xác định được tên và hướng thổi của loại gió thường xuyên thổi vào nước ta, nêu được các biện pháp bảo vệ bầu không khí.

3. Về phẩm chất: ý

- Ý thức học tập nghiêm túc, say mê yêu thích tìm tòi những thông tin khoa học về khí hậu trên Trái Đất.

- Ý thức bảo vệ môi trường, bảo vệ bầu khí quyển.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên (GV)

- Giáo án, SGK, sách giáo viên (SGV).

- Sơ đồ các tầng khí quyển, lược đồ các đai khí áp và gió trên Trái Đất.

- Bảng phụ ghi câu hỏi thảo luận nhóm và bảng nhóm cho HS trả lời.

2. Học sinh (HS): SGK, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động (10 phút)

a. Mục tiêu: Tạo tình huống giữa cái đã biết và chưa biết về một số dạng địa hình chính nhằm tạo hứng thú học tập cho HS.

b. Nội dung: GV đặt các câu hỏi kích thích sự tư duy cho HS trả lời.

c. Sản phẩm: HS trả lời được các câu hỏi GV đặt ra.

d. Tổ chức thực hiện:

* **Bước 1. Giao nhiệm vụ:** GV chia lớp làm 2 đội tham gia trò chơi ai nhanh trí hơn: *Dựa vào hiểu biết của bản thân, mỗi đội lần lượt cử đại diện lên ghi tên các hiện tượng thời tiết trên Trái Đất mà em biết trong thời gian 5 phút, đội nào ghi được nhiều tên nước đúng nhất sẽ là đội chiến thắng.*

* **Bước 2.** HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS suy nghĩ, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi.

- GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

* **Bước 3:** Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

- Sau khi nhóm có sản phẩm, GV cho đại diện lần lượt HS các nhóm trình bày sản phẩm của mình: các hiện tượng thời tiết: mây, mưa, gió, bão, nắng, tuyết rơi, sấm, chớp, vòi rồng, tia sét,...

* **Bước 4.** GV dẫn dắt vào nội dung bài mới: Khí quyển là lớp vỏ khí bao quanh Trái Đất, vậy khí quyển gồm có mấy tầng và tầng nào thường xảy ra các hiện tượng thời tiết trên. Để biết được điều này, lớp chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (60 phút)

2.3. Tìm hiểu khí áp và gió trên Trái Đất (30 phút)

a. Mục tiêu:

- Biết sử dụng khí áp kế.
- Trình bày được sự phân bố các đai khí áp và các loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất.

b. Nội dung: Quan sát lược đồ hình 12.4. Một số loại khí áp kế, sơ đồ hình 12.5. Các đai khí áp và các loại gió trên Trái Đất kết hợp kênh chữ SGK tr160, 161, suy nghĩ cá nhân và thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi của GV.

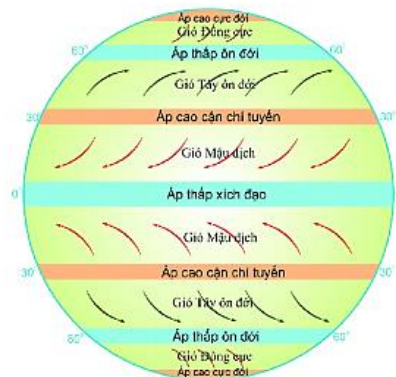


a) Khí áp kế kim loại.



b) Khí áp kế điện tử.

Hình 12.4. Một số loại khí áp kế.



Hình 12.5. Các đai khí áp và các loại gió chính trên Trái Đất.

c. Sản

phẩm: trả lời được các câu hỏi của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bài
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * GV cho HS đọc nội dung mục III SGK. * GV yêu cầu HS nêu khái niệm khí áp, gió. * GV treo lược đồ Các đai khí áp và các loại gió trên Trái Đất lên bảng, chia lớp làm 8 nhóm, yêu cầu HS quan sát lược đồ, hình 12.4 và thông tin trong bài, thảo luận nhóm trong 5 phút để trả lời các câu hỏi sau: <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 1, 2: Nêu tên dụng cụ và đơn vị đo khí áp. Đọc trị số khí áp hiển thị trên khí áp kim loại? Trị số ấy là khí áp thấp hay khí áp cao? - Nhóm 3, 4: Trên Trái Đất có các đai khí áp nào? Phân bố ra sao? - Nhóm 5, 6: Kể tên các loại gió chính trên Trái Đất. Xác định phạm vi hoạt động và hướng thổi của gió Tây ôn đới. 	<p>II. Khí áp và gió trên Trái Đất</p> <p>1. Khí áp</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không khí tuy nhẹ nhưng vẫn có trọng lượng, tạo ra một sức ép lớn lên bề mặt Trái Đất. - Dụng cụ đo khí áp là khí áp kế. - Đơn vị đo khí áp là mmHg hoặc mb. - Trên Trái Đất, các đai khí áp thấp và khí áp cao phân bố xem kẽ nhau từ xích đạo về cực. <p>2. Gió</p>

<p>- Nhóm 7, 8: <i>Xác định phạm vi hoạt động và hướng thổi của gió Mậu dịch. Vì sao hướng thổi của các loại gió lại bị lệch so với hướng ban đầu?</i></p> <p>* GV lưu ý cách xác định hướng gió: là từ hướng nào thổi đến.</p> <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>* HS đọc bài.</p> <p>* HS dựa vào hình quan sát lược đồ, hình 12.4, đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi.</p> <p>* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:</p> <p>* HS nêu đọc đoạn 1 SGK tr160 để nêu khái niệm khí áp, dòng 1, 2 SGK tr162 để nêu khái niệm gió (Nội dung ghi bài).</p> <p>* Sau khi nhóm HS có sản phẩm, GV cho các nhóm HS trình bày sản phẩm của mình, đại diện các nhóm 1, 3, 5, 7 lần lượt lên thuyết trình câu trả lời trước lớp:</p> <p>- Nhóm 1: HS đọc kênh chữ SGK dòng 4, 5 SGK tr160 (Nội dung ghi bài) để nêu dụng cụ và đơn vị đo khí áp. Trị số khí áp là 1004mb, là khí áp thấp do nhỏ hơn trị số trung bình (1013,1mb).</p> <p>- Nhóm 3: HS dựa vào hình 12.5 đọc tên các đai áp thấp: xích đạo, ôn đới; áp cao: cực, chí tuyến và nhận xét sự phân bố của chúng xen kẽ nhau.</p> <p>- Nhóm 5: Gió Mậu dịch, gió Tây ôn đới, gió Đông cực là 3 loại gió chính trên Trái Đất. Gió Tây ôn đới thổi từ 30⁰ B và N đến 60⁰ B và N ở mỗi bán cầu; Tây nam ở Bắc bán cầu, Tây bắc ở Nam bán cầu.</p> <p>- Nhóm 7: Gió Mậu dịch: thổi từ 30⁰ B và N về xích đạo. Hướng đông bắc ở Bắc bán cầu, đông nam ở Nam bán cầu. Hướng thổi của các loại gió lại bị lệch so với hướng ban đầu do tác động của lực Coriolis.</p> <p>* HS các nhóm 2, 4, 6, 8 lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp nhóm bạn và sản phẩm của nhóm mình.</p> <p>Bước 4. Đánh giá:</p>	<p>- Gió là sự chuyển động của không khí từ các khu khí áp cao về các khu khí áp thấp.</p> <p>- Gió Mậu dịch, gió Tây ôn đới, gió Đông cực là 3 loại gió thổi thường xuyên trên Trái Đất. Do ảnh hưởng của lực coriolis, hướng của 3 loại gió này hơi lệch về phía bên phải ở bán cầu Bắc và bên trái ở bán cầu Nam.</p>
--	--

Bước 4. Đánh giá:

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

4. Hoạt động vận dụng

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn.

c. Sản phẩm: trả lời được câu hỏi mà GV giao.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi cho HS:

Câu 1. Xác định được tên và hướng thổi của loại gió thường xuyên thổi vào nước ta.

Câu 2. Nêu các biện pháp bảo vệ bầu không khí.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

* HS dựa vào kiến thức đã học, suy nghĩ, trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi.

* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

Câu 1: gió Mậu dịch thổi vào nước ta theo hướng đông bắc.

Câu 2: một số biện pháp như: trồng nhiều cây xanh, bảo vệ rừng, bỏ rác đúng nơi quy định, không xả rác bừa bãi, không đốt rừng, phá rừng...

* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

Bước 4. Đánh giá:

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

Ngày soạn: 05.02.2022

Tuần 23

Tiết 68:

BÀI 13. THỜI TIẾT VÀ KHÍ HẬU. CÁC ĐỐI KHÍ HẬU TRÊN TRÁI ĐẤT

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Trình bày được sự thay đổi nhiệt độ bề mặt Trái Đất theo vĩ độ.
- Mô tả được hiện tượng hình thành mây, mưa.
- Phân biệt thời tiết và khí hậu.
- Biết sử dụng nhiệt kế và ẩm kế.
- Trình bày được khái quát đặc điểm của một số đới khí hậu.

2. Về năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự học: khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm có hiệu quả.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sử dụng công cụ, phương tiện phục vụ bài học, biết phân tích và xử lí tình huống.

b. Năng lực đặc thù:

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: giải thích vì sao nhiệt độ không khí thay đổi theo vĩ độ, biết sử dụng nhiệt kế và ẩm kế, phân biệt thời tiết và khí hậu.
- Năng lực tìm hiểu địa lí:

- + Khai thác kênh hình và kênh chữ trong SGK tr 162-166.
- + Sử dụng bảng số liệu 13.1 SGK tr162 để so sánh nhiệt độ một số địa điểm trên thế giới.
- + Sử dụng lược đồ hình 13.4 SGK tr165 để xác định giới hạn mỗi đới khí hậu.
- + Sử dụng biểu đồ hình 13.5, 13.6, 13.7 SGK tr165 để đọc trị số nhiệt độ, lượng mưa ở một số địa điểm.
- Năng lực vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: tính được nhiệt độ trung bình ngày, trung bình năm; biết cách đề phòng tai nạn sấm sét.

3. Về phẩm chất:

- Ý thức học tập nghiêm túc, say mê yêu thích tìm tòi những thông tin khoa học về thời tiết, khí hậu trên Trái Đất.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên (GV)

- Giáo án, SGK, sách giáo viên (SGV), TBĐ Địa lí 6.
- Lược đồ các đới khí hậu trên Trái Đất.
- Trò chơi ô chữ, phần thưởng.
- Bảng phụ ghi câu hỏi thảo luận nhóm và bảng nhóm cho HS trả lời.

2. Học sinh (HS): SGK, vở ghi, TBĐ Địa lí 6, máy tính bỏ túi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

a. Mục tiêu: Tạo tình huống giữa cái đã biết và chưa biết nhằm tạo hứng thú học tập cho HS.

b. Nội dung: GV tổ chức trò chơi ô chữ cho HS.

c. Sản phẩm: HS giải mã được các ô chữ GV đặt ra.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ:

* GV treo bảng phụ trò chơi ô chữ lên bảng:

1	2	3	4	5	6

* GV phổ biến luật chơi:

- Trò chơi ô chữ gồm 6 chữ cái được đánh số từ 1 đến 6 sẽ tương ứng với 6 câu hỏi.
- Các em dựa vào TBĐ Địa lí 6 và kiến thức đã học để trả lời, các em có quyền lựa chọn thứ tự câu hỏi để trả lời, mỗi câu hỏi có 2 lượt trả lời.
- Em nào trả lời đúng sẽ nhận được 1 phần quà nhỏ (ví dụ 1 cây bút) và ô chữ sẽ hiện ra chữ cái tương ứng, trả lời sai ô chữ sẽ bị khóa lại, trong quá trình trả lời, em nào trả lời đúng tên ô chữ thì sẽ nhận được phần quà lớn hơn (ví dụ 3 cây bút).

* Hệ thống câu hỏi:

Câu 1. Về mùa đông, khối khí ôn đới lục địa (Pc) phương Bắc tràn xuống miền Bắc nước ta làm cho thời tiết:

- A. Mát mẻ, ôn hòa B. Nóng ẩm, nhiều mưa
C. Khô ráo, giá lạnh D. Khô nóng

Câu 2. Việc đặt tên cho các khối khí dựa vào:

- A. Nhiệt độ
B. Khí áp và độ ẩm
C. Vị trí nơi chúng được hình thành và bề mặt tiếp xúc
D. Độ cao

Câu 3. Khí áp là:

- A. sức ép của không khí lên bề mặt Trái Đất.
B. sức ép của không khí lên các đồ vật.
C. trọng lượng của không khí.
D. Sức ép của cột thủy ngân có tiết diện 1cm^2 và cao 760 mm.

Câu 4. Hướng gió Tín phong ở bán cầu nam là:

- A. đông bắc B. đông nam
C. tây bắc D. tây nam

Câu 5. Hướng gió Tây ôn đới ở bán cầu bắc là:

- A. đông bắc B. đông nam
C. tây bắc D. tây nam

Câu 6. Trung bình cứ lên cao 100m thì nhiệt độ sẽ giảm đi bao nhiêu $^{\circ}\text{C}$:

- A. 1°C B. 10°C
C. $0,6^{\circ}\text{C}$ D. 6°C

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS dựa vào TBĐ Địa lí 6 tr22, 23 và kiến thức đã học, suy nghĩa để trả lời câu hỏi.
- GV quan sát, đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3: Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

- Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

Câu 1: C

Câu 2: C

Câu 3: A

Câu 4: B

Câu 5: D

Câu 6: C

1	2	3	4	5	6
K	H	Í	H	Ậ	U

- HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

Bước 4. GV dẫn dắt vào nội dung bài mới: Khí hậu trên Trái Đất rất khác nhau, vùng cực quanh năm giá lạnh, trong khi vùng xích đạo quanh năm nắng nóng và mưa nhiều,

thiên nhiên phát triển phong phú. Vậy điều gì đã tạo nên sự khác biệt về khí hậu trên Trái Đất như vậy? Để biết được điều này, lớp chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.

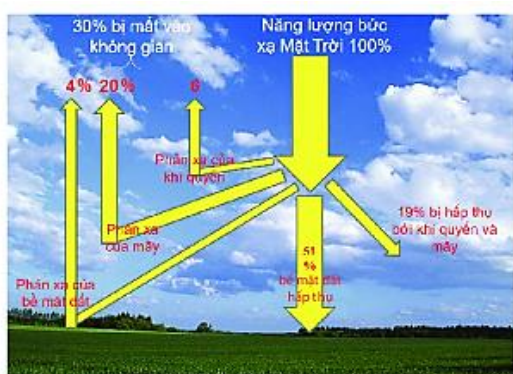
2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (105 phút)

2.1. Tìm hiểu về nhiệt độ không khí và sự thay đổi nhiệt độ không khí trên bề mặt Trái Đất theo vĩ độ (30 phút)

a. Mục tiêu:

- Trình bày được sự thay đổi nhiệt độ bề mặt Trái Đất theo vĩ độ.
- Biết sử dụng nhiệt kế.

b. Nội dung: Sử dụng hình 13.1. Mặt Trời – nguồn nhiệt của Trái Đất, hình 13.2. Nhiệt kế, bảng 13.1. Vĩ độ và nhiệt độ trung bình năm của một số địa điểm trên thế giới kết hợp kênh chữ SGK tr162, 163, suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.



Hình 13.1. Mặt Trời – nguồn nhiệt của Trái Đất.



Hình 13.2. Nhiệt kế.

c. Sản phẩm:

trả lời được các câu hỏi của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bài
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * GV cho HS đọc nội dung mục I, II SGK. * GV yêu cầu HS quan sát hình 13.1, 23.2 và bảng 13.1 SGK và thông tin trong bài, lần lượt trả lời các câu hỏi sau: <ul style="list-style-type: none"> - Nhiệt kế ở hình 13.2 chỉ bao nhiêu độ? - Nhiệt độ không khí là gì? Nêu cách tính nhiệt độ trung bình ngày. - So sánh nhiệt độ trung bình năm ở một số địa điểm trên thế giới. - Giải thích sự thay đổi nhiệt độ không khí theo vĩ độ. <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * HS đọc bài. 	<p>I. Nhiệt độ không khí</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi ánh sáng mặt trời chiếu xuống Trái Đất, mặt đất hấp thụ rồi bức xạ vào không khí làm cho không khí nóng lên. Độ nóng lạnh đó gọi là nhiệt độ của không khí. - Dụng cụ đo nhiệt độ: nhiệt kế - Nhiệt độ không khí trung bình ngày được tính bằng trung bình cộng của các lần đo trong ngày.

<p>* HS quan sát hình 13.1, 23.2 và bảng 13.1, đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ để trả lời câu hỏi.</p> <p>* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:</p> <p>* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS đọc trị số nhiệt độ là 25⁰C. - HS nêu khái niệm Nhiệt độ không khí và cách tính nhiệt độ trung bình ngày theo nội dung SGK đoạn 1, 2 (Nội dung ghi bài). - HS so sánh: nhiệt độ trung bình năm của các điểm tăng dần từ vĩ độ cao xuống vĩ độ thấp, chênh lệch 28,3-2,5 = 25,8⁰C - HS giải thích: Do Trái Đất hình cầu nên góc chiếu của tia sáng mặt trời giảm dần từ Xích đạo về phía 2 cực. <p>* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.</p> <p>Bước 4. Đánh giá:</p> <p>GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.</p>	<p>II. Sự thay đổi nhiệt độ không khí trên bề mặt Trái Đất theo vĩ độ</p> <p>Không khí ở vùng vĩ độ thấp nóng hơn không khí ở vùng vĩ độ cao.</p>
--	--

2.2. Tìm hiểu về độ ẩm không khí, mây và mưa (30 phút)

a. Mục tiêu:

Mô tả được hiện tượng hình thành mây, mưa.

b. Nội dung: Sử dụng bảng 13.1. Lượng hơi nước tối đa trong không khí và kênh chữ SGK tr163, suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm: trả lời được các câu hỏi của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung bài học
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * GV cho HS đọc nội dung mục III SGK. * GV yêu cầu HS dựa vào thông tin trong bài, lần lượt trả lời các câu hỏi sau: - <i>Vì sao không khí có độ ẩm? Dụng cụ đo độ ẩm là gì?</i> 	<p>III. Độ ẩm không khí, mây và mưa.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không khí bao giờ cũng chứa một lượng hơi nước nhất định. Khi không khí

<p>- Khi nào không khí được bão hòa? Quan sát bảng 13.2 cho biết không khí bão hòa ở nhiệt độ bao nhiêu?</p> <p>- Cho biết mây, mưa được hình thành như thế nào?</p> <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>* HS đọc bài.</p> <p>* HS quan sát bảng 13.2, đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ để trả lời câu hỏi.</p> <p>* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:</p> <p>* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Không khí có độ ẩm vì: Không khí bao giờ cũng chứa một lượng hơi nước nhất định, lượng hơi nước đó làm cho không khí có độ ẩm. - Dụng cụ đo độ ẩm là ẩm kế. - Không khí bão hòa ở nhiệt độ 30⁰C vì chứa 30g/m³. - HS trình bày quá trình hình thành mây, mưa theo nội dung SGK đoạn 3, 4 tr164 (Nội dung ghi bài) <p>* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.</p> <p>Bước 4. Đánh giá:</p> <p>GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.</p>	<p>đã chứa được lượng hơi nước tối đa thì gọi là không khí đã bão hoà hơi nước.</p> <p>- Không khí đã bão hoà mà vẫn được cung cấp thêm hơi nước hoặc bị lạnh đi do bốc lên cao, không khí sẽ ngưng tụ thành các hạt nước nhỏ, tạo thành mây. Gặp điều kiện thuận lợi, hơi nước tiếp tục ngưng tụ, làm các hạt nước to dần, rồi rơi xuống đất thành mưa.</p>
--	--

Ngày soạn: 10.02.2022

Tuần 24

Tiết 70:

**BÀI 13. THỜI TIẾT VÀ KHÍ HẬU.
CÁC ĐỐI KHÍ HẬU TRÊN TRÁI ĐẤT(tiết 2)**

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Phân biệt thời tiết và khí hậu.
- Biết sử dụng nhiệt kế và ẩm kế.
- Trình bày được khái quát đặc điểm của một số đối khí hậu.

2. Về năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự học: khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm có hiệu quả.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sử dụng công cụ, phương tiện phục vụ bài học, biết phân tích và xử lí tình huống.

b. Năng lực đặc thù:

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: giải thích vì sao nhiệt độ không khí thay đổi theo vĩ độ, biết sử dụng nhiệt kế và ẩm kế, phân biệt thời tiết và khí hậu.

- Năng lực tìm hiểu địa lí:

+ Khai thác kênh hình và kênh chữ trong SGK tr 162-166.

+ Sử dụng lược đồ hình 13.4 SGK tr165 để xác định giới hạn mỗi đới khí hậu.

+ Sử dụng biểu đồ hình 13.5, 13.6, 13.7 SGK tr165 để đọc trị số nhiệt độ, lượng mưa ở một số địa điểm.

- Năng lực vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: tính được nhiệt độ trung bình ngày, trung bình năm; biết cách đề phòng tai nạn sấm sét.

3. Về phẩm chất:

- Ý thức học tập nghiêm túc, say mê yêu thích tìm tòi những thông tin khoa học về thời tiết, khí hậu trên Trái Đất.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên (GV)

- Giáo án, SGK, sách giáo viên (SGV), TBĐ Địa lí 6.

- Lược đồ các đới khí hậu trên Trái Đất.

- Trò chơi ô chữ, phần thưởng.

- Bảng phụ ghi câu hỏi thảo luận nhóm và bảng nhóm cho HS trả lời.

2. Học sinh (HS): SGK, vở ghi, TBĐ Địa lí 6, máy tính bỏ túi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

a. Mục tiêu: Tạo tình huống giữa cái đã biết và chưa biết nhằm tạo hứng thú học tập cho HS.

b. Nội dung: GV tổ chức trò chơi ô chữ cho HS.

c. Sản phẩm: HS giải mã được các ô chữ GV đặt ra.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ:

* GV treo bảng phụ trò chơi ô chữ lên bảng:

1	2	3	4	5	6

* GV phổ biến luật chơi:

- Trò chơi ô chữ gồm 6 chữ cái được đánh số từ 1 đến 6 sẽ tương ứng với 6 câu hỏi.

- Các em dựa vào TBĐ Địa lí 6 và kiến thức đã học để trả lời, các em có quyền lựa chọn thứ tự câu hỏi để trả lời, mỗi câu hỏi có 2 lượt trả lời.

- Em nào trả lời đúng sẽ nhận được 1 phần quà nhỏ (ví dụ 1 cây bút) và ô chữ sẽ hiện ra chữ cái tương ứng, trả lời sai ô chữ sẽ bị khóa lại, trong quá trình trả lời, em nào trả lời đúng tên ô chữ thì sẽ nhận được phần quà lớn hơn (ví dụ 3 cây bút).

* Hệ thống câu hỏi:

Câu 1. Về mùa đông, khối khí ôn đới lục địa (Pc) phương Bắc tràn xuống miền Bắc nước ta làm cho thời tiết:

- A. Mát mẻ, ôn hòa B. Nóng ẩm, nhiều mưa
C. Khô ráo, giá lạnh D. Khô nóng

Câu 2. Việc đặt tên cho các khối khí dựa vào:

- A. Nhiệt độ
B. Khí áp và độ ẩm
C. Vị trí nơi chúng được hình thành và bề mặt tiếp xúc
D. Độ cao

Câu 3. Khí áp là:

- A. sức ép của không khí lên bề mặt Trái Đất.
B. sức ép của không khí lên các đồ vật.
C. trọng lượng của không khí.
D. Sức ép của cột thuỷ ngân có tiết diện 1cm^2 và cao 760 mm.

Câu 4. Hướng gió Tín phong ở bán cầu nam là:

- A. đông bắc B. đông nam
C. tây bắc D. tây nam

Câu 5. Hướng gió Tây ôn đới ở bán cầu bắc là:

- A. đông bắc B. đông nam
C. tây bắc D. tây nam

Câu 6. Trung bình cứ lên cao 100m thì nhiệt độ sẽ giảm đi bao nhiêu $^{\circ}\text{C}$:

- A. 1°C B. 10°C
C. $0,6^{\circ}\text{C}$ D. 6°C

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS dựa vào TBĐ Địa lí 6 tr22, 23 và kiến thức đã học, suy nghĩa để trả lời câu hỏi.
- GV quan sát, đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3: Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

- Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

Câu 1: C

Câu 2: C

Câu 3: A

Câu 4: B

Câu 5: D

Câu 6: C

1	2	3	4	5	6
K	H	Í	H	Ậ	U

- HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

Bước 4. GV dẫn dắt vào nội dung bài mới: Khí hậu trên Trái Đất rất khác nhau, vùng cực quanh năm giá lạnh, trong khi vùng xích đạo quanh năm nắng nóng và mưa nhiều,

thiên nhiên phát triển phong phú. Vậy điều gì đã tạo nên sự khác biệt về khí hậu trên Trái Đất như vậy? Để biết được điều này, lớp chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (105 phút)

2.3. Tìm hiểu về thời tiết và khí hậu (15 phút)

a. Mục tiêu:

Phân biệt được thời tiết và khí hậu.

b. Nội dung: Sử dụng kênh chữ SGK tr164, suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm: trả lời được các câu hỏi của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

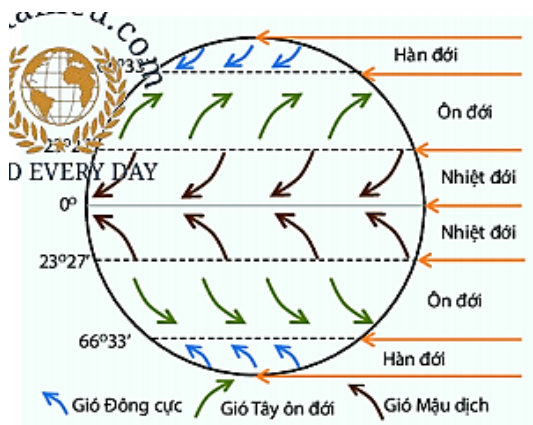
Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bài
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * GV cho HS đọc nội dung mục IV SGK. -* GV yêu cầu HS dựa vào thông tin trong bài, lần lượt trả lời các câu hỏi sau: <ul style="list-style-type: none"> - Thời tiết và khí hậu khác nhau như thế nào? - Nước ta có mấy mùa khí hậu? Mỗi mùa kéo dài mấy tháng? <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * HS đọc bài. * HS đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ để trả lời câu hỏi. * GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS. <p>Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình: <ul style="list-style-type: none"> - HS phân biệt thời tiết và khí hậu theo nội dung SGK dòng 6-9, 12, 13 tr164 (Nội dung ghi bài). - Việt Nam có mùa khí hậu: mùa mưa kéo dài 6 tháng từ tháng 5 đến 10, mùa khô kéo dài 6 tháng từ tháng 11 đến 4. * HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân. <p>Bước 4. Đánh giá:</p> <p>GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.</p>	<p>IV. Thời tiết và khí hậu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời tiết là sự biểu hiện các hiện tượng khí tượng ở một địa phương trong một thời gian ngắn nhất định. - Khí hậu là sự lặp đi lặp lại của tình hình thời tiết ở một địa phương trong thời gian dài và trở thành quy luật.

2.4. Tìm hiểu các đới khí hậu trên Trái Đất (30 phút)

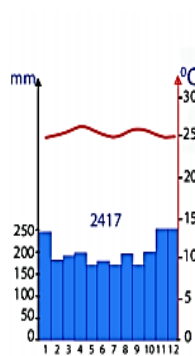
a. Mục tiêu:

- Trình bày được khái quát đặc điểm của một số đới khí hậu.

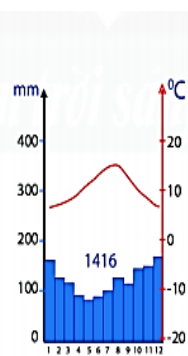
b. Nội dung: Quan sát lược đồ hình 13.4 đến 13.6 kết hợp kênh chữ SGK tr165, suy nghĩ cá nhân và thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi của GV.



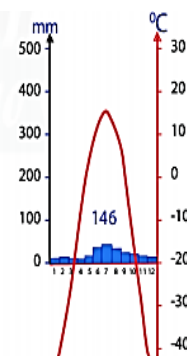
Hình 13.4. Sự phân chia các đới khí hậu trên Trái Đất.



Hình 13.5. Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa Xín-ga-po.



Hình 13.6. Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa Va-len-xi-a.



Hình 13.7. Biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa Véc-khôi-an (Verkhoyansk), Liên bang Nga.

c. Sản phẩm: trả lời được các câu hỏi của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bài
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * GV cho HS đọc nội dung mục V SGK. * GV treo lược đồ các đới khí hậu trên Trái Đất lên bảng, đặt câu hỏi cho HS: <ul style="list-style-type: none"> - Xác định trên lược đồ phạm vi, hướng gió thổi, đặc điểm nhiệt độ, lượng mưa của mỗi đới khí hậu: nhiệt đới, ôn đới và hàn đới. - Vì sao bề mặt Trái Đất lại chia thành các đới khí hậu khác nhau? * GV chia lớp làm 9 nhóm, yêu cầu HS quan sát biểu đồ 13.5, 13.6, 13.7 và thông tin trong bài, thảo luận nhóm trong 5 phút để trả lời các câu hỏi sau: <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 1, 2, 3: Đọc trị số nhiệt độ cao nhất, thấp nhất và lượng mưa trung bình năm của Xín-ga-po. Cho biết đây là biểu đồ của đới khí hậu nào? Vì sao? 	<p>V. Các đới khí hậu trên Trái Đất</p> <p>a. Nhiệt đới</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới hạn từ khoảng chí tuyến Bắc đến chí tuyến Nam. - Đặc điểm: <ul style="list-style-type: none"> + Lượng nhiệt hấp thụ được tương đối nhiều nên nóng quanh năm. + Gió thường xuyên thổi trong khu vực này là Tín phong.

- Nhóm 4, 5, 6: Đọc trị số nhiệt độ cao nhất, thấp nhất và lượng mưa trung bình năm của Va-len-xi-a. Cho biết đây là biểu đồ của đới khí hậu nào? Vì sao?

- Nhóm 7, 8, 9: Đọc trị số nhiệt độ cao nhất, thấp nhất và lượng mưa trung bình năm của Véc-khôi-an. Cho biết đây là biểu đồ của đới khí hậu nào?

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

* HS đọc bài.

* HS quan sát các biểu đồ hình 13.5, 13.6, 13.7, đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi.

* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

* HS lên xác định trên lược đồ phạm vi của mỗi đới khí hậu, nêu tên hướng gió thổi, đặc điểm nhiệt độ, lượng mưa của mỗi đới khí hậu theo nội dung SGK đoạn 2 tr115, đoạn 1, 2 tr116 (Nội dung ghi bài)

* HS giải thích do sự phân bố nhiệt độ và ánh sáng không đều (giảm dần từ xích đạo về 2 cực) dẫn đến sự phân chia các đới khí hậu.

* Sau khi nhóm HS có sản phẩm, GV cho các nhóm HS trình bày sản phẩm của mình, đại diện các nhóm 1, 4, 7 lần lượt lên thuyết trình câu trả lời trước lớp:

- Nhóm 1: Xin-ga-po: nhiệt độ cao nhất khoảng 27⁰C, thấp nhất khoảng 15⁰C và lượng mưa trung bình năm 2417mm => khí hậu nhiệt đới do có nhiệt độ cao, lượng mưa lớn.

- Nhóm 4: Va-len-xi-a: nhiệt độ cao nhất khoảng 15⁰C, thấp nhất khoảng 7⁰C và lượng mưa trung bình năm 1416mm => khí hậu ôn đới do có nhiệt độ trung bình, lượng mưa khá lớn nhưng dưới 1500mm.

- Nhóm 7: Véc-khôi-an: nhiệt độ cao nhất khoảng 17⁰C, thấp nhất khoảng -50⁰C và lượng mưa trung bình năm 146mm => khí hậu hàn đới do có nhiệt độ thấp, lượng mưa nhỏ.

* HS các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp nhóm bạn và sản phẩm của nhóm mình.

Bước 4. Đánh giá:

+ Lượng mưa trung bình năm từ 1000 mm đến trên 2000 mm.

b. Ôn đới

- Giới hạn: khoảng từ chí tuyến Bắc đến vòng cực Bắc và từ chí tuyến Nam đến vòng cực Nam.

- Đặc điểm:

+ Lượng nhiệt nhận được trung bình, bốn mùa thể hiện rất rõ trong năm.

+ Gió thường xuyên thổi trong khu vực này là gió Tây ôn đới.

+ Lượng mưa trung bình năm từ 500 mm đến trên 1.500 mm.

c. Hàn đới

- Giới hạn: từ vòng cực Bắc đến cực Bắc và từ vòng cực Nam đến cực Nam.

- Đặc điểm:

+ Lượng nhiệt nhận được rất thấp, lạnh giá quanh năm.

+ Gió thường xuyên thổi trong khu vực này là gió Đông cực.

+ Lượng mưa trung bình năm thường dưới 500 mm.

<p>GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.</p> <p>* GV mở rộng: gió Đông cực thổi từ 60° B và N đến 90° B và N ở mỗi bán cầu. Hướng: đông bắc ở Bắc bán cầu, đông nam ở Nam bán cầu.</p>	
--	--

3. Hoạt động luyện tập (10 phút)

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn.

c. Sản phẩm: trả lời được câu hỏi mà GV giao.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi cho HS:

Câu 1. *Nêu cách tính nhiệt độ trung bình tháng, trung bình năm.*

Câu 2. *Tính nhiệt độ trung bình ngày trong tháng 11 ở Hà Nội.*

Câu 3. *Nhiệt độ cao nhất, thấp nhất trong ngày là bao nhiêu? Chênh lệch bao nhiêu?*

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

* HS dựa vào kiến thức đã học, suy nghĩ, trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi.

* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

Câu 1: bằng trung bình cộng của các ngày trong tháng, các tháng trong năm.

Câu 2: $= (19+19+27+23) : 4 = 22^{\circ}\text{C}$.

Câu 3: cao nhất là 27°C , thấp nhất là 19°C , chênh lệch 8°C .

* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

Bước 4. Đánh giá:

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

4. Hoạt động vận dụng (10 phút)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn.

c. Sản phẩm: trả lời được câu hỏi mà GV giao.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi cho HS: *khi gặp cơn dông em cần làm gì và không được làm gì để phòng tai nạn sấm sét?*

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

- * HS dựa vào kiến thức đã học, suy nghĩ, trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi.
- * GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

- * Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:
 - Cần làm: tránh xa cửa sổ, cửa ra vào, các thiết bị điện, chỗ ẩm ướt, rút phích cắm thiết bị điện, tránh xa các vật bằng kim loại, tìm những chỗ thấp hơn xung quanh...
 - Không được làm: sử dụng điện thoại, trú mưa dưới gốc cây cao, tụ tập thành nhóm...
- * HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

Bước 4. Đánh giá:

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

Ngày soạn: 12.02.2022

Tuần 24

Tiết 71:

BÀI 14. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được một số biểu hiện của biến đổi khí hậu.
- Trình bày được một số biện pháp phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

2. Về năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự học: khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm có hiệu quả.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sử dụng công cụ, phương tiện phục vụ bài học, biết phân tích và xử lý tình huống.

b. Năng lực đặc thù:

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: giải thích nguyên nhân gây biến đổi khí hậu.
- Năng lực tìm hiểu địa lí:
 - + Khai thác kênh hình và kênh chữ trong sách giáo khoa (SGK) từ trang (tr) 167-169.
 - + Sử dụng bảng 14.1 SGK để biết các giai đoạn và biện pháp phòng tránh thiên tai.
- Năng lực vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: nêu được các thiên tai và các biện pháp phòng tránh thiên tai ở địa phương.

3. Về phẩm chất: ý

- Ý thức học tập nghiêm túc, say mê yêu thích tìm tòi những thông tin khoa học về biến đổi khí hậu.

- Ý thức bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên (GV)

- Giáo án, SGK, sách giáo viên (SGV).

- Bảng phụ ghi câu hỏi thảo luận nhóm và bảng nhóm cho HS trả lời.

2. Học sinh (HS): SGK, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động (5 phút)

a. Mục tiêu: Tạo tình huống giữa cái đã biết và chưa biết về một số dạng địa hình chính nhằm tạo hứng thú học tập cho HS.

b. Nội dung: GV đặt các câu hỏi kích thích sự tư duy cho HS trả lời.

c. Sản phẩm: HS trả lời được các câu hỏi GV đặt ra.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ: *Em hãy cho biết vào năm 2020 ở miền Trung nước ta xảy ra thiên tai nào?*

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.

- GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3: Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

- Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình: bão, lũ lụt, sạt lở đất.

- HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

Bước 4. GV dẫn dắt vào nội dung bài mới: Vậy thiên tai là gì? Vì sao lại xảy ra thiên tai và cần làm gì để phòng khi thiên tai xảy ra? Để biết được điều này, lớp chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (30 phút)

2.1. Tìm hiểu về biến đổi khí hậu (15 phút)

a. Mục tiêu:

- Nêu được một số biểu hiện của biến đổi khí hậu.

b. Nội dung: Sử dụng hình 14.1. Đỉnh núi An-pơ năm 1960, hình 14.2. Đỉnh núi An-pơ năm 2005, kết hợp kênh chữ SGK tr167, 168, suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm: trả lời được các câu hỏi của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung bài học
------------------------	------------------

Bước 1. Giao nhiệm vụ:

* GV cho HS đọc nội dung mục I SGK.

* GV yêu cầu HS quan sát hình 14.1, 14.2 SGK và thông tin trong bài, lần lượt trả lời các câu hỏi sau:

- Cho biết sự khác nhau giữa hình 14.1 và 14.2. Giải thích.

- Biến đổi khí hậu là gì? Nêu một số biểu hiện của biến đổi khí hậu.

- Nguyên nhân nào gây ra biến đổi khí hậu?

- Nêu hậu quả của biến đổi khí hậu. Bên cạnh mặt tiêu cực thì biến đổi khí hậu còn có mặt tích cực nào?

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

* HS đọc bài.

* HS quan sát hình 14.1, 14.2, đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ để trả lời câu hỏi.

* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

- Băng tuyết trên đỉnh An-pơ năm 2005 bị tan chảy nhiều hơn so với năm 1960. Nguyên nhân: do Trái Đất ngày một nóng lên.

- HS nêu khái niệm và một số biểu hiện của biến đổi khí hậu theo nội dung SGK đoạn 1 tr167 (Nội dung ghi bài)

- HS giải thích nguyên nhân: việc phát triển công nghiệp lượng khí CO₂ thải vào bầu khí quyển quá nhiều cùng với việc đốt rừng, chặt phá rừng bừa bãi... gây ra.

- HS nêu hậu quả của biến đổi khí hậu theo nội dung SGK đoạn 2 tr168 (Nội dung ghi bài)

* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

Bước 4. Đánh giá:



Hình 14.1. Đỉnh núi thuộc dãy An-pơ vào năm 1960.



Hình 14.2. Đỉnh núi thuộc dãy An-pơ năm 2005.

I. Biến đổi khí hậu

- Biến đổi khí hậu là sự thay đổi trạng thái của khí hậu so với trung bình nhiều năm.

- Biểu hiện: nhiệt độ không khí tăng, khí hậu Trái Đất nóng lên, biến động trong chế độ mưa, gia tăng tốc độ băng tan, thời tiết cực đoan: bão, lũ lụt, hạn hán... mực nước biển dâng cao.

- Hậu quả: các loài sinh vật bị suy giảm, các hệ sinh thái và hoạt động của con người có nguy cơ bị ảnh hưởng.

<p>GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.</p> <p>* GV mở rộng: một số ghi nhận cụ thể về biểu hiện của biến đổi khí hậu trên Trái Đất như: nhiệt độ năm 2016 tăng hơn 1,1 độ C so với năm 1750, mực nước biển tăng 3,3mm mỗi năm ở giai đoạn 2004-2015, siêu bão ở Đông Nam Á tăng hơn 12-15% trong giai đoạn 1980-2016...</p>	
---	--

Ngày soạn: 16.02.2022

Tuần 25

Tiết 73:

**BÀI 14. BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU VÀ ỨNG PHÓ VỚI BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU
(tiết 2)**

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Nêu được một số biểu hiện của biến đổi khí hậu.
- Trình bày được một số biện pháp phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

2. Về năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự học: khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm có hiệu quả.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sử dụng công cụ, phương tiện phục vụ bài học, biết phân tích và xử lý tình huống.

b. Năng lực đặc thù:

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: giải thích nguyên nhân gây biến đổi khí hậu.
- Năng lực tìm hiểu địa lí:
 - + Khai thác kênh hình và kênh chữ trong sách giáo khoa (SGK) từ trang (tr) 167-169.
 - + Sử dụng bảng 14.1 SGK để biết các giai đoạn và biện pháp phòng tránh thiên tai.
- Năng lực vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: nêu được các thiên tai và các biện pháp phòng tránh thiên tai ở địa phương.

3. Về phẩm chất: ý

- Ý thức học tập nghiêm túc, say mê yêu thích tìm tòi những thông tin khoa học về biến đổi khí hậu.

- Ý thức bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên (GV)

- Giáo án, SGK, sách giáo viên (SGV).

- Bảng phụ ghi câu hỏi thảo luận nhóm và bảng nhóm cho HS trả lời.

2. Học sinh (HS): SGK, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động (5 phút)

a. Mục tiêu: Tạo tình huống giữa cái đã biết và chưa biết về một số dạng địa hình chính nhằm tạo hứng thú học tập cho HS.

b. Nội dung: GV đặt các câu hỏi kích thích sự tư duy cho HS trả lời.

c. Sản phẩm: HS trả lời được các câu hỏi GV đặt ra.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ: *Em hãy cho biết vào năm 2020 ở miền Trung nước ta xảy ra thiên tai nào?*

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.

- GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3: Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

- Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình: bão, lũ lụt, sạt lở đất.

- HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

Bước 4. GV dẫn dắt vào nội dung bài mới: Vậy thiên tai là gì? Vì sao lại xảy ra thiên tai và cần làm gì để phòng khi thiên tai xảy ra? Để biết được điều này, lớp chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (30 phút)

2.2. Tìm hiểu về phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu (20 phút)

a. Mục tiêu:

Trình bày được một số biện pháp phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu.

b. Nội dung: Sử dụng bảng 14.1. Các giai đoạn và biện pháp phòng tránh thiên tai, hình 14.3. Một số hoạt động cụ thể ứng phó biến đổi khí hậu và kênh chữ SGK tr168,169, suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.



Trợ giúp nạn nhân thiên tai ở Quảng Ngãi (2013).



Điện gió Bình Thuận.



Sử dụng phương tiện công cộng.

Hình 14.3. Một số hoạt động cụ thể ứng phó với biến đổi khí hậu.

c. Sản phẩm: trả lời được các câu hỏi của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bài
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * GV cho HS đọc nội dung mục II SGK. * GV yêu cầu HS dựa vào bảng 14.1, hình 14.3, thông tin trong bài, lần lượt trả lời các câu hỏi sau: <ul style="list-style-type: none"> - Thiên tai là gì? Nêu hậu quả của thiên tai. - Nêu các biện pháp phòng tránh thiên tai. - Giải thích tại sao các hoạt động trong hình 14.3 giúp ta ứng phó với biến đổi khí hậu? <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * HS đọc bài. * HS quan sát bảng 14.1, hình 14.3, đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ để trả lời câu hỏi. * GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS. <p>Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình: <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu khái niệm, hậu quả và các biện pháp phòng tránh thiên tai theo nội dung đoạn 1 SGK và bảng 14.1 tr169 (Nội dung ghi bài) - HS phân tích hình 14.3 để trả lời: sử dụng điện gió, phương tiện công cộng sẽ ít thải ra các khí độc hại vào bầu khí quyển giữ bầu không khí trong lành, trợ giúp nạn nhân 	<p>III. Phòng tránh thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thiên tai là những thảm họa bất ngờ do thiên nhiên gây ra cho con người như: bão, lốc xoáy, lũ lụt, hạn hán, mưa đá... - Hậu quả: gây thiệt hại về người và tài sản, làm ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh tế xã hội. - Biện pháp phòng tránh: <ul style="list-style-type: none"> + Trước khi xảy ra: dự báo thời tiết, dự trữ lương thực, trồng và bảo vệ rừng, sơ tán dân, xây dựng hồ chứa. + Trong khi xảy ra: ở nơi an toàn, hạn chế di chuyển, giữ gìn sức khỏe, dự trữ nước, thực phẩm... + Sau khi xảy ra: khắc phục sự cố, vệ sinh môi trường, giúp đỡ người khác...

thiên tai như gạo, mì gói, trang thiết bị giúp người dân vượt qua khó khăn để thích ứng với biến đổi khí hậu. * HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân. Bước 4. Đánh giá: GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.	
--	--

3. Hoạt động luyện tập (5 phút)

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức về cách tính nhiệt độ không khí.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn.

c. Sản phẩm: trả lời được câu hỏi mà GV giao.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi cho HS: Lập sơ đồ các biểu hiện của biến đổi khí hậu.

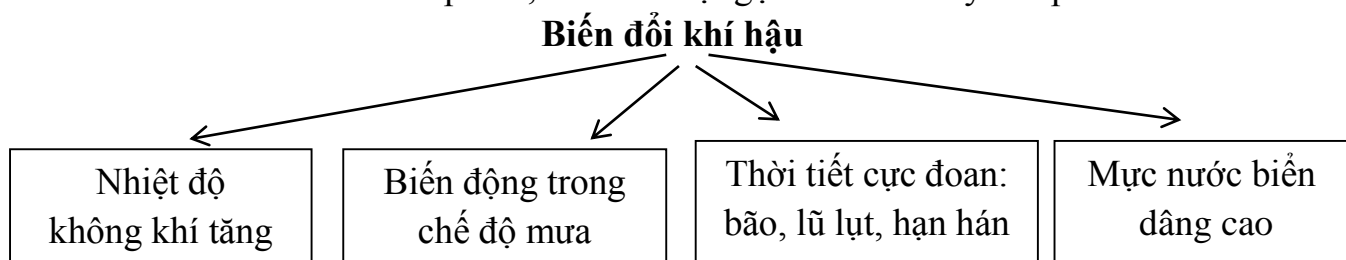
Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

* HS dựa vào kiến thức đã học, suy nghĩ, trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi.

* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:



* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

Bước 4. Đánh giá:

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

4. Hoạt động vận dụng (5 phút)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn.

c. Sản phẩm: trả lời được câu hỏi mà GV giao.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi cho HS: *địa phương em thường xảy ra loại thiên tai nào? em hãy nêu các biện pháp phòng tránh thiên tai ở địa phương.*

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

* HS dựa vào kiến thức đã học, suy nghĩ, trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi.

* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

- Thiên tai thường xảy ra: bão

- Biện pháp: Dự báo thời tiết chính xác về hướng đi của bão, sơ tán dân, thông báo cho tàu thuyền trở về đất liền, củng cố hệ thống đê ven biển, chống lũ lụt ở đồng bằng, chống xói mòn lũ quét ở miền núi.

* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

Bước 4. Đánh giá:

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

Ngày soạn 22.02.2022

Tuần 25

Tiết 74

BÀI 15. THỰC HÀNH VỀ NHIỆT ĐỘ VÀ LƯỢNG MƯA

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Phân tích được biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa.
- Xác định được đặc điểm về nhiệt độ và lượng mưa của một số địa điểm trên bản đồ khí hậu thế giới.

2. Về năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự học: khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm có hiệu quả.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sử dụng công cụ, phương tiện phục vụ bài học, biết phân tích và xử lý tình huống.

b. Năng lực đặc thù:

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: biết cách phân tích biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa.
- Năng lực tìm hiểu địa lí:
 - + Sử dụng biểu đồ hình 15.1 SGK tr170 để phân tích biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa ở Va-len-xi-a.
 - + Sử dụng bản đồ hình 15.2 SGK tr171 để so sánh đặc điểm về nhiệt độ và lượng mưa của một số địa điểm trên bản đồ khí hậu thế giới.
- Năng lực vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: phân tích được biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa ở TPHCM, bảng số liệu về nhiệt độ ở Hà Nội.

3. Về phẩm chất: ý thức học tập nghiêm túc, say mê yêu thích tìm tòi những thông tin khoa học về biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên (GV)

- Giáo án, SGK, SGV, hình 15.1 SGK phóng to, TBD Địa lí 6.
- Bảng phụ ghi câu hỏi thảo luận nhóm và bảng nhóm cho HS trả lời.

2. Học sinh (HS): SGK, vở ghi, TBD Địa lí 6, thước kẻ, máy tính bỏ túi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động (5 phút)

a. Mục tiêu: Tạo tình huống giữa cái đã biết và chưa biết về kí hiệu và chú giải trên bản đồ nhằm tạo hứng thú học tập cho HS.

b. Nội dung: GV đặt các câu hỏi kích thích sự tư duy cho HS trả lời.

c. Sản phẩm: HS trả lời được các câu hỏi GV đặt ra.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ: *Quan sát TBD Địa lí 6, em hãy cho biết biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa ở Hà Nội nằm ở đới khí hậu nào?*

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS dựa vào TBD Địa lí 6 trang 27, suy nghĩ để trả lời câu hỏi.
- GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3: Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

- Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình: nằm ở đới nóng hay nhiệt đới.
- HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

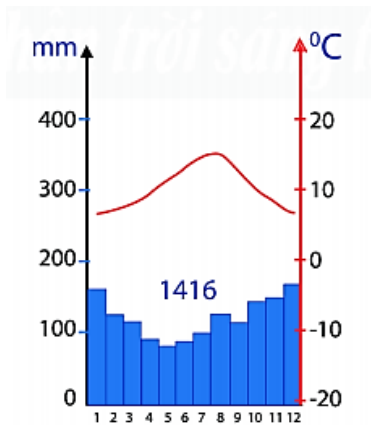
Bước 4. GV dẫn dắt vào nội dung bài mới: Vậy dựa vào đâu để biết Hà Nội nằm ở đới khí hậu nhiệt đới và để phân tích biểu đồ nhiệt độ và lượng mưa ở Hà Nội hay một địa điểm nào khác thì chúng ta phải làm thế nào? Để biết được điều này, lớp chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức

2.1. Tìm hiểu bài tập 1. Phân tích biểu đồ nhiệt độ lượng mưa ở Va-len-xi-a (20 phút)

a. Mục tiêu: HS phân tích được biểu đồ nhiệt độ lượng mưa.

b. Nội dung: Quan sát hình 15.1. Biểu đồ nhiệt độ lượng mưa ở Va-len-xi-a SGK tr170, thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi của GV.



Hình 15.1. Biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa của Va-len-xi-a.

c. Sản phẩm: trả lời được các câu hỏi của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bài
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * GV treo biểu đồ hình 15.1 lên bảng. * GV cho HS đọc yêu cầu bài tập 1. * GV chia lớp làm 8 nhóm, yêu cầu HS quan sát các hình 15.1 SGK và thông tin trong bài, thảo luận nhóm trong 5 phút để trả lời các câu hỏi sau: <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 1, 3, 5, 7: cho biết Nhiệt độ trung bình tháng cao nhất, tháng thấp nhất là bao nhiêu? Chênh lệch nhiệt độ giữa tháng cao nhất và thấp nhất là bao nhiêu? - Nhóm 2, 4, 6, 8: Các tháng nào có lượng mưa trên 100mm? Cho biết Va-len-xi-a thuộc đới khí hậu nào? Vì sao? <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * HS đọc yêu cầu bài tập. * HS dựa vào hình 15.1 suy nghĩ, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi. * GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS. <p>Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:</p>	<p>Bài tập 1. Phân tích biểu đồ nhiệt độ lượng mưa Va-len-xi-a</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhiệt độ trung bình tháng cao nhất khoảng 15°C, tháng thấp nhất khoảng 7°C. - Chênh lệch nhiệt độ giữa tháng cao nhất và thấp nhất khoảng 8°C. - Các tháng có lượng mưa trên 100mm: 1 đến 3, 8 đến 12. - Va-len-xi-a thuộc khí hậu ôn đới do có nhiệt độ trung bình dao động từ 7-15°C, lượng mưa trung bình năm (1416mm) trong khoảng 500-1500mm.

* Sau khi nhóm HS có sản phẩm, GV cho các nhóm HS trình bày sản phẩm của mình, đại diện 2 nhóm (ví dụ nhóm 3, 7) lên thuyết trình câu trả lời trước lớp:

- Nhóm 3: HS sử dụng thước kẻ đo từ đường nhiệt độ qua trục nhiệt độ bên phải để xác định nhiệt độ cao nhất, thấp nhất và lấy nhiệt độ cao nhất trừ nhiệt độ thấp nhất để xác định sự chênh lệch (Nội dung ghi bài)

- HS sử dụng thước kẻ đo từ vạch 100mm bên trục trái sang các cột lượng mưa và đọc các tháng có cột cao hơn vạch thước kẻ. HS dựa vào nhiệt độ cao nhất, thấp nhất, lượng mưa trung bình năm (1416mm) đối chiếu với kiến thức đã học để rút ra kết luận về đới khí hậu ở Va-len-xi-a. (Nội dung ghi bài)

* HS các nhóm khác có cùng câu hỏi lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp nhóm bạn và sản phẩm của nhóm mình.

Bước 4. Đánh giá:

- GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.

2.2. Tìm hiểu bài tập 2. So sánh đặc điểm nhiệt độ lượng mưa của Môn-trê-an và Hà Nội (10 phút)

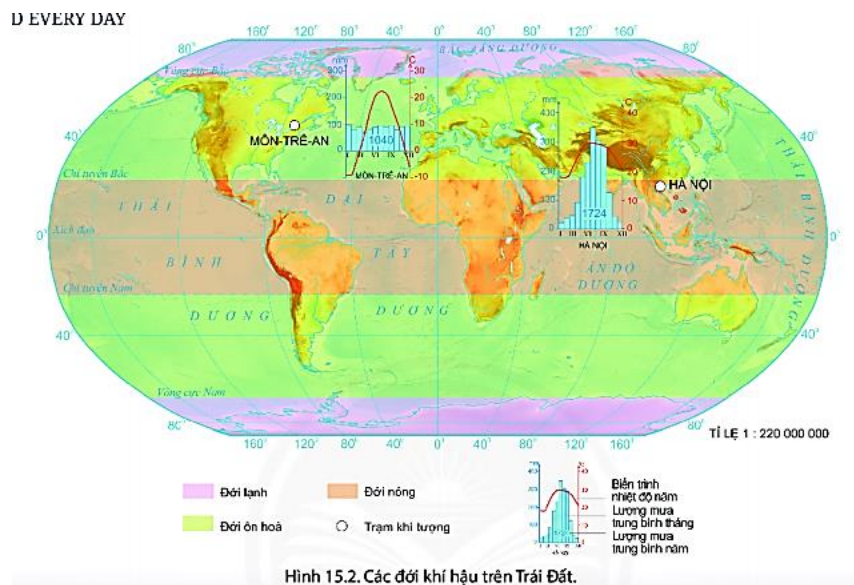
a. Mục tiêu: HS biết so sánh đặc điểm nhiệt độ lượng mưa giữa 2 địa điểm.

b. Nội dung: Sử dụng lược đồ hình 15.2 tr171, suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.

c. Sản phẩm:

các câu hỏi

d. Tổ chức



trả lời được của GV.

thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bài
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * GV yêu HS đọc yêu cầu bài tập 2 SGK. * GV yêu cầu HS dựa vào hình 15.2, hãy: <i>So sánh đặc điểm nhiệt độ lượng mưa của Môn-trê-an và Hà Nội.</i> <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * HS đọc bài. * HS quan sát hình 15.2 SGK để trả lời câu hỏi. * GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS. <p>Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình. * HS dựa vào kênh chữ SGK và mục Em có biết nêu khái niệm và cách đọc lát cắt địa hình. - HS dùng thước kẻ đo nhiệt độ cao nhất của Hà Nội và Môn-trê-an rồi so sánh: $30^{\circ}\text{C} > 23^{\circ}\text{C}$ - HS dùng thước kẻ đo nhiệt độ thấp nhất của Hà Nội và Môn-trê-an rồi so sánh: $16^{\circ}\text{C} > -9^{\circ}\text{C}$ - HS dựa vào số liệu so sánh lượng mưa trung bình năm của Hà Nội và Môn-trê-an: $1724\text{mm} > 1004\text{mm}$ * HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân. <p>Bước 4. Đánh giá:</p> <p>GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.</p>	<p>Bài tập 2. So sánh đặc điểm nhiệt độ lượng mưa của Môn-trê-an và Hà Nội</p> <ul style="list-style-type: none"> - Môn-trê-an có nhiệt độ tháng cao nhất, thấp nhất đều thấp hơn Hà Nội. - Môn-trê-an có lượng mưa trung bình năm thấp hơn Hà Nội.

3. Hoạt động luyện tập (5 phút)

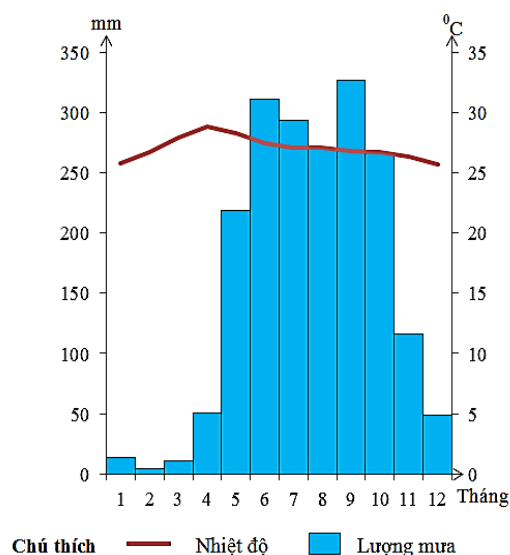
a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn.

c. Sản phẩm: trả lời được câu hỏi mà GV giao.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS dựa vào biểu đồ dưới đây, hãy trả lời các câu hỏi sau:



Biểu đồ thể hiện nhiệt độ và lượng mưa của TPHCM

Câu 1. Tháng có nhiệt độ thấp nhất là:

- A. tháng 1 C. tháng 11
B. tháng 2 D. tháng 12

Câu 2. Tháng có nhiệt độ cao nhất là:

- A. tháng 3 C. tháng 5
B. tháng 4 D. tháng 6

Câu 3. Tháng có lượng mưa thấp nhất là:

- A. tháng 1 C. tháng 11
B. tháng 2 D. tháng 12

Câu 4. Tháng có lượng mưa cao nhất là:

- A. tháng 7 C. tháng 9
B. tháng 8 D. tháng 10

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

* HS dựa vào kiến thức đã học, suy nghĩ, trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi.

* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

Câu 1: D

Câu 2: B

Câu 3: B

Câu 4: C

* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

Bước 4. Đánh giá:

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

4. Hoạt động vận dụng (5 phút)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn.

c. Sản phẩm: trả lời được câu hỏi mà GV giao.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi cho HS: Cho bảng số liệu sau:

Nhiệt độ của Hà Nội

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ (°C)	16,4	17	20,2	23,7	27,3	28,8	28,9	28,2	27,2	24,6	21,4	18,2

Tính nhiệt độ trung bình năm, biên độ nhiệt năm của Hà Nội. Hà Nội thuộc đới khí hậu nào? Vì sao?

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

* HS dựa vào kiến thức đã học, suy nghĩ, trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi.

* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

- Nhiệt độ trung bình năm là $23,5^{\circ}\text{C}$, biên độ nhiệt năm là $12,5^{\circ}\text{C}$.

- Hà Nội thuộc đới khí hậu nhiệt đới do có nhiệt độ trung bình năm cao trên 20°C .

* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

Bước 4. Đánh giá:

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

Ngày soạn 05.03.2022

Tuần 26

Tiết 76

CHƯƠNG 5. NƯỚC TRÊN TRÁI ĐẤT
BÀI 16. THỦY QUYỂN. VÒNG TUẦN HOÀN NƯỚC.
NƯỚC NGẦM, BĂNG HÀ.

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Kể tên được các thành phần chủ yếu của thủy quyển.
- Mô tả được vòng tuần hoàn lớn của nước.
- Nêu được tầm quan trọng của nước ngầm và băng hà.

2. Về năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự học: khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.
- Năng lực giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm có hiệu quả.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sử dụng công cụ, phương tiện phục vụ bài học, biết phân tích và xử lý tình huống.

b. Năng lực đặc thù:

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: nhận thức được tầm quan trọng của nước ngầm và băng hà.

- Năng lực tìm hiểu địa lí:

+ Khai thác kênh hình và kênh chữ trong sách giáo khoa (SGK) từ trang (tr) 173-177.

+ Sử dụng lược đồ hình 16.1 SGK tr173 để xác định tỉ lệ diện tích đại dương trên Trái Đất.

+ Sử dụng sơ đồ hình 16.3 SGK tr175 để mô tả vòng tuần hoàn nước.

+ Sử dụng biểu đồ hình 16.4 SGK tr176 để xác định tỉ lệ các loại nước trên Trái Đất.

- Năng lực vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: nêu được các nguyên nhân, hậu quả của vấn đề ô nhiễm nước ở địa phương và đề ra giải pháp khắc phục.

3. Về phẩm chất:

- Ý thức học tập nghiêm túc, say mê yêu thích tìm tòi những thông tin khoa học về nước trên Trái Đất.

- Ý thức bảo vệ nguồn nước trên Trái Đất.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên (GV)

- Giáo án, SGK, sách giáo viên (SGV), TBĐ Địa lí 6.

- Sơ đồ vòng tuần hoàn nước.

- Bảng phụ trò chơi ô chữ và phần thưởng cho HS.

- Bảng phụ ghi câu hỏi thảo luận nhóm và bảng nhóm cho HS trả lời.

2. Học sinh (HS): SGK, vở ghi, TBĐ Địa lí 6, máy tính bỏ túi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động (10 phút)

a. Mục tiêu: Tạo tình huống giữa cái đã biết và chưa biết nhằm tạo hứng thú học tập cho HS.

b. Nội dung: GV tổ chức trò chơi ô chữ cho HS.

c. Sản phẩm: HS giải mã được các ô chữ GV đặt ra.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ:

* GV treo bảng phụ trò chơi ô chữ lên bảng:

A

1									
2									
3									
	4								

* GV phổ biến luật chơi:

- Trò chơi ô chữ gồm 4 ô chữ hàng ngang được đánh số từ 1 đến 4 sẽ tương ứng với 4 câu hỏi và 1 ô từ khóa hàng dọc A.

- Các em dựa vào TBĐ Địa lí 6 và kiến thức đã học để trả lời, các em có quyền lựa chọn thứ tự câu hỏi để trả lời, mỗi câu hỏi có 2 lượt trả lời.

- Em nào trả lời đúng sẽ nhận được 1 phần quà nhỏ (ví dụ 1 cây bút) và ô chữ sẽ hiện ra các chữ cái tương ứng, trả lời sai ô chữ sẽ bị khóa lại, trong quá trình trả lời, em nào trả lời đúng tên từ khóa thì sẽ nhận được phần quà lớn hơn (ví dụ 3 cây bút).

* Hệ thống câu hỏi:

Câu 1. Nước ta tiếp giáp với biển nào?

Câu 2. Tên tầng khí quyển nằm gần sát mặt đất.

Câu 3. Hiện tượng xảy ra khi ánh nắng Mặt Trời chiếu xuống bề mặt biển và đại dương.

Câu 4. Đây là hồ nước lớn nhất ở châu Phi.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

* HS dựa vào TBĐ Địa lí 6 tr13, 22 và kiến thức đã học, suy nghĩa để trả lời câu hỏi.

* GV quan sát, đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3: Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

				A					
1	B	I	Ê	N	Đ	Ô	N	G	
2	Đ	Ó	I	L	U				
3	B	Ó	C	H	O	I			
			V	I	C	T	O	R	I
									A

* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

nghe, bổ sung, chỉnh bạn và sản phẩm của cá nhân.

Bước 4. GV dẫn dắt vào nội dung bài mới: Trái Đất không giống với bất kì một hành tinh nào trong hệ Mặt Trời vì Trái Đất có nước. Nhờ có nước, Trái Đất trở thành một hành tinh có sự sống. Vậy nước trên Trái Đất gồm những thành phần gì? Các thành phần ấy liên quan với nhau ra sao? Và nước có tầm quan trọng như thế nào đối với sự sống trên Trái Đất? Để biết được điều này, lớp chúng ta sẽ cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.

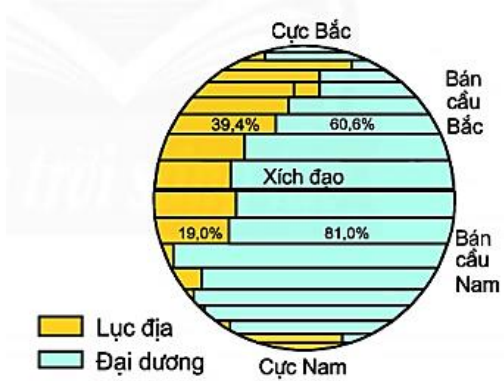
2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (60 phút)

2.1. Tìm hiểu thủy quyển, thành phần chủ yếu của thủy quyển (15 phút)

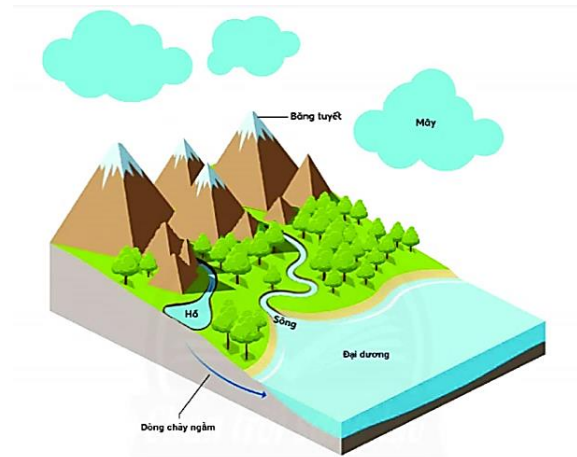
a. Mục tiêu: HS kể được các thành phần chủ yếu của thủy quyển.

b. Nội dung: Quan sát hình 16.1 và 16.2 kết hợp kênh chữ SGK tr173, 174, suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.

c.



Hình 16.1. Tỷ lệ diện tích lục địa và đại dương ở các bán cầu Bắc và Nam.



Hình 16.2. Nước trên Trái Đất.

Sản phẩm: trả lời được các câu hỏi của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bài
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * GV gọi HS đọc nội dung mục I SGK. * GV yêu cầu HS quan sát hình 16.1, 16.2 và thông tin trong bài, lần lượt trả lời các câu hỏi sau: <ul style="list-style-type: none"> - So sánh tỉ lệ diện tích lục địa và đại dương ở bán cầu Bắc. - So sánh tỉ lệ diện tích lục địa và đại dương ở bán cầu Nam. - Cho biết nước có ở đâu? <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * HS đọc bài. * HS quan sát hình 16.1, 16.2, đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ để trả lời câu hỏi. * GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS. <p>Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình: <ul style="list-style-type: none"> - Nửa cầu Bắc: Tỷ lệ diện tích lục địa là 39,4%, tỷ lệ diện tích đại dương là 60,6%, đại dương có tỷ lệ diện tích lớn hơn lục địa 21,2%. - Nửa cầu Nam: Tỷ lệ diện tích lục địa là 19%, tỷ lệ diện tích đại dương là 81%, đại dương có tỷ lệ diện tích lớn hơn lục địa đến 62%. 	<p>I. Thủy quyển, thành phần chủ yếu của thủy quyển</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trên bề mặt Trái Đất, đại dương chiếm gần 3/4 diện tích. - Nước trên Trái Đất không chỉ có ở đại dương mà có ở khắp nơi tạo thành một lớp bao quanh khắp địa cầu. - Lớp nước bao phủ trên Trái Đất được gọi là thủy quyển, bao gồm nước trong các biển và đại dương, nước trên lục địa (sông, hồ, băng, tuyết, nước ngầm...) và hơi nước trong khí quyển.

- Nước có ở trong các đám mây, băng tuyết, sông, hồ, đại dương, dòng chảy ngầm dưới mặt đất.

* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

Bước 4. Đánh giá:

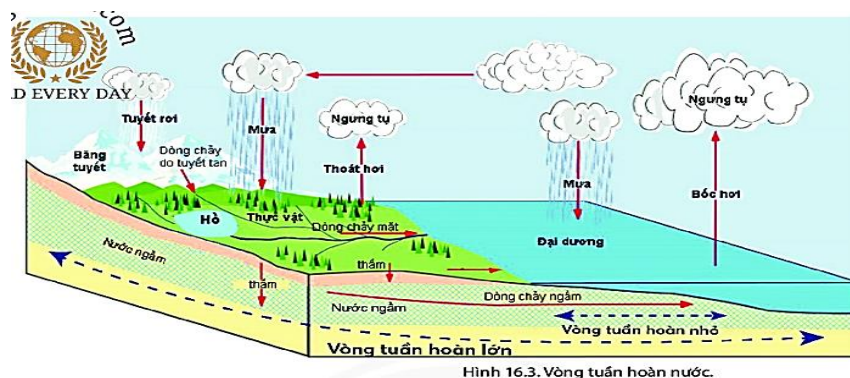
GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.

GV mở rộng: Đại dương chiếm khoảng 70,8% diện tích bề mặt Trái Đất.

2.2. Tìm hiểu vòng tuần hoàn nước (20 phút)

a. Mục tiêu: HS mô tả được vòng tuần hoàn lớn của nước

b. Nội dung: Quan sát sơ đồ hình 16.3 kết hợp kênh chữ SGK 175, suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.



Hình 16.3. Vòng tuần hoàn nước.

c. Sản phẩm: trả lời được các câu hỏi của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bài
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * GV gọi HS đọc nội dung mục II SGK. * GV treo sơ đồ vòng tuần hoàn nước lên bảng. * GV yêu cầu HS quan sát hình 16.3 và thông tin trong bài, lần lượt trả lời các câu hỏi sau: <ul style="list-style-type: none"> - Mô tả vòng tuần hoàn nhỏ của nước trên sơ đồ. - Mô tả vòng tuần hoàn lớn của nước trên sơ đồ. <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * HS đọc bài. * HS quan sát hình 16.3, đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ để trả lời câu hỏi. * GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS. 	<p>II. Vòng tuần hoàn nước</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nước luôn chuyển động trên Trái Đất theo những chu kì khép kín gọi là vòng tuần hoàn, bao gồm: <ul style="list-style-type: none"> + Vòng tuần hoàn nhỏ: chỉ có 2 giai đoạn bốc hơi và nước rơi. + Vòng tuần hoàn lớn: trải qua 3 đến 4 giai đoạn: bốc hơi, nước rơi, thấm và dòng chảy.

Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình: (HS vừa chỉ trên sơ đồ vừa mô tả bằng lời)

- Vòng tuần hoàn nhỏ: Nước biển và đại dương bốc hơi (do tác dụng của nhiệt độ) tạo thành mây, mây gặp lạnh tạo thành mưa ngay trên mặt biển và đại dương.

- Vòng tuần hoàn lớn: Nước biển và đại dương bốc hơi tạo thành mây. Gió đưa mây vào đất liền và gây mưa tại đây; ở vùng núi cao, mây gặp lạnh tạo thành tuyết. Một phần nước mưa và tuyết tan tụ lại thành các dòng sông rồi chảy ra biển, một phần khác ngấm xuống đất thành nước ngầm rồi chảy ra biển và đại dương.

* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

Bước 4. Đánh giá:

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.

Ngày soạn 05.03.2022

Tuần 26

Tiết 77

CHƯƠNG 5. NƯỚC TRÊN TRÁI ĐẤT
BÀI 16. THỦY QUYỂN. VÒNG TUẦN HOÀN NƯỚC.
NƯỚC NGẦM, BĂNG HÀ (tiếp theo)

I. MỤC TIÊU**1. Về kiến thức**

- Nêu được tầm quan trọng của nước ngầm và băng hà.

2. Về năng lực**a. Năng lực chung:**

- Năng lực tự học: khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm có hiệu quả.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sử dụng công cụ, phương tiện phục vụ bài học, biết phân tích và xử lí tình huống.

b. Năng lực đặc thù:

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: nhận thức được tầm quan trọng của nước ngầm và băng hà.

- Năng lực tìm hiểu địa lí:

+ Khai thác kênh hình và kênh chữ trong sách giáo khoa (SGK) từ trang (tr) 173-177.

+ Sử dụng biểu đồ hình 16.4 SGK tr176 để xác định tỉ lệ các loại nước trên Trái Đất.

- Năng lực vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: nêu được các nguyên nhân, hậu quả của vấn đề ô nhiễm nước ở địa phương và đề ra giải pháp khắc phục.

3. Về phẩm chất:

- Ý thức học tập nghiêm túc, say mê yêu thích tìm tòi những thông tin khoa học về nước trên Trái Đất.

- Ý thức bảo vệ nguồn nước trên Trái Đất.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên (GV)

- Giáo án, SGK, sách giáo viên (SGV), TBĐ Địa lí 6.

- Sơ đồ vòng tuần hoàn nước.

- Bảng phụ trò chơi ô chữ và phần thưởng cho HS.

- Bảng phụ ghi câu hỏi thảo luận nhóm và bảng nhóm cho HS trả lời.

2. Học sinh (HS): SGK, vở ghi, TBĐ Địa lí 6, máy tính bỏ túi.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động (10 phút)

a. Mục tiêu: Tạo tình huống giữa cái đã biết và chưa biết nhằm tạo hứng thú học tập cho HS.

b. Nội dung: GV tổ chức trò chơi ô chữ cho HS.

c. Sản phẩm: HS giải mã được các ô chữ GV đặt ra.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ:

* GV treo bảng phụ trò chơi ô chữ lên bảng:

A

1									
2									
3									
	4								

* GV phổ biến luật chơi:

- Trò chơi ô chữ gồm 4 ô chữ hàng ngang được đánh số từ 1 đến 4 sẽ tương ứng với 4 câu hỏi và 1 ô từ khóa hàng dọc A.

- Các em dựa vào TBĐ Địa lí 6 và kiến thức đã học để trả lời, các em có quyền lựa chọn thứ tự câu hỏi để trả lời, mỗi câu hỏi có 2 lượt trả lời.

- Em nào trả lời đúng sẽ nhận được 1 phần quà nhỏ (ví dụ 1 cây bút) và ô chữ sẽ hiện ra các chữ cái tương ứng, trả lời sai ô chữ sẽ bị khóa lại, trong quá trình trả lời, em nào trả lời đúng tên từ khóa thì sẽ nhận được phần quà lớn hơn (ví dụ 3 cây bút).

* Hệ thống câu hỏi:

Câu 1. Nước ta tiếp giáp với biển nào?

Câu 2. Tên tầng khí quyển nằm gần sát mặt đất.

Câu 3. Hiện tượng xảy ra khi ánh nắng Mặt Trời chiếu xuống bề mặt biển và đại dương.

Câu 4. Đây là hồ nước lớn nhất ở châu Phi.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

* HS dựa vào TBĐ Địa lí 6 tr13, 22 và kiến thức đã học, suy nghĩa để trả lời câu hỏi.

* GV quan sát, đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3: Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

				A					
	1	B	I	Ê	N	Đ	Ô	N	G
2	Đ	Ó	I	L	Ư	U			
3	B	Ó	C	H	Ơ	I			
	4	V	I	C	T	O	R	I	A

* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

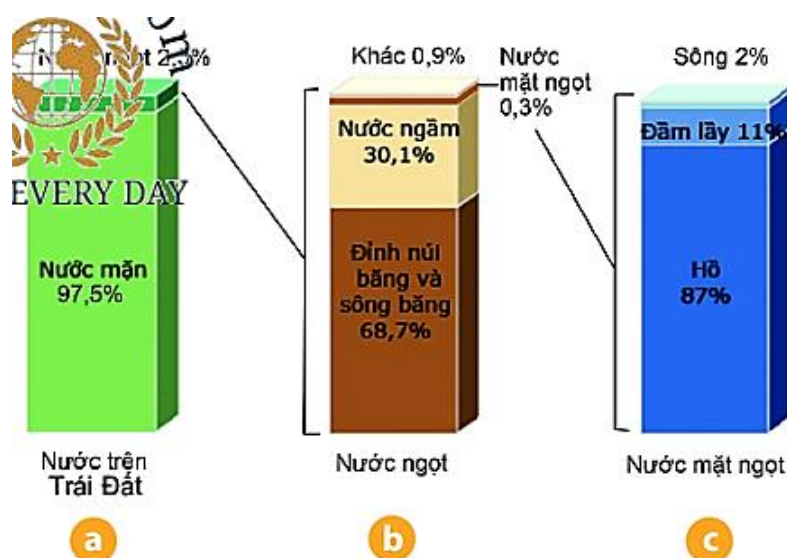
Bước 4. GV dẫn dắt vào nội dung bài mới: Trái Đất không giống với bất kì một hành tinh nào trong hệ Mặt Trời vì Trái Đất có nước. Nhờ có nước, Trái Đất trở thành một hành tinh có sự sống. Vậy nước trên Trái Đất gồm những thành phần gì? Các thành phần ấy liên quan với nhau ra sao? Và nước có tầm quan trọng như thế nào đối với sự sống trên Trái Đất? Để biết được điều này, lớp chúng ta sẽ cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (60 phút)

2.3. Tìm hiểu về nước ngầm và băng hà (25 phút)

a. Mục tiêu: HS nêu được tầm quan trọng của nước ngầm và băng hà.

b. Nội dung: Quan sát biểu đồ hình 16.4 và các ảnh hình 16.5 kết hợp kênh chữ SGK tr175-177; suy nghĩ, thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi của GV.



Hình 16.4. Tỷ lệ các loại nước trên Trái Đất.



Hình 16.5. Băng hà ở hai vùng cực và trên núi.

c. **Sản phẩm:** trả lời được các câu hỏi của GV.

d. **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bài
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * GV cho HS đọc nội dung mục III SGK. * GV chia lớp làm 8 nhóm, mỗi nhóm từ 4 đến 6 em, yêu cầu HS quan sát hình 16.4, 16.5 và thông tin trong bài, thảo luận nhóm trong 5 phút để trả lời các câu hỏi sau: <ul style="list-style-type: none"> - Nhóm 1, 2, 3, 4: <ul style="list-style-type: none"> + So sánh tỉ lệ giữa nước mặn và nước ngọt trên Trái Đất. + Xác định tỉ lệ nước ngầm trong tổng lượng nước ngọt trên Trái Đất. + Nước ngầm là gì? Nêu tầm quan trọng của nước ngầm. 	<p>III. Nước ngầm và băng hà</p> <p>1. Nước ngầm</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khái niệm: là nước nằm dưới bề mặt đất do nước mưa, băng tuyết tan và sông hồ thấm vào mặt đất mà thành. - Tầm quan trọng: cung cấp nước cho sinh hoạt, sản

- + Người ta khai thác nước ngầm bằng cách nào?
- Nhóm 5, 6, 7, 8:
- + Kể tên những nơi có băng hà.
- + Xác định tỉ lệ băng hà trong tổng lượng nước ngọt trên Trái Đất.
- + Băng hà là gì? Nêu tầm quan trọng của băng hà.
- + Vì sao trên dãy Hi-ma-lay-a lại có băng hà bao phủ?

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

- * HS đọc bài.
- * HS dựa vào hình 16.4, 16.5, đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi.
- * GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

- * Sau khi nhóm HS có sản phẩm, GV cho các nhóm HS trình bày sản phẩm của mình, đại diện 2 nhóm (ví dụ: nhóm 1, nhóm 5) lần lượt lên thuyết trình câu trả lời trước lớp:
- Nhóm 1:
 - + Tỉ lệ nước mặn chiếm đến 97,5% cao hơn rất nhiều so với nước ngọt chỉ chiếm 2,5%, cao hơn đến 95%.
 - + Tỉ lệ nước ngầm chiếm 30,1% tổng lượng nước ngọt trên Trái Đất.
 - + HS đọc kênh chữ SGK trang 176 để nêu khái niệm và tầm quan trọng của nước ngầm (Nội dung ghi bài).
 - + Người ta khai thác nước ngầm bằng cách đào giếng và khoan giếng để lấy nước ngầm.
- Nhóm 5:
 - + Những nơi có băng hà gồm: Nam Cực, Bắc Cực, trên dãy Hi-ma-lay-a...
 - + Băng hà chiếm tỉ lệ lớn đến 68,7% trong tổng lượng nước ngọt trên Trái Đất.
 - + HS đọc kênh chữ SGK trang 177 để nêu khái niệm và nêu tầm quan trọng của băng hà (Nội dung ghi bài).
 - + HS giải thích: Vì càng lên cao thì nhiệt độ càng giảm, cứ lên cao 100m thì sẽ giảm 0,6⁰C, mà Hi-ma-lay-a là dãy núi cao nhất thế giới (có đỉnh Everest cao 8848m) nên khi đến một độ cao nhất định, nhiệt độ giảm xuống dưới 0⁰C thì có tuyết rơi và tích tụ lại tạo thành băng hà.

xuất công nghiệp, nông nghiệp.

2. Băng hà

- Khái niệm: là những khối băng khổng lồ, dịch chuyển chậm trên đất liền.
- Tầm quan trọng: cung cấp nước cho các sông miền ôn đới hay các sông bắt nguồn từ núi cao. Là nguồn dự trữ nước ngọt lớn nhất Trái Đất.

<p>* HS các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp nhóm bạn và sản phẩm của nhóm mình.</p> <p>Bước 4. Đánh giá: GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.</p> <p>GV mở rộng: trên Trái Đất 99% băng hà phân bố ở vùng cực, trong đó Nam Cực chiếm đến 90%. Do hiện tượng nóng lên toàn cầu, nhiều khối băng hà trên các đỉnh núi cao và Nam Cực, ở đảo Gron-len đang tan. Điều này gây nhiều hậu quả về môi trường.</p>	
---	--

3. Hoạt động luyện tập (10 phút)

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn.

c. Sản phẩm: trả lời được câu hỏi mà GV giao.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ: Dựa vào kiến thức đã học, em hãy trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1. *Nguồn năng lượng chính cung cấp cho vòng tuần hoàn của nước trên Trái Đất là:*

- A. Năng lượng gió
- B. Năng lượng thủy triều
- C. Năng lượng bức xạ mặt trời
- D. Năng lượng địa nhiệt

Câu 2. *Vẽ sơ đồ thể hiện các thành phần chủ yếu của thủy quyển.*

Câu 3. *Nêu tầm quan trọng của nước ngầm.*

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

* HS dựa vào kiến thức đã học, suy nghĩ, trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi.

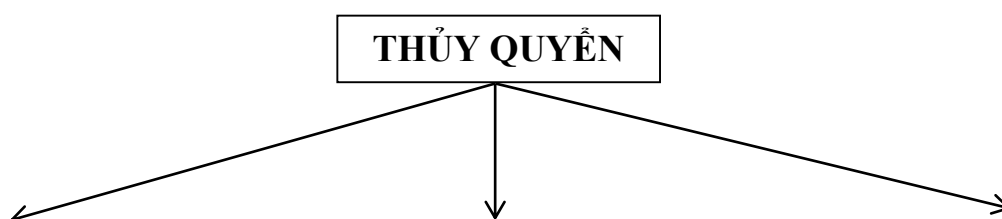
* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

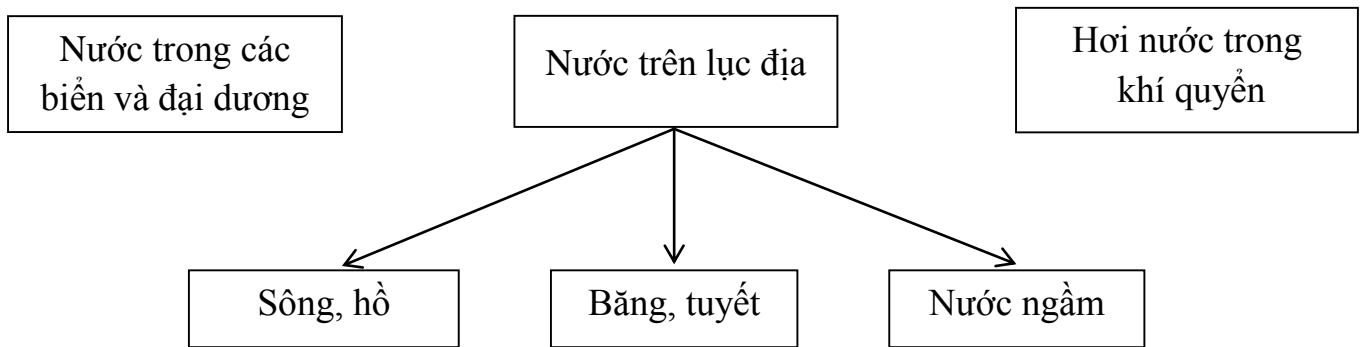
Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

Câu 1. Đáp án C

Câu 2.





Sơ đồ các thành phần chủ yếu của thủy quyển

Câu 3: Tầm quan trọng của nước ngầm: cung cấp nước cho sinh hoạt, sản xuất công nghiệp, nông nghiệp.

* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

Bước 4. Đánh giá:

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

4. Hoạt động vận dụng (10 phút)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn.

c. Sản phẩm: trả lời được câu hỏi mà GV giao.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ: Dựa vào kiến thức đã học và hiểu biết của bản thân, em hãy trả lời các câu hỏi sau:

Câu 1. Em hãy nêu một số nguyên nhân làm ô nhiễm nước ngọt ở địa phương em.

Câu 2. Nguồn nước ngọt bị ô nhiễm sẽ dẫn đến những hậu quả gì? Theo em, cần thực hiện những biện pháp gì để bảo vệ nguồn nước tránh bị ô nhiễm?

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

* HS dựa vào kiến thức đã học, suy nghĩ, trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi.

* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

Câu 1. Một số nguyên nhân làm ô nhiễm nước ngọt ở địa phương em: phân bón và thuốc trừ sâu từ sản xuất nông nghiệp, rác thải sinh hoạt, nước thải và chất thải hóa học từ các nhà máy, xí nghiệp công nghiệp thải ra sông, hồ.

Câu 2.

- Hậu quả: làm chết các loài động vật và thực vật sống trong nước, ảnh hưởng xấu đến sức khỏe của con người, gây các bệnh tiêu chảy, ung thư,...

- Biện pháp: cần phải tuyên truyền, nâng cao ý thức của người dân; hạn chế sử dụng rác thải không thể phân hủy được như túi nilon, nhựa; thu gom, xử lý chất thải và nước thải đúng kỹ thuật...

* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

Bước 4. Đánh giá:

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

Ngày soạn 12.03.2022

Tuần 27

Tiết: 79 +80

BÀI 17. SÔNG VÀ HỒ (2 tiết)

I. MỤC TIÊU

1. Về kiến thức

- Mô tả được các bộ phận của một dòng sông lớn.
- Mô tả được mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với nguồn cấp nước sông.
- Nêu được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp nước sông, hồ.

2. Về năng lực

a. Năng lực chung:

- Năng lực tự học: khai thác được tài liệu phục vụ cho bài học.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: làm việc nhóm có hiệu quả.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: biết sử dụng công cụ, phương tiện phục vụ bài học, biết phân tích và xử lý tình huống.

b. Năng lực đặc thù:

- Năng lực nhận thức khoa học địa lí: nhận thức được mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với nguồn cấp nước sông và vai trò của nước sông, hồ.
- Năng lực tìm hiểu địa lí:
 - + Khai thác kênh hình và kênh chữ trong SGK từ tr 178-180.
 - + Quan sát mô hình 17.1 SGK tr178 để mô tả các bộ phận chính của sông.
 - + Sử dụng bảng số liệu 17.1 SGK tr179 để nêu mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với nguồn cấp nước sông.
- Năng lực vận dụng tri thức địa lí giải quyết một số vấn đề thực tiễn: nêu được tên các con sông và hồ ở địa phương.

3. Về phẩm chất:

- Ý thức học tập nghiêm túc, say mê yêu thích tìm tòi những thông tin khoa học về sông hồ.
- Ý thức bảo vệ nguồn nước sông, hồ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Giáo viên (GV)

- Giáo án, SGK, SGV, TBĐ Địa lí 6.
- Mô hình một hệ thống sông.
- Bảng phụ ghi câu hỏi thảo luận nhóm và bảng nhóm cho HS trả lời.

2. Học sinh (HS): SGK, vở ghi, TBĐ Địa lí 6.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động (5 phút)

a. Mục tiêu: Tạo tình huống giữa cái đã biết và chưa biết về một số dạng địa hình chính nhằm tạo hứng thú học tập cho HS.

b. Nội dung: GV đặt các câu hỏi kích thích sự tư duy cho HS trả lời.

c. Sản phẩm: HS trả lời được các câu hỏi GV đặt ra.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ: *Em hãy quan sát TBĐ Địa lí 6 trang 10, 11, kể tên một số sông và hồ trên Trái Đất.*

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS suy nghĩ để trả lời câu hỏi.
- GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3: Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

- Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

+ Sông: Amazon, Nin, Trường Giang, Hoàng Hà, Mê Công...

+ Hồ: Victoria, Mi-si-gân, Gấu Lớn, Baican, Sat...

- HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

Bước 4. GV dẫn dắt vào nội dung bài mới: Vậy sông là gì? Hồ là gì? Sông và hồ có vai trò gì đối với sự sống trên Trái Đất? Để biết được điều này, lớp chúng ta cùng tìm hiểu qua bài học hôm nay.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức (30 phút)

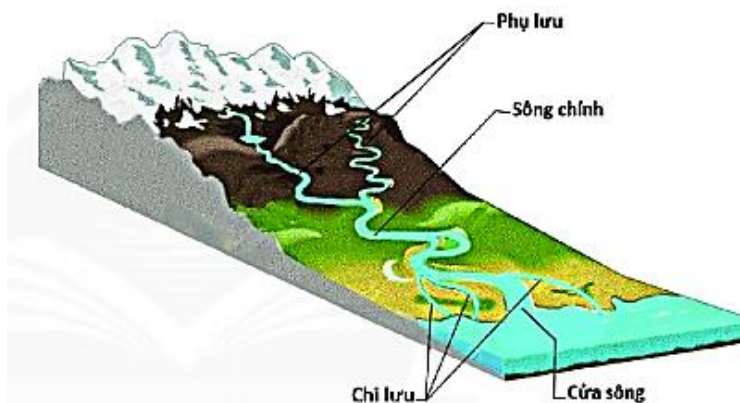
2.3. Tìm hiểu về sông và lưu lượng nước của sông (20 phút)

a. Mục tiêu:

- Mô tả được các bộ phận của một dòng sông lớn.

- Mô tả được mối quan hệ giữa mùa lũ của sông với nguồn cấp nước sông.

b. Nội dung: Quan sát biểu đồ hình 17.1. Mô hình một hệ thống sông, bảng 17.1. Lưu lượng và lượng mưa của sông Gianh kết hợp kênh chữ SGK tr178, 179 thảo luận nhóm để trả lời các câu hỏi của GV.



Hình 17.1. Mô hình một hệ thống sông.

c. Sản phẩm: trả lời được các câu hỏi của GV.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bài
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ:</p> <p>* GV cho HS đọc nội dung mục I SGK.</p> <p>* GV chia lớp làm 8 nhóm, yêu cầu HS quan sát hình 17.1, bảng 17.1 SGK và thông tin trong bài, thảo luận nhóm trong 5 phút để trả lời các câu hỏi sau:</p> <p>- Nhóm 1, 2, 3, 4:</p> <p>+ Sông là gì? Mô tả các bộ phận chính của một dòng sông.</p>	<p>I. Sông và lưu lượng nước của sông</p> <p>1. Các bộ phận của dòng sông</p> <p>- Sông là dòng chảy thường xuyên, tương đối ổn định trên bề mặt lục địa, được các nguồn nước mưa, nước</p>

<p>+ Theo em, cần làm gì để bảo vệ sự trong sạch ở các dòng sông?</p> <p>- Nhóm 5, 6, 7, 8:</p> <p>+ Lưu lượng nước sông là gì? Cho biết mùa lũ ở sông Gianh vào những tháng nào?</p> <p>+ Những tháng nào có lượng mưa lớn nhất? Rút ra mối quan hệ giữa mùa lũ của sông và nguồn cấp nước sông.</p> <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <p>* HS đọc bài.</p> <p>* HS dựa vào hình 17.1, bảng 17.1 SGK, đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ, thảo luận nhóm để trả lời câu hỏi.</p> <p>* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.</p> <p>Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:</p> <p>* Sau khi nhóm HS có sản phẩm, GV cho các nhóm HS trình bày sản phẩm của mình, đại diện các nhóm 2 và 7 lần lượt lên thuyết trình câu trả lời trước lớp:</p> <p>- Nhóm 2:</p> <p>+ HS nêu khái niệm sông theo nội dung SGK dòng 1, 2 tr178 (Nội dung ghi bài)</p> <p>+ Các bộ phận chính của sông gồm sông chính chảy từ nơi bắt nguồn đến nơi đổ ra biển, phụ lưu là các sông đổ nước vào sông chính, chi lưu là các sông thoát nước giúp sông chính, cửa sông là nơi nước sông đổ ra biển.</p> <p>+ Biện pháp: Giáo dục ý thức của con người, hạn chế sử dụng rác thải không thể phân hủy được như túi nilon, nhựa; thu gom, xử lý chất thải và nước thải đúng kỹ thuật...</p> <p>- Nhóm 7:</p> <p>+ HS nêu khái niệm lưu lượng nước sông theo nội dung SGK dòng 1, 2 SGK tr179 (Nội dung ghi bài)</p> <p>+ Mùa lũ của sông Gianh từ tháng 9 đến 11, những tháng có lượng mưa cao nhất cũng vào thời điểm tháng 9 đến 11. Qua đó ta thấy mùa lũ tương ứng với mùa mưa, mùa cạn sẽ tương ứng với mùa khô.</p> <p>* HS các nhóm còn lại lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp nhóm bạn và sản phẩm của nhóm mình.</p> <p>Bước 4. Đánh giá:</p>	<p>ngâm, nước băng tuyết tan nuôi dưỡng.</p> <p>- Dòng sông chính cùng các chi lưu, phụ lưu hợp thành hệ thống sông.</p> <p>2. Lưu lượng nước sông</p> <p>- Lưu lượng nước sông là lượng nước chảy qua mặt cắt ngang lòng sông ở một địa điểm nào đó, trong một giây đồng hồ (m^3/s)</p> <p>- Vào mùa mưa, nguồn cấp nước chính cho sông là nước mưa, mực nước long sông dâng cao, sông chảy mạnh và ngược lại vào mùa khô.</p> <p>- Sự thay đổi lưu lượng nước sông trong một năm gọi là chế độ dòng chảy.</p>
---	---

<p>- GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.</p> <p>GV mở rộng: sông dài nhất thế giới là sông Amazon 6992km ở lục địa Nam Mỹ.</p>	
---	--

2.2. Tìm hiểu về hồ (5 phút)

a. **Mục tiêu:** HS biết phân loại hồ.

b. **Nội dung:** Quan sát hình 17.2. Hồ Xuân Hương, hình 17.3. Hồ Tơ Nưng kết hợp kênh chữ SGK tr179, suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.



Hình 17.2. Hồ Xuân Hương ở thành phố Đà Lạt, Lâm Đồng được hình thành bởi việc ngăn đập trên suối Cam Ly.



Hình 17.3. Hồ Tơ Nưng (T'Nưng) ở thành phố Pleiku (Pleiku), Gia Lai được hình thành từ miệng núi lửa đã tắt.

c. **Sản phẩm:** trả lời được các câu hỏi của GV.

d. **Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bài
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * GV cho HS đọc nội dung mục II SGK. * GV yêu cầu HS quan sát hình 17.2, 17.3 SGK, và thông tin trong bài, lần lượt trả lời các câu hỏi sau: <ul style="list-style-type: none"> - Hồ là gì? Dựa vào tính chất của nước người ta chia thành những loại hồ nào? - Hồ Xuân Hương và hồ Tơ Nưng có nguồn gốc từ đâu? <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * HS đọc bài. * HS dựa vào hình 17.2, 17.3, đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ để trả lời câu hỏi. * GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS. <p>Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:</p>	<p>II. Hồ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hồ là những khoảng nước đọng tương đối rộng và sâu trong đất liền. - Phân loại hồ: <ul style="list-style-type: none"> + Dựa vào tính chất: hồ nước mặn và hồ nước ngọt. + Dựa vào nguồn gốc: hồ tự nhiên, hồ nhân tạo.

<p>* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS nêu khái niệm hồ theo nội dung SGK dòng 1, 2 tr179 (Nội dung ghi bài) - Dựa vào tính chất có hồ nước mặn và hồ nước ngọt. - Hồ Xuân Hương là hồ nhân tạo do con người ngăn đập trên suối Cam Ly; hồ Tơ Nung là hồ tự nhiên được hình thành từ miệng núi lửa đã tắt. <p>* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.</p> <p>Bước 4. Đánh giá:</p> <p>GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.</p> <p>GV mở rộng: ngoài ra còn có hồ hình thành từ đoạn sông cũ như hồ Tây ở Hà Nội.</p>	
---	--

2.3. Tìm hiểu vấn đề sử dụng tổng hợp nước sông, hồ (5 phút)

a. Mục tiêu: HS nêu được tầm quan trọng của việc sử dụng tổng hợp nước sông, hồ.

b. Nội dung: Quan sát hình 17.4. Một số mục đích sử dụng nước sông, hồ kết hợp kênh chữ SGK 180, suy nghĩ cá nhân để trả lời các câu hỏi của GV.



c. Sản phẩm: câu hỏi của
d. Tổ chức

trả lời được các GV.
thực hiện:

Hình 17.4. Một số mục đích sử dụng nước sông, hồ.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung ghi bài
<p>Bước 1. Giao nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * GV cho HS đọc nội dung mục III SGK. * GV yêu cầu HS quan sát hình 17.4 SGK, và thông tin trong bài, lần lượt trả lời các câu hỏi sau: - Kể tên những mục đích sử dụng nước sông, hồ. 	<p>III. Sử dụng tổng hợp nước sông, hồ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mục đích: sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, phát triển thủy điện, thủy lợi,

<p>- Cho biết nước sông hồ có thể sử dụng cho nhiều mục đích không? Vì sao?</p> <p>Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:</p> <ul style="list-style-type: none"> * HS đọc bài. * HS dựa vào hình 17.4, đọc kênh chữ trong SGK, suy nghĩ để trả lời câu hỏi. * GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS. <p>Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:</p> <ul style="list-style-type: none"> * Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình: <ul style="list-style-type: none"> - HS kể những mục đích sử dụng nước sông, hồ theo sơ đồ hình 17.4 (Nội dung ghi bài) - Nước sông hồ có thể sử dụng cho nhiều mục đích vì để tránh lãng phí, giúp nâng cao hiệu quả kinh tế. * HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân. <p>Bước 4. Đánh giá:</p> <p>GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS và chốt lại nội dung chuẩn kiến thức cần đạt.</p>	<p>giao thông vận tải đường sông, du lịch, nuôi trồng thủy sản...</p> <p>- Tầm quan trọng: nâng cao hiệu quả kinh tế, tránh lãng phí và góp phần bảo vệ tài nguyên nước.</p>
---	--

3. Hoạt động luyện tập (5 phút)

a. Mục tiêu: Nhằm củng cố, hệ thống hóa, hoàn thiện kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội ở hoạt động hình thành kiến thức.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn.

c. Sản phẩm: trả lời được câu hỏi mà GV giao.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi cho HS:

Câu 1. *Vẽ sơ đồ thể hiện các bộ phận chính của một dòng sông lớn.*

Câu 2. *Sông nào cung cấp nước cho hồ Dầu Tiếng? Nước hồ Dầu có được sử dụng tổng hợp?*

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

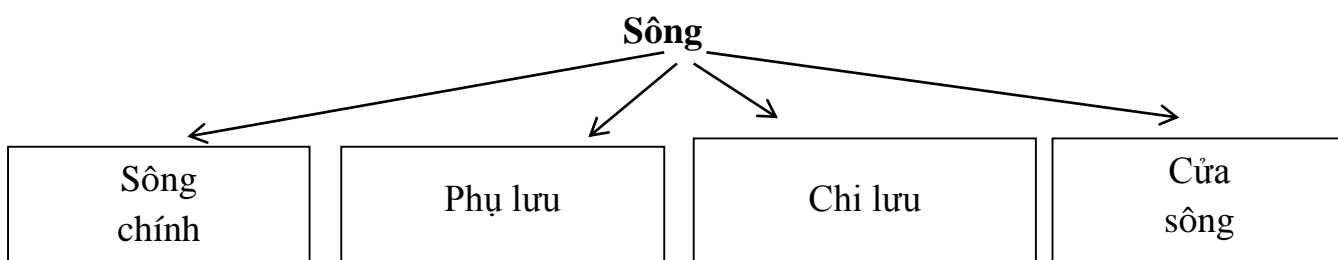
- * HS dựa vào kiến thức đã học, suy nghĩ, trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi.

- * GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

Câu 1:



Câu 2: Sông Sài Gòn cung cấp nước cho hồ Dầu Tiếng. Hồ Dầu Tiếng được sử dụng tổng hợp để phát triển du lịch, thủy sản, trồng rừng...

4. Hoạt động vận dụng (5 phút)

a. Mục tiêu: Vận dụng kiến thức mới mà HS đã được lĩnh hội để giải quyết những vấn đề mới trong học tập.

b. Nội dung: GV giao nhiệm vụ cho HS và chủ yếu cho làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập. Trong quá trình làm việc HS có thể trao đổi với bạn.

c. Sản phẩm: trả lời được câu hỏi mà GV giao.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1. Giao nhiệm vụ: GV đặt câu hỏi cho HS: *Em hãy nêu tên các con sông và hồ ở TPHCM.*

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ:

* HS dựa vào kiến thức đã học, suy nghĩ, trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi.

* GV quan sát, trợ giúp HS khi có yêu cầu. Đánh giá thái độ và khả năng thực hiện nhiệm vụ học tập của HS.

Bước 3. Báo cáo kết quả và trao đổi, thảo luận:

* Sau khi cá nhân HS có sản phẩm, GV lần lượt gọi HS trình bày sản phẩm của mình:

- Các sông: Sài Gòn, Đồng Nai, Lòng Tàu, Ngã Bảy, Nhà Bè...

- Hồ: Con Rùa (hồ phun nước nhân tạo), các hồ bơi nhân tạo: Kỳ Đồng, Vân Đồn, Trung Sơn, Hàng Hải...

* HS khác lắng nghe, bổ sung, chỉnh sửa sản phẩm giúp bạn và sản phẩm của cá nhân.

Bước 4. Đánh giá:

GV đánh giá tinh thần thái độ học tập của HS, đánh giá kết quả hoạt động của HS.

